

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC



DCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DCH

Địa chỉ: 58A Võ Văn Dũng, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 028 36380369

Fax:

HÀ NỘI – NĂM 2023

HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DCH

Địa chỉ: 58A Võ Văn Dũng, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Hà Nội
Tel: 024.6275.4606
Email: dchcompany@gmail.com

THƯ NGỎ

Kính gửi Quý khách hàng!

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng DCH (sau đây gọi tắt là DCH) được thành lập và phát triển bởi đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ sư năng động, giàu kinh nghiệm. Chúng tôi đã có hơn 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thi công, xây lắp, cung cấp và lắp đặt thiết bị các công trình dân dụng, y tế, Hệ thống xử lý nước thải các khu công nghiệp, bệnh viện, xử lý rác thải công nghiệp, bệnh viện; đầu tư kinh doanh bất động sản; xây dựng các công trình khu công nghiệp, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật.

Chúng tôi luôn nỗ lực, phấn đấu để trở thành đối tác tin cậy và tạo được sự tin nhiệm cao của khách hàng, mang đến cho khách hàng sự thỏa mãn và hài lòng trong mọi quá trình hợp tác. Với nguồn nhân lực chuyên nghiệp, cùng hệ thống máy móc thiết bị đồng bộ và hiện đại, chúng tôi luôn đáp ứng và hoàn thành tốt mọi yêu cầu của khách hàng về chất lượng, tiến độ, kỹ mỹ thuật của công trình. Ngoài ra, trong công tác quản trị doanh nghiệp, công ty chúng tôi luôn áp dụng những kiến thức khoa học, những công nghệ tiên tiến, cùng các quy trình quản lý theo tiêu chuẩn chất lượng ISO trong việc điều hành và tổ chức thi công để tạo ra những sản phẩm tốt nhất, giá trị cao nhất, mang lại sự hài lòng cho khách hàng trong mọi quá trình hợp tác.

DCH có đủ năng lực và kinh nghiệm để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Sức mạnh của chúng tôi được xây dựng trên nền tảng cốt lõi là văn hóa doanh nghiệp được sàng lọc và kết tinh trong quá trình xây dựng cải tiến không ngừng của các thành viên trong công ty. Chúng tôi cam kết tổ chức thi công đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, kỹ mỹ thuật, vượt tiến độ và tiết kiệm tối đa vốn Nhà đầu tư.

Rất mong nhận được sự hợp tác từ Quý khách hàng.

Trân trọng cảm ơn !..

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
DCH
Q. ĐÔNG ĐA - TP. HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Tích

MỤC LỤC HỒ SƠ NĂNG LỰC

- Phần I HỒ SƠ PHÁP LÝ**
1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng 1
 2. Giới thiệu chung
 3. Hình ảnh một số thành tựu của công ty
- Phần II NHÂN LỰC VÀ SƠ ĐỒ TỔ CHỨC**
1. *Sơ đồ tổ chức bộ máy công ty*
 2. *Năng lực chuyên môn của cán bộ công, nhân viên*
 - 2.1. Bảng tổng hợp trình độ chuyên môn của cán bộ công, nhân viên
 - 2.2. Bảng tổng hợp năng lực của công nhân kỹ thuật
 3. *Bảng cấp một số cán bộ chủ chốt*
- Phần III CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN**
1. Bảng kê khai các hợp đồng đã và đang thực hiện
 2. Một số Hợp đồng kinh tế
- Phần IV NĂNG LỰC TÀI CHÍNH**
- Báo cáo tài chính năm 2018, 2019, 2020

PHẦN I: HỒ SƠ PHÁP LÝ

GIỚI THIỆU CHUNG

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng DCH được Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh theo giấy phép số 0102712020.

Tên giao dịch: **DCH CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt: **DCH., JSC**

Địa chỉ: Số 58A, Võ Văn Dũng, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, TP Hà nội

ĐT: 024-62754605 Fax: 024-62753933

Vốn điều lệ: **600.000.000.000** đồng (Sáu trăm tỷ đồng chẵn)

Công ty hiện đang hoạt động trên các lĩnh vực sau:

STT	Tên ngành nghề
1.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
2.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác
3.	Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp
4.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
5.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
6.	Sản xuất hóa chất cơ bản
7.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
8.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
10.	Sản xuất, mua bán đồ gỗ, gỗ (trừ gỗ nhà nước cấm)
11.	Bán buôn đồ dung khác cho gia đình
12.	Hoạt động hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác
13.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
14.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
15.	Cho thuê xe có động cơ
16.	Bán mô tô, xe máy
17.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy
18.	Vận tải hành khách đường bộ khác
19.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép

	Chi tiết: Buôn bán quần áo bảo hộ, các sản phẩm ngành may mặc;
20.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)
21.	Quảng cáo
22.	In ấn
23.	Dịch vụ liên quan đến in
24.	Đại lý môi giới đầu giá
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0102712020
Đăng ký lần đầu: ngày 07 tháng 04 năm 2008
Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 21 tháng 01 năm 2021

1. Tên công ty
Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DCH
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DCH CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên công ty viết tắt: Công ty DCH

2. Địa chỉ trụ sở chính
Số 58A, phố Võ Văn Dũng, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 0246. 2754605 Fax:
Email: Website:


3. Vốn điều lệ
Vốn điều lệ: 600.000.000.000 đồng.
Bằng chữ: Sáu trăm tỷ đồng
Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
Tổng số cổ phần: 60.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty
* Họ và tên: NGUYỄN VĂN THÁNH Giới tính: Nam
Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Sinh ngày: 10/07/1974 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001074003477
Ngày cấp: 20/11/2019 Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
Địa chỉ thường trú: Số 58A phố Võ Văn Dũng, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ liên lạc: Số 58A phố Võ Văn Dũng, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Duy Cường

CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG HẠNG I

BỘ XÂY DỰNG CỤC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG	
Số: BXD-00039414 <i>(Ban hành kèm theo Quyết định số: 11/QĐ-HĐXD-DN ngày 05/5/2021 và Quyết định số: 02/QĐ-HĐXD- DN ngày 21/01/2021)</i>	
Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DCH	
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập số: 0102712020	
Ngày cấp: 07/4/2008.	
Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.	
Tên người đại diện theo pháp luật:	
Ông/Bà: Nguyễn Văn Thành	Chức vụ: CTHĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Địa chỉ trụ sở chính: Số 58A, phố Võ Văn Dũng, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	
Số điện thoại: 024.62754605	Số fax:
E-mail:	Website:
Phạm vi hoạt động xây dựng:	
1. Thi công xây dựng công trình:	
- Dân dụng: Hạng I	
Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 21/01/2031.	
<i>Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2021</i> CỤC TRƯỞNG  <i>[Signature]</i> TS. Hoàng Quang Nhu	

**SỞ XÂY DỰNG
HẢI PHÒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: HAP-00039414

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 606/QĐ-SXD ngày 27/04/2020)

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ DCH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập số: 0102712020.

Ngày cấp: 07/04/2008. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Tên người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Thành Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 58A, phố Võ Văn Dũng, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Số điện thoại: 02432754605 Số fax:

E-mail: Website:

Phạm vi hoạt động xây dựng:

1. Giám sát thi công xây dựng công trình: dân dụng; đường bộ; cầu; hạ tầng kỹ thuật (trừ công trình xử lý chất thải rắn) hạng III.

2. Thi công xây dựng công trình: dân dụng; công nghiệp (nhẹ); thủy lợi; đường bộ; cầu; hạ tầng kỹ thuật (trừ công trình xử lý chất thải rắn) hạng III.

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 27/04/2030.

Hải Phòng, ngày 27 tháng 04 năm 2020

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Tuấn

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Ngay từ khi bắt đầu hoạt động, Ban lãnh đạo Công ty đã hoạch định chiến lược phát triển với phương châm:

Lấy chất lượng dịch vụ và sản phẩm làm ưu tiên hàng đầu.

Về nguồn lực:

Bên cạnh mục tiêu "Lấy chất lượng dịch vụ và sản phẩm làm ưu tiên hàng đầu, Công ty chúng tôi tiếp tục tập trung đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua các hình thức đào tạo ngắn hạn và dài hạn, trong và ngoài nước cho cán bộ, nhân viên công ty; hợp tác với các trường đại học, các trung tâm đào tạo trong nước và quốc tế để tìm kiếm những tài năng trẻ phục vụ nhu cầu phát triển lâu dài của công ty. Cùng cố tiềm lực về trang thiết bị và cơ sở vật chất, từ đó có được nguồn lực bền vững.

Về dịch vụ:

Chúng tôi luôn nhận thức được tầm quan trọng của dịch vụ sau bán hàng, vì vậy ngay từ khi mới thành lập, công ty củng cố và xây dựng bộ phận chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp, tận tâm, giải quyết các vấn đề phát sinh nhanh chóng trong vòng 24 giờ sau khi nhận được yêu cầu từ phía khách hàng.

Về sản phẩm:

Chúng tôi luôn tìm kiếm và mở rộng sản phẩm, hợp tác với những đối tác uy tín trên thế giới cũng như trong nước. Nắm bắt và chuyển giao công nghệ, đặt tham vọng có thể bước đầu sản xuất được những sản phẩm chất lượng.

Về thị trường:

Luôn nỗ lực mở rộng thị trường cả về chiều rộng cũng như chiều sâu. Điều này có nghĩa là ngoài việc phát triển thị trường, công ty luôn quan tâm đến chất lượng dịch vụ và sản phẩm, Điều đó được gọi là "Phát triển bền vững".

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

I. THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH, THI CÔNG LẮP ĐẶT THIẾT BỊ VÀO CÔNG TRÌNH

Công ty Cổ Phần Đầu tư xây dựng DCH là một trong những nhà thầu hàng đầu trong lĩnh vực thi công xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị các hệ thống cơ điện dự án. Qua hơn nhiều năm kinh nghiệm và phát triển, với đội ngũ nhân viên, kỹ sư có trình độ, lành nghề, làm việc chuyên nghiệp và nhiệt tình chúng tôi đã khẳng định là một trong các Công ty hàng đầu trong việc triển khai các dự án về thi công xây dựng và thi công lắp đặt thiết bị cơ điện.

Với phương châm: “Chất lượng là tốt nhất cho mỗi công trình”. Chúng tôi, nhà thầu xây dựng, lắp đặt thiết bị cơ điện luôn cam kết cung cấp các sản phẩm, dịch vụ chất lượng tốt nhất và những giải pháp tiên tiến nhất, tối ưu nhất cho quý khách hàng.

Hiện nay việc chọn lựa đơn vị thi công, thiết kế thi công xây dựng, cơ điện cũng rất quan trọng. Để cho công trình có thể hoạt động tốt thì không chỉ phần kiến trúc, hệ thống cơ điện được thi công bởi các nhà thầu cơ điện cũng phải thực sự hoàn hảo. Và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng DCH là nhà thầu thi công có đầy đủ năng lực đảm nhận được vai trò thiết kế cũng như thi công hệ thống cơ điện của công trình đưa ra.

II. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG, XỬ LÝ NƯỚC, RÁC THẢI Y TẾ, Y TẾ

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng DCH hoạt động trong lĩnh vực cung ứng các sản phẩm dịch vụ đô thị, vệ sinh môi trường, xử lý nước thải, chất thải rắn, xử lý không khí, ...

Nhằm giải quyết tình trạng ô nhiễm về chất thải rắn, chúng tôi cung cấp những giải pháp về xử lý chất thải rắn qua lò đốt rác thải y tế và công nghiệp.

Ngay khi mới thành lập công ty chúng tôi đã tham gia các công trình xử lý nước thải lớn cho các công trình trọng điểm với trình độ chuyên môn cao, thiết bị của các hãng có uy tín trên thế giới nên đã tạo được sự tin tưởng của khách hàng khi làm việc với công ty. Với mô hình hiện nay của công ty, chúng tôi có đủ khả năng và kinh nghiệm để thực hiện các gói thầu cũng như các công trình của bất cứ chủ đầu tư khó tính nào.

Với đội ngũ cán bộ công nhân viên đông đảo, chuyên nghiệp và trang thiết bị đầy đủ đồng bộ công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng DCH chúng tôi đã hoàn thành nhiệm vụ của

minh với chất lượng đảm bảo. Bên cạnh đó công ty DCH luôn chấp hành đầy đủ các quy trình công nghệ, định mức kinh tế, kỹ thuật trong quá trình thi công, nâng cao chất lượng quản lý, được các cơ sở chuyên ngành và các địa phương nơi công ty có địa bàn duy trì ghi nhận...

DCH là công ty có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực phân phối thiết bị y tế tại Việt Nam. DCH đã thiết lập quan hệ và trở thành nhà phân phối độc quyền của một số hãng lớn như: **Techtrol Incineration, Xograph (Anh), Schiller (Thụy Sĩ), Invivo (Mỹ), Horiba (Pháp), ... và nhiều trang thiết bị khác.**

III. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

Bắt đầu từ năm 2017, ngoài việc duy trì và phát triển ngành nghề truyền thống là nhà thầu thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị kinh doanh thiết bị y tế và khoa học kỹ thuật, Công ty DCH đã mở rộng phạm vi hoạt động sang lĩnh vực xây dựng và đầu tư kinh doanh các dự án bất động sản nghỉ dưỡng, khách sạn lưu trú và các dịch vụ giá trị gia tăng nhà ở cao cấp, dự án chung cư cao tầng, dự án nhà ở xã hội, khu đô thị... đảm bảo cho Công ty có tiềm lực kinh tế mạnh, đủ sức để cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước và trong khu vực.

A. Kinh doanh Đầu tư trong các lĩnh vực:

1. Cơ sở hạ tầng cho ngành y tế và các bệnh viện:

- Hạ tầng Công nghệ thông tin ngành y tế.
- Xây dựng các ngân hàng về gen, tế bào gốc (Bao gồm cả cơ sở dữ liệu và vật phẩm dược, mỹ phẩm, sinh hóa).
- Xây dựng các phòng thí nghiệm tiêu chuẩn phục vụ cho ngành y tế, nông nghiệp và công nghệ sinh học.

- Cung cấp và lắp đặt các thiết bị bệnh viện, thiết bị ngành y tế.

2. Cơ sở hạ tầng ngành Công nghệ thông tin:

- Hệ thống lưu trữ cơ sở dữ liệu DATA BASE.
- Mạng liên kết công nghệ thông tin, viễn thông.
- Các sản phẩm giải trí hợp pháp Game online, casino...
- Các sản phẩm về phần mềm ứng dụng, điều khiển...

3. Đầu tư và kinh doanh Bất động sản:

- Bất động sản nghỉ dưỡng, khách sạn lưu trú và các dịch vụ giá trị gia tăng kèm theo.

- Đầu tư, quản lý và vận hành sân golf.

- Đầu tư xây dựng nhà ở và các bất động sản cho thuê.

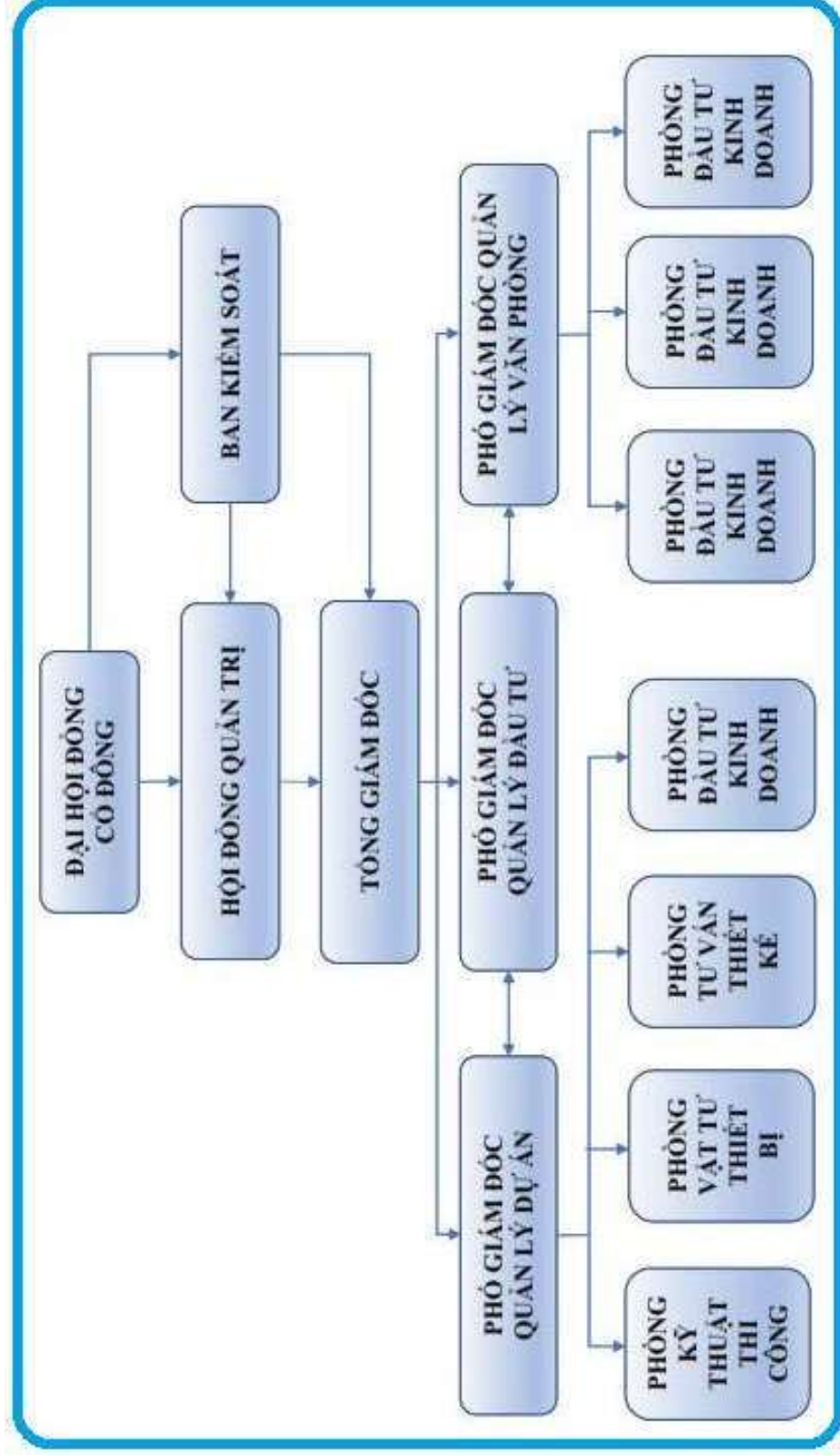
B. Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng

Song song với lĩnh vực đầu tư về thiết bị công nghệ, Công ty hoạt động hiệu quả trên lĩnh vực đầu tư xây dựng. Chúng tôi tập trung vào xây dựng các công trình hạ tầng khu công nghiệp, các dự án bất động sản nghỉ dưỡng, sân golf, khách sạn lưu trú và các dịch vụ giá trị gia tăng nhà ở cao cấp, dự án chung cư cao tầng, trung tâm thương mại, siêu thị, khu vui chơi giải trí, công trình công cộng phục vụ lợi ích xã hội. Dự tính mỗi năm doanh thu từ hoạt động này chiếm khoảng 60% tỷ trọng doanh thu của công ty.

Trong những năm gần đây, công ty đã đầu tư mở rộng lĩnh vực hoạt động xây dựng và lắp đặt các hệ thống trạm xử lý nước thải, xử lý môi trường, xây dựng các công trình thủy điện trên phạm vi khắp cả nước.

NHÂN LỰC VÀ SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

1. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY CÔNG TY



2. NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

2.1 Bảng tổng hợp trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên.

TT	Cán bộ chuyên	Số lượng	Thâm niên		
			< 5 năm	5-10 năm	>10 năm
I	Đại học và trên đại học	45	07	20	10
	Thạc sỹ	02		02	
	Kỹ sư xây dựng, cầu đường	16	04	08	04
	Kỹ sư cơ điện	16		03	05
	Kỹ sư thủy lợi	01		01	
	Kỹ sư công nghệ môi trường	02		01	01
	Kỹ sư địa chất công trình, trắc đạc	02	01	01	
	Cử nhân kinh tế - tài chính	04	02	02	
	Kỹ sư ATLĐ	02		02	
II	Cao đẳng + trung cấp	17	06	10	01
	Giao thông	04	01	02	01
	Xây dựng	03		03	
	Kinh tế	02	01	01	
	Cơ khí, cơ điện	02		02	
	Địa chất	01	01		
	Thủy lợi	03	02	01	
	Máy xây dựng	02	01	01	
III	Tổng cộng	62	13	30	11

2.2 Bảng tổng hợp năng lực trình độ công nhân kỹ thuật

TT	Công nhân theo nghề	Số lượng	Bậc < 4/7	Bậc 5/7	Bậc 6/7	Bậc 7/7
1	Công nhân lái xe, máy, thiết bị, ALTĐ	37	10	09	15	03
2	Công nhân cơ khí + điện	23	15	03	03	02
3	Thợ sửa chữa	08	04	02	01	01
4	Công nhân cầu đường và các ngành nghề khác	45	18	15	07	05
Cộng		113	39	27	16	12

2.3 Bảng tổng hợp năng lực thiết bị

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Năm sản xuất	Sở hữu	Thuê	Chất lượng
1	Xe lu tĩnh 10 tấn	4	1998	X		Tốt
2	Xe lu rung 12/25 Tấn	8	1994	X		Tốt
3	Máy đào gầu 0,5m ³ -	5	1992	X		Tốt
4	Máy đào gầu 0,7m ³	3	1992	X		Tốt
5	Máy đào gầu 0,9m ³	1	1992	X		Tốt
6	Xe ban gạt	2	1988	X		Tốt
7	Xe tưới nước	2	2.000	X		Tốt
8	Xe ủi D3	3	1987	X		Tốt
9	Xe ủi D5	1	1987	X		Tốt
10	Máy bơm nước (15HP)	5		X		Tốt
11	Bộ máy thâm nhựa nóng	2			X	Tốt
12	Cầu thùng	2	2012	X		Tốt
13	Máy vận thăng 2.000kg	2	2012	X		Tốt
14	Cầu tháp Potain 60m	2	2010		X	Tốt
15	Ô tô tự đổ 12m ³	6	2009		X	Tốt
16	Máy phát điện 75KVA	2	2012	X		Tốt
17	Máy toàn đạc	2	2015			Tốt
18	Máy Thủy Bình	10	2015			Tốt
19	Ván khuôn định hình	5.000m ²				Tốt
20	Đảm cóc	4	2017	X		Tốt
21	Đảm bản	4	2017		X	Tốt
22	Đảm dùi 1,5KW	8	2012	X		Tốt
23	Máy cắt và máy uốn sắt	6	2016	X		Tốt

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Năm sản xuất	Sở hữu	Thuê	Chất lượng
24	Máy khoan	2	2016	X		Tốt
25	Máy bơm nước	2	2012	X		Tốt
26	Dàn giáo	3.500 bộ	2017	X	X	Tốt
27	Coppa	12.000 m ²			X	Tốt
28	Máy bơm bê tông	10			X	Tốt
29	Máy hàn	4	2017	X		Tốt
30	Cây chống thép + ống thép D49	5.000 cây	2010	X		Tốt
31	Ván khuôn định hình	5.000 m ²	2010-2013	X		Tốt
32	Máy xoa nền	4	2015	X		Tốt
33	Container 40 feet (văn phòng)	1	2016	X		Tốt
34	Container 20 feet (văn phòng)	2	2016	X		Tốt
35	Container 20 feet (văn phòng)	6	2017		X	Tốt

CẦU THÁP POTAIN



VẬN THĂNG



MÁY XÚC BÁNH XÍCH



Ô TÔ TỰ ĐÓ



MÁY MÓC, THIẾT BỊ XÂY DỰNG



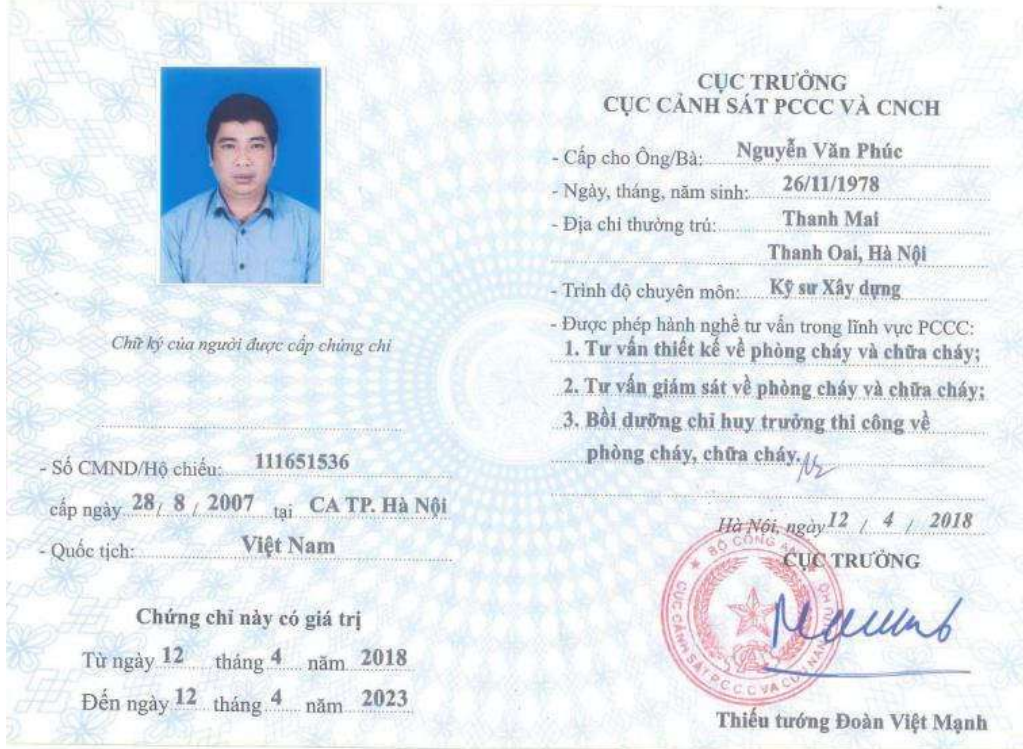
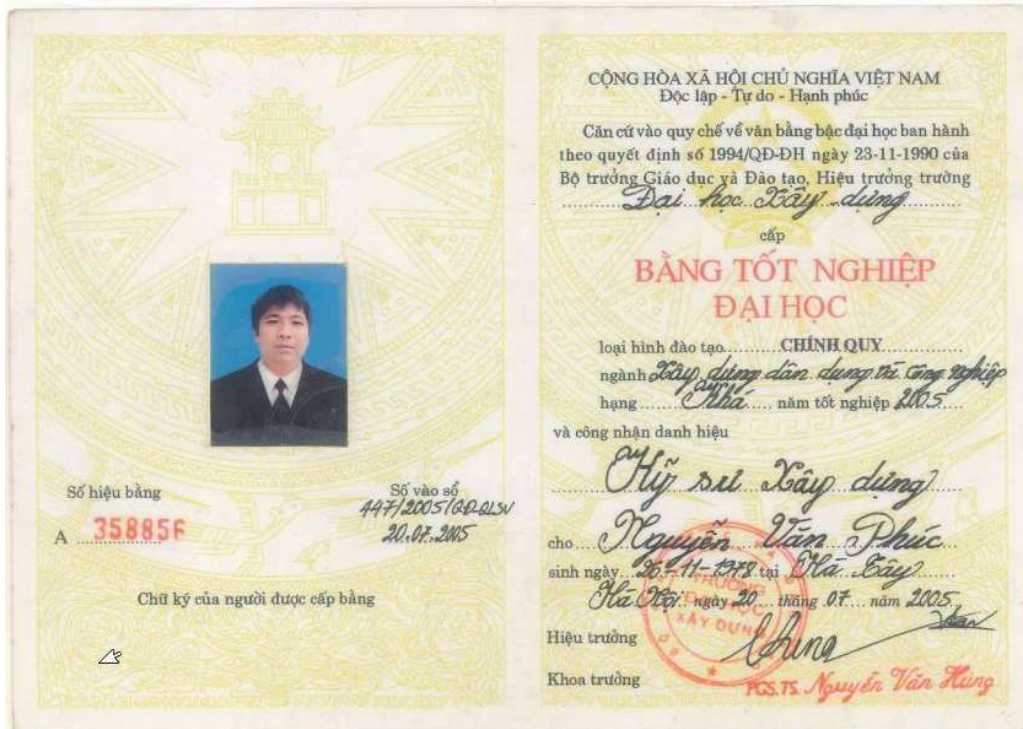
THIẾT BỊ TRẮC ĐẠC

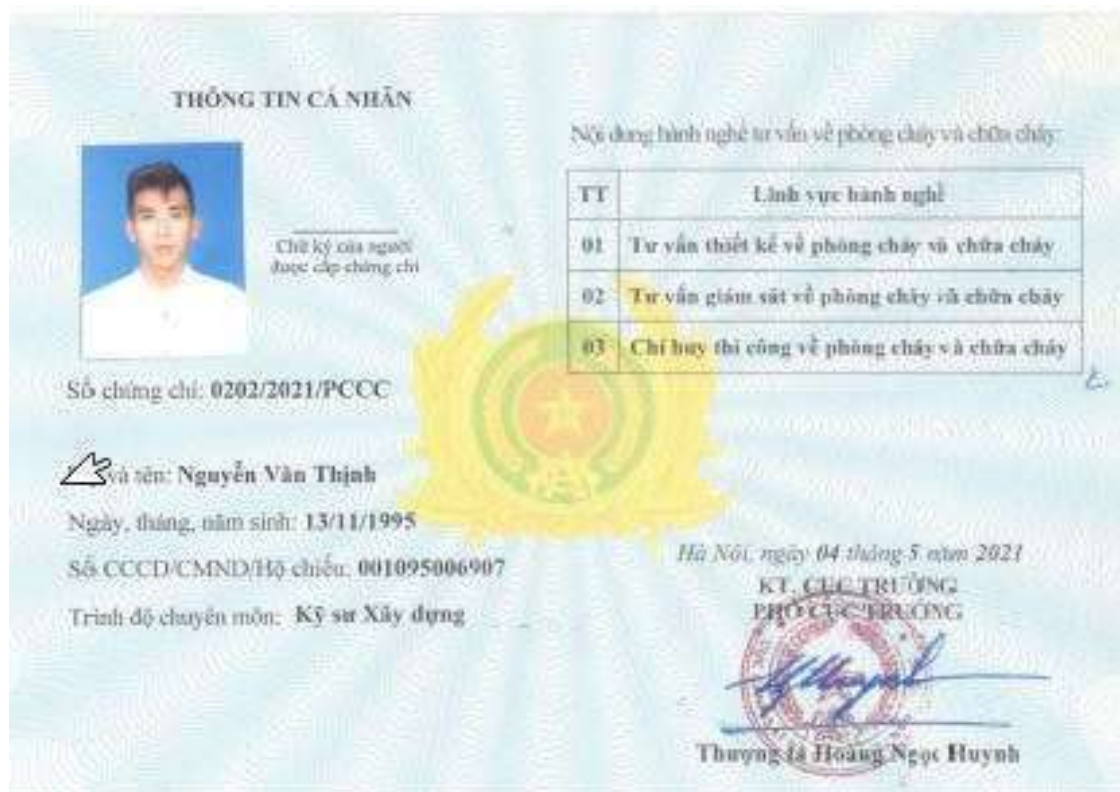


HỆ THỐNG DÀN GIÁO, CỘP PHA

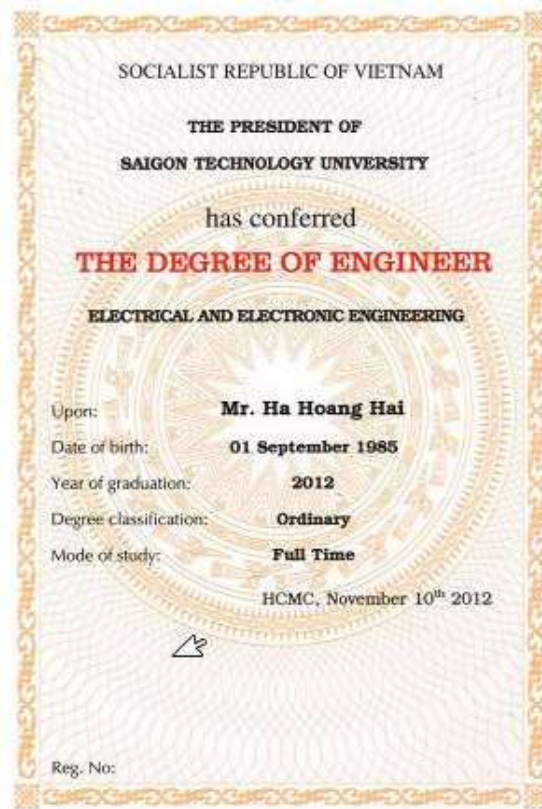


2.4 BẰNG CẤP, CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CÁN BỘ CHỦ CHỐT QUẢN LÝ DỰ ÁN, CHỈ HUY CÔNG TRƯỜNG









THÔNG TIN CÁ NHÂN



.....
Chữ ký của người được
cấp chứng chỉ

Họ và tên: **Hạ Hoàng Hải**
Ngày tháng năm sinh: **01/9/1985**
Số CMTND (hoặc số hộ chiếu): **311915810**
Cấp ngày: **02/4/2015** tại **CA Tiền Giang**
Quốc tịch: **Việt Nam**
Cơ sở đào tạo: **Đại học công nghệ Sài Gòn**
Hệ đào tạo: **Chính quy**
Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư điện, điện tử**

Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng:

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Thiết kế cơ - điện công trình	I	từ 04/6/2020 đến 04/6/2025
2	Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình	I	từ 04/6/2020 đến 04/6/2025


Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2020

CỤC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

TS. Hoàng Quang Nhu



THÔNG TIN CÁ NHÂN



Chữ ký của người
được cấp chứng chỉ

Họ và tên: Hoàng Văn Sinh
Ngày tháng năm sinh: 12/6/1987
Số CMND (hoặc hộ chiếu): 183598779
Cấp ngày: 5/6/2009 tại CA tỉnh Hà Tĩnh
Quốc tịch: Việt Nam
Cơ sở đào tạo: ĐH Mỏ - Địa chất
Hệ đào tạo: Chính quy
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kỹ thuật công trình xây dựng



Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng:



STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
01	Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp./.	II	Từ 10/9/2018 đến 10/9/2023
02			
03			
04			
05			

TP. Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2018

KT. GIÁM ĐỐC
SỞ PHỐ GIÁM ĐỐC
XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lê Trần Kiên

<p>SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence - Freedom - Happiness</p> <p>VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY - HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF TECHNOLOGY HEREBY CONFERS THE DEGREE OF</p> <p style="text-align: center;">Bachelor of Engineering Civil Engineering Civil & Industrial Structures</p> <p>UPON : <i>Le Dinh Son</i></p> <p>BORN ON : May, 06, 1984 IN : Quang Nam</p> <p>YEAR OF GRADUATION : 2007</p> <p>Số đăng ký : 396XD02... (Registration ID)</p> <p>BB 06815/20KH2/2005</p> <p>Mã số SV (ID): 80202223</p> 	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p>ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA CẤP</p> <p style="text-align: center;">Bằng Kỹ sư Xây dựng Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp</p> <p>CHO : <i>Le Dinh Son</i></p> <p>SINH NGÀY : 06/05/1984 . TẠI : Quảng Nam</p> <p>NĂM TỐT NGHIỆP : 2007 . HỆ : Chính Quy</p> <p>TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 04 năm 2007</p> <p style="text-align: center;">HIỆU TRƯỞNG</p>  <p style="text-align: center;">PGS.TS PHAN THỊ TƯƠNG</p>
--	--

<p style="text-align: center;">THÔNG TIN CÁ NHÂN</p>  <p style="text-align: center;">..... Chữ ký của người được cấp chứng chỉ</p> <p>Họ và tên: Lê Đình Sơn Ngày tháng năm sinh: 06/5/1984 Số CMTND (hoặc số hộ chiếu): 273648498 Cấp ngày: 18/6/2014 tại CA Bà Rịa - Vũng Tàu Quốc tịch: Việt Nam Cơ sở đào tạo: Đại học bách khoa - Đại học quốc gia Tp.Hồ Chí Minh Hệ đào tạo: Chính quy Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp</p>	<p style="text-align: center;">Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng:</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Lĩnh vực hành nghề</th> <th>Hạng</th> <th>Thời hạn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">1</td> <td>Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật</td> <td style="text-align: center;">I</td> <td>từ 28/3/2019 đến 28/3/2024</td> </tr> </tbody> </table> <p style="text-align: right;">Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019</p> <p style="text-align: center;">CỤC TRƯỞNG</p>  <p style="text-align: center;">TS. Hoàng Quang Nhu BỘ XÂY DỰNG</p>	STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn	1	Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật	I	từ 28/3/2019 đến 28/3/2024
STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn						
1	Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật	I	từ 28/3/2019 đến 28/3/2024						



THÔNG TIN CÁ NHÂN



.....
Chữ ký của người được
cấp chứng chỉ

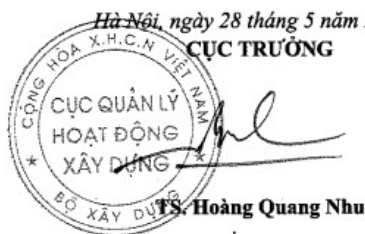
Họ và tên: **Đương Trung Kiên**
Ngày tháng năm sinh: **06/12/1986**
Số CMTND (hoặc số hộ chiếu): **311871968**
Cấp ngày: **26/11/2012** tại CA Tiền Giang
Quốc tịch: **Việt Nam**
Cơ sở đào tạo: **Đại học bách khoa - Đại học Quốc gia Tp.Hồ Chí Minh**
Hệ đào tạo: **Không chính quy**
Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư điện - điện tử**

Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng:

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình	I	từ 28/5/2019 đến 28/5/2024

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2019

CỤC TRƯỞNG



TS. Hoàng Quang Nhu

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Rector

of Ho Chi Minh City University of Technology (HUTECH)

confers

THE DEGREE OF BACHELOR

Upon: (Mr, Ms) **Phạm Bá Toàn**

Born on: **06/10/1982**

Major in: **Environmental Engineering**

Ranking: **Strong-pass**

Mode of study: **Full-time**

Serial number: **00260171**

Reference number: **B12MT08**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Hiệu trưởng

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghệ TP. Hồ Chí Minh

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Danh hiệu: **Bằng Kỹ sư**

Cho: **Phạm Bá Toàn**

Giới tính: **Nam**

Ngày, tháng, năm sinh: **06/10/1982**

Ngành đào tạo: **Kỹ thuật môi trường**

Xếp loại tốt nghiệp: **Trung bình khá**

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

TP. Hồ Chí Minh, ngày **27** tháng **02** năm **2012**

TRƯỜNG HIỆU TRƯỞNG

Số hiệu: **00260171**

Số vào sổ cấp bằng: **B12MT08** PGS. TSKH. Hồ Đắc Lộc

THÔNG TIN CÁ NHÂN



Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Họ và tên: **Phạm Bá Toàn**
Ngày tháng năm sinh: **06/10/1982**
Số CMTND (hoặc số hộ chiếu): **240649673**
Cấp ngày: **02/7/2009** tại **CA ĐẮK LẮK**
Quốc tịch: **Việt Nam**
Cơ sở đào tạo: **Đại học kỹ thuật công nghệ Tp.Hồ Chí Minh**
Hệ đào tạo: **Chính quy**
Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư kỹ thuật môi trường**

Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng:

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Giám sát công tác lắp đặt thiết bị tạo công trình	I	từ 16/10/2019 đến 16/10/2024

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2019

CỤC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

CỤC TRƯỞNG

TS. Hoàng Quang Nhu

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BẢN SAO

Rector
of Ho Chi Minh City University of Technology (HUTECH)

Hiệu trưởng
Trường Đại học Kỹ thuật Công nghệ TP. Hồ Chí Minh

has conferred
THE DEGREE OF BACHELOR
Civil Construction And Industry

cấp
BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp

Upon: **Mr Pham Van Thang**
Date of birth: **05 December 1987**
Year of graduation: **2011**
Degree classification: **Strong-Pass**
Mode of study: **Full-time**

Cho: Ông **Phạm Văn Thắng**
Ngày sinh: **05/12/1987**
Năm tốt nghiệp: **2011**
Xếp loại tốt nghiệp: **Trung bình-Khá**
Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Ho Chi Minh City, 22 September 2011

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2011

Reg. No: 12ĐXD46



CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
TP. HỒ CHÍ MINH
Số hiệu: 0058327
PHÓ CHỦ TỊCH
Số vào sổ cấp bằng: 12ĐXD46 PGS.TSKH. Hồ Đắc Lộc
Trần Bá Cao

VIỆN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ESC VIỆT NAM
Management Training Institute ESC Viet Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG NHẬN
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ DỰ ÁN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH



Chứng nhận Ông/Bà: **PHẠM VĂN THẮNG**
Sinh ngày: **05/12/1987**
Quê quán: **THÁI BÌNH**
Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình
Số Chứng Thực: **05216** Ngày cấp: **02** tháng **10** năm **2018**
Địa điểm học tại: **TP. Hồ Chí Minh**
Xếp loại: **Giỏi**

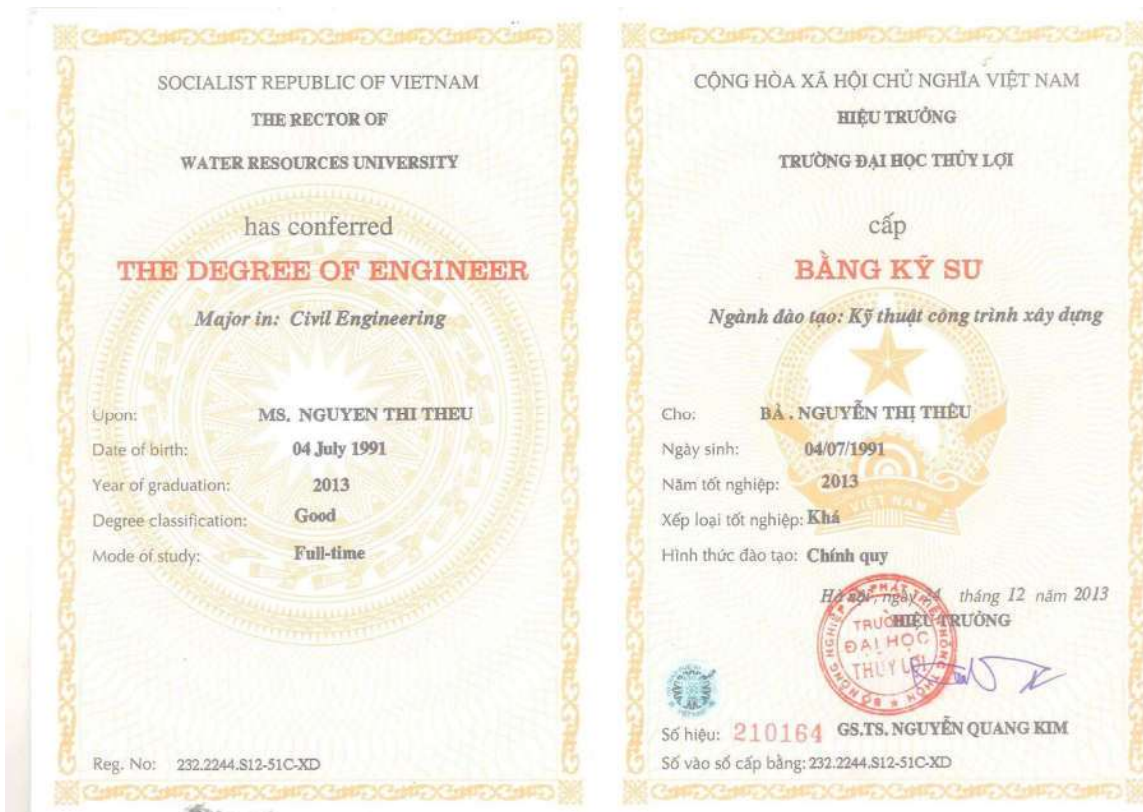
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG THẠNH XUÂN

Hà Nội, ngày **08** tháng **10** năm **2018**

Số: 10019/19 Q/LĐA

Dương Minh Nhật

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ ĐÀO TẠO
ĐIỀU PHÁP
DOANH NGHIỆP
Lê Văn Thắng

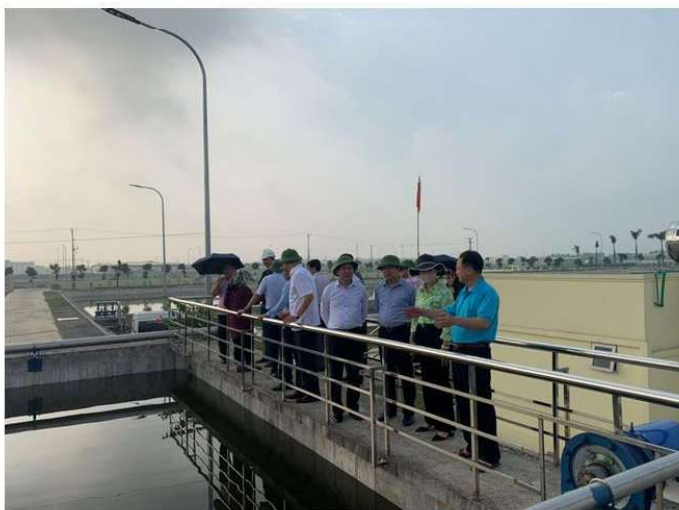


**DỰ ÁN ĐẦU TƯ, THI CÔNG, XÂY DỰNG, LẮP
ĐẶT THIẾT BỊ TIÊU BIỂU**

Công trình: Thi công Xây dựng hệ thống thu gom và Xử lý nước thải công suất 2.000 m³/ngày đêm KCN Gia Vân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Địa điểm xây dựng: Khu công nghiệp Gia Vân – Huyện Gia Viễn – Tỉnh Ninh Bình

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Thiên Phú



- Công trình:** Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu 50ha mở rộng Khu công nghiệp Gián Khẩu
- Địa điểm xây dựng:** KCN Gián khẩu, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.
- Chủ đầu tư:** Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình.



- Công trình:** Thi công kết cấu BTCT phần thân, hoàn thiện và lắp đặt thiết bị cơ điện khối nhà B2
- Địa điểm xây dựng:** Phân khu 12 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chủ đầu tư:** Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh.



- Công trình:** Thi công cọc khoan nhồi D1500 và kết cấu BTCT + tường chắn Cầu vượt Dầu Giây
- Địa điểm xây dựng:** Ngã tư Dầu Giây – QL1-QL20, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai.
- Chủ đầu tư:** Công ty Cổ phần BT20 - Cửu Long.



- Công trình:** Bệnh viện sản nhi tỉnh Ninh Bình
- Địa điểm xây dựng:** Đường Phan Chu Trinh, P. Nam Thành, TP. Ninh Bình
- Chủ đầu tư:** Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Ninh Bình





Công trình:	Bệnh viện sản nhi tỉnh Ninh Bình
Hạng mục:	Cung cấp và lắp đặt hệ thống, nước, khí sạch phòng mổ và trang thiết bị y tế
Địa điểm xây dựng:	Đường Phan Chu Trinh, P. Nam Thành, TP. Ninh Bình
Chủ đầu tư:	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Ninh Bình



Công trình: Chung cư CT-02 Tân Tây Đô

Hạng mục: Cung cấp và lắp đặt hệ PCCC

Địa điểm xây dựng: Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Hà Nội

Chủ đầu tư: Công ty CP Đầu tư hải Phát



Công trình:	Chung cư N-05 Hoàng Đạo Thúy
Hạng mục:	Cung cấp và lắp đặt thiết bị PCCC toà nhà N05
Địa điểm xây dựng:	lô đất N05, thuộc dự án khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Chủ đầu tư:	Công ty CP XNK & xây dựng Việt Nam



Công trình:	Chung cư The Pride
Hạng mục:	Thi công kết cấu BTCT và lắp đặt thiết bị cơ điện khối nhà CT3
Địa điểm xây dựng:	KĐT mới An Hưng, Hà Đông, TP. Hà Nội
Chủ đầu tư:	Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phát



- Công trình: Chợ và trung tâm thương mại Phú Lộc IV, thành phố Lạng Sơn.
- Hạng mục: Dự án đầu tư xây dựng Chợ và trung tâm thương mại Phú Lộc IV, thành phố Lạng Sơn.
- Địa điểm xây dựng: TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
- Chủ đầu tư: Công ty CP Bất động sản Hà Nội



BẢNG KÊ KHAI CÁC HỢP ĐỒNG ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DCH
Địa chỉ: Số 58A Võ Văn Dũng, P. Ô Chợ Dừa, Q Đống Đa, TP. Hà Nội
Tel: 024.6275.4605 Email: dehcompany@gmail.com

STT	Tên và số Hợp đồng	Năm thực hiện	Đơn vị cung cấp	Hạng mục thực hiện	Giá trị thực hiện	Địa điểm thực hiện
1	01/DCH-VINATECH/08	2008	Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật Việt Nam	Cung cấp thiết bị vật tư	575.060.000 VNĐ	Bệnh viện C Thái Nguyên
2	1512-01/DCH-XT-2008	2008	Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Xuân Thành	Hệ thống khí oxy trung tâm Bệnh viện Đa khoa 700 giường tỉnh Ninh Bình	70.593.356.117 VNĐ	Bệnh viện Đa khoa 700 giường tỉnh Ninh Bình
3	02/2009/HĐ KT	2009	Bệnh viện đa khoa Phó Nổi	Máy phát điện, monitor, giường cấp cứu....	5.220.065.000 VNĐ	Bệnh viện Đa khoa Phó Nổi- Hưng Yên
4	72/HĐKT/D CH-XT/2010	2010	Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Xuân Thành	Cung cấp trang thiết bị y tế, hệ thống nước vô trùng phòng mổ	63.706.000.000 VNĐ	Bệnh viện Đa khoa 700 giường tỉnh Ninh Bình
5	76/DCH-XT/2009	2009	Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Xuân Thành	Cung cấp thiết bị lắp đặt hoàn chỉnh Hệ thống xử lý không khí Bệnh viện	34.497.017.400 VNĐ	Bệnh viện Đa khoa 700 giường tỉnh Ninh Bình.

HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC
COMPANY PROFILE



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DCH
Địa chỉ: Số 58A Võ Văn Dũng, P. Ô Chợ Dừa, Q Đống Đa, TP. Hà Nội
Tel: 024.6275.4605 Email: dehcompany@gmail.com

6	822/KDND-P5/2009	2009	Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Tập phẩm	Hệ thống khí oxy, khí nén....	1.214.155.000 VNĐ	Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Thủy, Hòa Bình
7	01/DCH-CT/HĐKT	2011-2012	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật Cường Thịnh	Cung cấp lắp đặt hệ thống xử lý nước thải	10.046.592.000 VNĐ	Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà, Hưng Yên
8	08/DCH-XT/2012	2012	Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Xuân Thành- Công trình Khu Công nghiệp Gián Khẩu	Hệ thống xử lý nước thải thuộc Dự án “Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Gián Khẩu - tỉnh Ninh Bình”.	75.900.005.000 VNĐ	Khu Công nghiệp Gián Khẩu- Tỉnh Ninh Bình
9	015/HĐKT/DCH-BQL HB	2012	Ban quản lý các công trình Xây dựng cơ bản tỉnh Hòa Bình	Cung cấp trang thiết bị y tế, xây dựng nhà đốt rác thải, lò đốt chất thải rắn	2.794.160.000 VNĐ	
10	Hợp đồng số 3005/DCH-XT/2012	2012	Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Xuân Thành	Tuyến ống thu gom thuộc Dự án “Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Gián Khẩu - tỉnh Ninh Bình”.	39,572,280,000 VNĐ	Khu Công nghiệp Gián Khẩu- tỉnh Ninh Bình

**HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC
COMPANY PROFILE**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DCH
Địa chỉ: Số 58A Võ Văn Dũng, P. Ô Chợ Dừa, Q Đống Đa, TP. Hà Nội
Tel: 024.6275.4605 Email: dehcompany@gmail.com

11	Hợp đồng số 15/DCH-XT/2013	2013	Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Xuân Thành	Xây dựng, lắp đặt nhà đốt rác thải, cung cấp lò đốt rác	4.580.000.000 VNĐ	Bệnh viện Đa khoa 700 giường tỉnh Ninh Bình
12	Hợp đồng số 112/TP-	2014	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Trường Phát	Cung cấp máy thở chức năng cao	1.785.000.000 VNĐ	Bệnh viện Phổi trung ương
13	Hợp đồng số 16/HĐ.HDT KD/BĐSHN-DCH	2015	Công ty CP Bất động sản Hà Nội	Quản lý, vận hành và kinh doanh Tiểu dự án đầu tư xây dựng Chợ và trung tâm thương mại Phú Lộc IV, thành phố Lạng Sơn.	15.662.000.000 VNĐ	Khu Đô thị Phú Lộc IV, Thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
14	18/2015/HĐ-XD	2015	Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La	Cải tạo, nâng cấp Hệ thống xử lý rác thải y tế Bệnh viện Đa khoa huyện Phù Yên	2.095.329.000 VNĐ	Bệnh viện Đa khoa huyện Phù Yên, tỉnh Sơn la
15	HD/2015/TD C-DCH/01	2015	Công ty Cổ phần TDC	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại ô quy hoạch B2-3/N04 và B2-3/N05	9.856.780.000 VNĐ	Ban quản lý dự án Quận Long Biên.

HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC
COMPANY PROFILE





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DCH
Địa chỉ: Số 58A Võ Văn Dũng, P. Ô Chợ Dừa, Q Đống Đa, TP. Hà Nội
Tel: 024.6275.4605 Email: dehcompany@gmail.com

16	20/2015/HĐ- XD	2015	Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La	Phường Việt Hưng, Quận Long Biên	8.504.394.000 VNĐ	Bệnh viện Đa khoa huyện Mường La, tỉnh Sơn la
17	09- 2015/HĐTC/ ĐMK-DCH	2015	Công ty TNHH DVTM SXXD Đông Mê Kông	Thi công kết cấu BTCT phần thân, hoàn thiện và lắp đặt thiết bị cơ điện khối nhà B2	299.949.117.000 VNĐ	Phân khu 12 đường Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Khiển, H.Nhà Bè, HCM
18	28/XLNT/HB I	2016	Công ty TNHH Thiết bị Công nghệ HBI	Cung cấp thiết bị xử lý chất thải lỏng y tế cho Công ty TNHH Thiết bị Công nghệ HBI	11.289.680.000 VNĐ	Bệnh viện Đa khoa huyện Cao Phong và Bệnh viện Đa khoa huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình
19	01/HĐ/DCH- Hongchinh	2016	Công ty TNHH Thiết kế và In Hồng Chính	Cung cấp thiết bị máy in/ máy văn phòng	356.450.200 VNĐ	

**HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC
COMPANY PROFILE**





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DCH
Địa chỉ: Số 58A Võ Văn Dũng, P. Ô Chợ Dừa, Q Đống Đa, TP. Hà Nội
Tel: 024.6275.4605 Email: dehcompany@gmail.com

20	HD 01.2016-DCH/DAIHU U	2016	Công ty TNHH Phát triển thương mại và Trang thiết bị y tế Đại Hữu	Cung cấp thiết bị phòng lab/ thiết bị lấy mẫu/ thiết bị phân tích	2.510.650.000 VNĐ	Trung tâm y tế Huyện Hải Hà, Tỉnh Quảng Ninh
21	HDB01/DCH -VP	2016	Công ty TNHH Hợp tác phát triển Việt Pháp	Cung cấp thiết bị y tế cho	6.200.865.000 VNĐ	Khu 50ha mở rộng Khu Công nghiệp Gián Khâu, tỉnh Ninh Bình
22	49/2017/HĐ XL-PTHTKCN	2017	Công ty Phát triển hạ tầng Khu Công nghiệp tỉnh Ninh Bình	Thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị (bao gồm cả hạng mục chung) cho công trình Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu 50ha mở rộng Khu công nghiệp Gián Khâu	352.281.433.000 VNĐ	Cụm Công nghiệp Gia Vân, tỉnh Ninh Bình
23	68/2017/HĐ KT-TP	2018	Công ty TNHH Thiên Phú	Thi công xây lắp công trình thu gom và xử lý nước thải Cụm Công nghiệp Gia Vân	43.798.406.000 VNĐ	Bệnh viện Thanh Nhàn, Hà Nội
24	01/2018/HD/DCH-Tasuco	2018	Công ty Cổ phần Tasuco	Cung cấp và lắp đặt thiết bị phòng mổ	8.652.000.000 VNĐ	

**HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC
COMPANY PROFILE**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DCH
 Địa chỉ: Số 58A Võ Văn Dũng, P. Ô Chợ Dừa, Q Đống Đa, TP. Hà Nội
 Tel: 024.6275.4605 Email: dehcompany@gmail.com

25	OKI/DCH-241208	2018	Công ty TNHH Okifood Việt Nam	Cung cấp hệ thống xử lý nước thải	2.266.275.000 VNĐ	Nhà máy OkiFood Việt Nam
26	0603/DCH-XT/2019	2019	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và phát triển Xuân Thành	Cung cấp hệ thống nước sạch	17.433.010.000 VNĐ	Bệnh viện Sản nhi tỉnh Ninh Bình
27	0703/DCH-XT/2019	2019	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và phát triển Xuân Thành	Cung cấp hệ thống Trang thiết bị y tế	52.246.100.000 VNĐ	Bệnh viện Sản nhi tỉnh Ninh Bình
28	0803/DCH-XT/2019	2019	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và phát triển Xuân Thành	Cung cấp hệ thống Báo gọi y tá	56.810.234.800 VNĐ	Bệnh viện Sản nhi tỉnh Ninh Bình
29	0903/DCH-XT/2019	2019	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và phát triển Xuân Thành	Cung cấp hệ thống khí oxy trung tâm	78.771.472.000 VNĐ	Bệnh viện Sản nhi tỉnh Ninh Bình
30	1003/DCH-XT/2019	2019	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và phát triển Xuân Thành	Cung cấp hệ thống khí sạch phòng mổ	56.013.813.000 VNĐ	Bệnh viện Sản nhi tỉnh Ninh Bình
31	19TTNT/HĐ HT/DCH – ZTO - FSV	2019	ZTO VietNam Co., Ltd	Hợp đồng nguyên tác về hợp tác, đối tác chiến lược toàn diện		

HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC
COMPANY PROFILE



MỘT SỐ HỢP ĐỒNG KINH TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ MEP

Số: 09-2015/HĐTC/DMK-DCH

DỰ ÁN: THE PARK RESIDENCE

HẠNG MỤC: THI CÔNG KẾT CẤU BTCT PHẦN THÂN, HOÀN THIỆN

VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CƠ ĐIỆN KHỐI NHÀ B2

**ĐỊA ĐIỂM: PHÂN KHU 12 ĐƯỜNG NGUYỄN HỮU THỌ, XÃ PHƯỚC KIẾN,
HUYỆN NHÀ BÈ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

GIỮA

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI
SẢN XUẤT - XÂY DỰNG ĐÔNG MÊ KÔNG**

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ DCH

TP. Hồ Chí Minh, tháng 5 năm 2015



PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về Hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 207/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về Hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 08/2010/TT-BXD ngày 29/7/2010 của Bộ xây dựng về phương pháp điều chỉnh giá Hợp đồng;

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 22... tháng 05 năm 2015, tại văn phòng Công ty TNHH Dịch vụ Thương Mại Sản xuất Xây dựng Đông Mê Kông chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Đại diện Tổng thầu EPC (Bên A): CÔNG TY TNHH DVTM SX-XD ĐÔNG MÊ KÔNG

- Đại diện : Ông **Trần Mạnh Thắng** Chức vụ: **Giám Đốc**
- Điện thoại : (08) 840 3863 Fax: (08) 840 3863
- Địa chỉ : Số 12A12 Mê Linh, Phường 19, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
- Mã số thuế : 0301646333
- Số tài khoản : 1702.201.026388 tại NH NN & PTNT 8 - TP HCM

2. Đại diện Nhà thầu phụ (Bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ DCH

- Đại diện : Ông **Nguyễn Văn Thành** Chức vụ: **Giám Đốc**
- Điện thoại : (04) 627 4605
- Địa chỉ : 58A, Phố Võ Văn Dũng, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Hà Nội
- Mã số thuế : 0102712020
- Số tài khoản : 109.001.06.0000324 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á – CN Hà Nội

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng thi công xây dựng cho hạng mục “**thi công kết cấu bê tông cốt thép phân thân, hoàn thiện và lắp đặt thiết bị cơ điện khối nhà B2**” của Dự án The Park Residence (Khu cao ốc Phú Hoàng Anh) xây dựng với các điều khoản như sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Trong hợp đồng này các từ và cụm từ được hiểu như sau:

- 1.1. “Chủ đầu tư” là **Công ty Cổ Phần Phú Hoàng Anh**.
- 1.2. “Tổng thầu” là **Công ty TNHH DVTM SX-XD Đông Mê Kông**.
- 1.3. “Nhà thầu phụ” là **Công ty Cổ phần Thiết bị DCH**.
- 1.4. “Đại diện “Chủ đầu tư” là người được chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được uỷ quyền theo từng thời gian và điều hành công việc thay mặt cho chủ đầu tư.
- 1.5. “Đại diện Tổng thầu/Nhà thầu phụ” là người được Tổng thầu/nhà thầu phụ nêu ra trong hợp đồng hoặc được uỷ quyền bằng văn bản và điều hành công việc thay mặt Tổng thầu/ Nhà thầu phụ.
- 1.6. “Tur vấn giám sát” là tổ chức, cá nhân do Chủ đầu tư ký hợp đồng thuê để thực hiện một hoặc một số công việc chuyên môn liên quan đến việc quản lý thực hiện hợp đồng.
- 1.7. “Đại diện Nhà Tư vấn giám sát” là người được Nhà tư vấn uỷ quyền làm đại diện để thực hiện các nhiệm vụ do Tư vấn giám sát giao.
- 1.8. “Dự án” là **dự án The Park Residence** (Khu cao ốc căn hộ Phú Hoàng Anh).
- 1.9. “Hợp đồng” là toàn bộ hồ sơ hợp đồng, theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên].
- 1.10. “Chỉ dẫn kỹ thuật” là tập hợp các yêu cầu kỹ thuật dựa trên các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình, thiết kế xây dựng công trình để hướng dẫn, quy định về vật liệu, sản phẩm, thiết bị sử dụng cho công trình và các công tác thi công, giám sát, nghiệm thu công trình xây dựng.
- 1.11. “Bản vẽ thiết kế” là tất cả các bản vẽ, bảng tính toán và thông tin kỹ thuật tương tự của công trình được Chủ đầu tư chấp thuận.
- 1.12. “Bên” là Bên A hoặc Bên B tùy theo ngữ cảnh (yêu cầu) diễn đạt.
- 1.13. “Ngày” được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
- 1.14. “Ngày làm việc” là ngày dương lịch, trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

1.15. “Thiết bị của Bên B” là toàn bộ thiết bị máy móc, phương tiện, xe cộ và các phương tiện, thiết bị khác yêu cầu phải có để Bên B thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa bất cứ sai sót nào (nếu có).

1.16. “Công trình” là công trình Thi công kết cấu bê tông cốt thép phần thân, hoàn thiện và lắp đặt thiết bị cơ điện khối nhà B2 của dự án The Park Residence.

1.17. “Hạng mục công trình” là toàn bộ Phạm vi công việc hoặc một phần công việc của hợp đồng.

1.18. “**Bất khả kháng**” được định nghĩa Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro không thể chống đỡ nổi khi nó xảy ra và không thể lường trước khi ký kết Hợp đồng như: động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất hay hoạt động núi lửa, chiến tranh, dịch bệnh.

1.19. “Luật” là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.

1.20. “Công trường” là địa điểm Chủ đầu tư giao cho Nhà thầu để thi công công trình cũng như bất kỳ địa điểm nào khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ hợp đồng:

Hồ sơ hợp đồng bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng, các điều khoản và điều kiện của hợp đồng này và các tài liệu sau:

- a) Văn bản Hợp đồng và các phụ lục đính kèm Hợp đồng;
- b) Biên bản thương thảo hợp đồng;
- c) Các tài liệu khác có liên quan...

2.2. Thứ tự ưu tiên của các tài liệu

a) Thứ tự ưu tiên của các tài liệu hồ sơ Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên giảm dần như đã quy định ở Khoản 2.1 nêu trên.

b) Những tài liệu cấu thành nên Hợp đồng là quan hệ thống nhất, được dùng để giải thích chung giữa các bên.

Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng

3.1. Hợp đồng xây dựng chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2. Ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng là tiếng Việt.

Điều 4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

4.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

Bên B phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng tương đương 5% giá trị hợp đồng cho Bên A trong vòng 07 (bảy) ngày sau khi hợp đồng đã được ký kết. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Bên A chấp thuận.

Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có giá trị cam kết bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang, thời gian hiệu lực bằng thời gian thi công cộng thêm 60 ngày.

Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn và Bên B chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm không ít hơn 15 (mười lăm) ngày trước ngày hết hạn, Bên B sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.

Bên B sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện Hợp đồng đã có hiệu lực, gây ra các thiệt hại trực tiếp cho Bên A phát sinh hoàn toàn do lỗi của Bên B mà không khắc phục; khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Hợp đồng dẫn đến chấm dứt hợp đồng.

Bên A phải hoàn trả cho Bên B bảo đảm thực hiện hợp đồng khi Bên nhận thầu đã hoàn thành các công việc theo hợp đồng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành.

4.2. Bảo lãnh tiền tạm ứng

Trước khi Bên A tạm ứng hợp đồng cho Bên B thì Bên B phải nộp cho Bên A bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị tương đương giá trị tiền tạm ứng.

Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được giảm dần tương ứng với giá trị giảm trừ tiền tạm ứng qua mỗi lần thanh toán.

Điều 5. Nội dung và phạm vi công việc

5.1. Nội dung của hợp đồng

Nhà thầu thực hiện việc “*thi công kết cấu bê tông cốt thép phân thân, hoàn thiện và lắp đặt thiết bị cơ điện khối nhà B2*” của dự án The Park Residence (Khu cao ốc Phú Hoàng Anh) theo đúng Bản vẽ thi công được duyệt đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và các thoả thuận khác kèm theo hợp đồng, các quy định của pháp luật.

5.2. Phạm vi công việc

Phạm vi công việc của Nhà Thầu theo Hợp đồng này bao gồm nhưng không giới hạn các công việc như sau:

- Cung cấp, gia công, thí nghiệm, thi công lắp đặt, nghiệm thu và bảo hành toàn bộ công tác thi công kết cấu bê tông cốt thép phân thân của khối nhà B2 (từ tầng 1 đến mái).
- Thi công hoàn thiện khối nhà B2.

- Thi công, lắp đặt hệ thống cơ điện khối nhà B2

Cụ thể:

(a) Cung cấp, gia công, thi công lắp đặt, thí nghiệm, nghiệm thu, bảo hành và sẽ sửa chữa bất kỳ sai sót nào cho công tác: thi công kết cấu bê tông cốt thép phần thân khối nhà B2.

(b) Các công việc chủ yếu được liệt kê sau đây:

- Công tác ban đầu đối với hạng mục thi công kết cấu bê tông cốt thép phần thân.
- Đo đạc quan trắc biến dạng công trình theo đề cương quan trắc của Nhà thầu (đã được Chủ đầu tư phê duyệt) trong quá trình thi công.
- Công tác bê tông cốt thép.
- Công tác cơ điện của phần thô: lắp đặt ống âm sàn, âm vách, ống xuyên sàn, xuyên vách, hộp box của hệ thống cấp điện, hệ thống cấp – thoát nước và hệ thống thang máy.
- Công tác vận chuyển lên cao.
- Các bộ bê tông, bộ máy, bộ giảm chấn cho máy bơm, máy phát điện và máy biến áp.
- Độ trình các bản vẽ thi công chi tiết, quy trình lắp đặt, điểm dừng thi công và điểm chờ chứng kiến, kiểm tra nghiệm thu cho từng công việc.
- Độ trình mẫu và lưu mẫu.
- Hoàn thành công tác thi công kết cấu bê tông cốt thép phần thân và bất kỳ công việc nào xét thấy cần thiết để hoàn thành công việc theo đúng yêu cầu của hồ sơ thiết kế (bao gồm: tiêu chí kỹ thuật và bản vẽ) bao gồm việc đặt hàng, sản xuất, vận chuyển đưa đến công trường, lắp dựng, thí nghiệm, nghiệm thu bảo hành.
- Cung cấp, lắp đặt móc treo các thiết bị lau chùi vách kính, bảo trì, sửa chữa.
- Thực hiện các lỗ mở có một cạnh và đường kính lớn hơn 25cm cho các hệ thống khác khi đổ bê tông (bao gồm việc cung cấp thép gia cố miệng lỗ mở này theo TCVN).
- Định vị các trục gửi trên các sàn thi công.
- Công tác xây trát.
- Công tác láng - ốp gạch đá.
- Công tác chống thấm.
- Công tác hoàn thiện sàn (không bao gồm sàn gỗ các căn hộ).

- Công tác hoàn thiện tường (bao gồm công tác sơn hệ thống ống cấp thoát nước đi nổi trên tường).

- Công tác hoàn thiện trần tường (bao gồm công tác sơn hệ thống ống cấp thoát nước đi nổi dưới trần).

- Công tác cửa, vách ngăn khu vệ sinh.

- Công tác nhôm – kính.

- Công tác kim loại.

- Công tác cảnh quan sân thượng – mái khối nhà B2.

- Công tác thi công hệ thống cơ điện khối nhà B2.

- Công tác cơ điện của phần hoàn thiện: lắp đặt đèn chiếu sáng, công tắc, ổ cắm, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống máy lạnh, ... hoàn thiện công tác chống cháy lan cho hệ thống MEP theo biện pháp được phê duyệt. Vệ sinh toàn bộ thiết bị lắp đặt, T/C nghiệm thu và bàn giao.

- Trước khi thực hiện các công việc của Nhà thầu, Nhà thầu phụ phải chịu trách nhiệm kiểm tra toàn bộ kích thước cốt cao độ thể hiện trên các bản vẽ liên quan. Bất cứ sai sót nào trong việc định vị hoặc dẫn đến việc đặt hàng sai, không phù hợp và các chi phí liên quan với việc hoàn thiện do các sai sót này, sẽ thuộc về trách nhiệm và kinh phí của Nhà thầu phụ.

- Cung cấp toàn bộ các hồ sơ hoàn công bao gồm bản vẽ thi công, các biên bản nghiệm thu, các chứng chỉ chất lượng, nhật ký công trình và các tài liệu khác có liên quan đến công việc của Nhà thầu phụ.

Phạm vi công việc của Bên B theo Phụ lục 1, 2, 3 [Bảng tổng hợp kinh phí] đính kèm hợp đồng này.

Điều 6. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu sản phẩm Hợp đồng thi công xây dựng

6.1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của Hợp đồng:

a) Các hạng mục công trình phải được thi công theo bản vẽ thi công được duyệt, phù hợp với các tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định về chất lượng công trình xây dựng của nhà nước có liên quan. Ngoài ra, Bên B phải có sơ đồ và thuyết minh hệ thống quản lý chất lượng thi công, giám sát chất lượng thi công của mình.

b) Bên B phải cung cấp cho Bên A các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. Các kết quả thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định.

c) Bên B đảm bảo vật tư, thiết bị do Bên B cung cấp có nguồn gốc xuất xứ như quy định của hồ sơ hợp đồng.

6.2. Kiểm tra, giám sát của Bên A

a) Bên A được quyền vào các nơi trên công trường và các nơi khai thác nguyên vật liệu tự nhiên của Bên B để kiểm tra;

b) Trong quá trình sản xuất, gia công, chế tạo và xây dựng ở trên công trường, nơi được quy định trong Hợp đồng Bên A được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu, và kiểm tra quá trình gia công, chế tạo thiết bị, sản xuất vật liệu.

- Bên B sẽ tạo mọi điều kiện cho người của Bên A để tiến hành các hoạt động này, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm đi bất cứ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của Bên B.

- Đối với các công việc mà người của Bên A được quyền xem xét đo lường và kiểm định, Bên B phải thông báo cho Bên A biết khi bất kỳ công việc nào như vậy đã xong và trước khi được phủ lấp, hoặc không còn được nhìn thấy hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển.

6.3. Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành:

a) Bên A chỉ nghiệm thu các sản phẩm của Hợp đồng khi sản phẩm của các công việc này đảm bảo chất lượng theo quy định tại khoản 6.1 nêu trên.

b) Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của Hợp đồng là các Bản vẽ thi công (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận); thuyết minh kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; chứng chỉ kết quả thí nghiệm; biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu

c) Thành phần nhân sự tham gia nghiệm thu, bàn giao gồm:

- Đại diện của Chủ đầu tư.
- Đại diện của Tư vấn giám sát (TVGS).
- Đại diện của Tổng thầu.
- Đại diện của Nhà thầu phụ.

d) Hồ sơ nghiệm thu gồm:

- Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng hoàn thành (*Theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng do 02 bên thống nhất trên cơ sở quy định của nhà nước*).

- Kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm cần nghiệm thu...

6.4. Nghiệm thu, bàn giao công trình

Sau khi thi công hoàn thành các hạng mục công trình, Bên B phải có trách nhiệm lập hồ sơ hoàn công theo đúng quy định và giao lại cho Bên A chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày hoàn thành.

Sau khi các công việc theo Hợp đồng được hoàn thành, Bên B sẽ thông báo cho Bên A để tiến hành nghiệm thu công trình.

Sau khi công trình đủ Điều kiện để nghiệm thu, hai bên lập biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành theo Hợp đồng. Nếu có những công việc nhỏ còn tồn đọng lại và các sai sót về cơ bản không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng công trình thì những tồn đọng này được ghi trong biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình và Bên B phải có trách nhiệm hoàn thành những tồn đọng này bằng chi phí của mình.

Trường hợp công trình chưa đủ Điều kiện để nghiệm thu, bàn giao; các bên xác định lý do và nêu cụ thể những công việc mà bên nhận thầu phải làm để hoàn thành công trình.

6.5. Trách nhiệm của Bên B đối với các sai sót

a) Bằng kinh phí của mình Bên B phải: Hoàn thành các công việc còn tồn đọng vào ngày đã nêu trong biên bản nghiệm thu, bàn giao trong khoảng thời gian hợp lý mà Bên A yêu cầu.

b) Trường hợp không sửa chữa được sai sót:

- Nếu Bên B không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong Khoảng thời gian hợp lý, Bên A hoặc đại diện của Bên A có thể ấn định ngày để sửa chữa và thông báo cho Bên B thực hiện.

- Nếu Bên B không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã được thông báo, Bên A có thể tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác sửa chữa và Bên B phải chịu mọi chi phí.

Điều 7. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng

7.1. Thời gian thực hiện Hợp đồng:

Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ công việc theo nội dung của Hợp đồng trong khoảng thời gian **15 tháng** kể cả các ngày nghỉ và ngày lễ, kể từ ngày 2 bên ký kết biên bản bàn giao mặt bằng (không bao gồm thời gian kiểm tra công tác nghiệm thu công trình hoàn thành của cơ quan có thẩm quyền).

7.2. Tiến độ thực hiện Hợp đồng

Căn cứ vào thời gian thực hiện Hợp đồng Bên B phải lập tiến độ chi tiết để trình cho Bên A trong vòng 7 ngày sau khi ký hợp đồng. Bên B cũng phải trình tiến độ thi công đã được sửa đổi nếu tiến độ thi công trước đó không phù hợp với tiến độ thực tế. Trừ khi được quy định khác trong Hợp đồng, mỗi bản tiến độ thi công sẽ bao gồm:

a) Trình tự thực hiện công việc của Bên B và thời gian thi công cho mỗi giai đoạn chính của công trình;

b) Quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định;

c) Báo cáo tiến độ Bên B phải thể hiện:

- Biện pháp tổ chức thi công trên công trường và các giai đoạn chính trong việc thi công công trình;

- Bên B được phép điều chỉnh tiến độ chi tiết theo tuần, tháng nhưng phải phù hợp với tiến độ tổng thể của Hợp đồng.

Bên B phải thực hiện theo tiến độ thi công và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng. Nếu bản tiến độ thi công này không phù hợp với Hợp đồng thì Bên A sẽ thông báo cho Bên B trong vòng 5 ngày sau khi nhận được bản tiến độ thi công của Bên B. Bên A sẽ được phép dựa vào bản tiến độ thi công này để yêu cầu Bên B thực hiện theo tiến độ của Hợp đồng.

7.3. Gia hạn Thời gian hoàn thành

Bên B chỉ được phép gia hạn thời gian hoàn thành nếu do một trong những lý do sau đây:

a) Có sự thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Bên A làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng.

b) Do ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng như: ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hoả hoạn, dịch hoặ các sự kiện bất khả kháng khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố hoặ xác nhận;

c) Sự chậm trễ, trở ngại trên công trường do Bên A, nhân lực của Bên A gây ra như: việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thoả thuận trong Hợp đồng, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng mà không do lỗi của Bên B gây ra.

7.4. Khắc phục tiến độ chậm trễ

Khi tiến độ đã bị chậm hơn so với tiến độ thi công như các bên đã thoả thuận trong Hợp đồng của công việc đó mà không phải do những nguyên nhân đã nêu trong khoản 7.3

[Gia hạn thời gian hoàn thành], khi đó Bên A yêu cầu Bên B trình một bản tiến độ thi công được sửa đổi để Bên A phê duyệt.

Điều 8. Hình thức hợp đồng, Giá Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

8.1. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

8.2. Giá Hợp đồng: **299.949.117.000** Việt Nam đồng

(Hai trăm chín chín tỷ, chín trăm bốn chín triệu, một trăm mười bảy nghìn đồng)

Giá trị Hợp đồng đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng (GTGT). Chi tiết về giá trị Hợp đồng được nêu trong Phụ lục 1,2,3 [Bảng tổng hợp kinh phí] đính kèm hợp đồng này.

8.3. Tạm ứng hợp đồng:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ thời điểm Bên A nhận được Hồ sơ tạm ứng từ Bên B, Bên A tạm ứng 15% Giá trị Hợp Đồng (“Tiền tạm ứng”) trước thuế giá trị gia tăng cho Bên B.

Bên A sẽ thu hồi Tiền tạm ứng vào đợt nghiệm thu tổng thanh toán (đợt nghiệm thu cuối).

Hồ sơ tạm ứng gồm:

1. Bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng hợp lệ;
2. Bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng hợp lệ;
3. Đề nghị tạm ứng của Bên B.

8.4. Thanh toán:

Tiến độ thanh toán và hồ sơ thanh toán của các đợt sẽ được lập định kỳ 02 (hai) tháng một lần.

8.5. Đồng tiền và hình thức thanh toán

- Đồng tiền thanh toán: Thanh toán bằng đồng tiền Việt Nam (VNĐ).
- Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản.
- Định kỳ Bên B sẽ trình Bên A các hồ sơ thanh toán sau mỗi đợt nghiệm thu
- Bên A sẽ thanh toán cho Bên B thời hạn 07 (ngày) sau khi nhận đủ các hồ sơ thanh toán hợp lệ.
- Bên B có nghĩa vụ nộp các khoản thuế, phí và lệ phí theo quy định hiện hành.
- Bên B có trách nhiệm xuất hóa đơn tài chính sau mỗi đợt thanh toán.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ chung của Bên A

9.1. Quyền của Bên A

a) Ngừng thanh toán trong trường hợp Nhà Thầu vi phạm Hợp đồng, vi phạm quy định của pháp luật cho đến khi các sự cố, vi phạm được khắc phục

b) Lập Biên bản đình chỉ thi công và tạm ngừng thi công trong những trường hợp mà việc thi công của Bên B không đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, hồ sơ thiết kế, không đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, không đúng quy trình, quy phạm do Bộ xây dựng ban hành.

c) Không ký Biên bản nghiệm thu khối lượng đã thi công nếu Bên B thi công không đạt yêu cầu chất lượng theo quy định tại Hợp đồng này và yêu cầu Bên B làm lại các công tác để đảm bảo đúng theo yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật đã được phê duyệt.

d) Từ chối nghiệm thu, xác nhận hoặc đề nghị không thanh toán đối với phần công việc đã hoàn thành nhưng không đảm bảo chất lượng, yêu cầu kỹ thuật hoặc việc Bên B khắc phục các vi phạm chưa đúng yêu cầu thiết kế và/hoặc các yêu cầu khác theo quy định tại Hợp đồng này.

e) Chấm dứt Hợp đồng với Bên B và được quyền áp dụng bất kỳ biện pháp nào theo quy định tại Hợp đồng này khi phát hiện thấy trong quá trình thi công Bên B không có đủ năng lực thi công, thường xuyên không đảm bảo chất lượng, chậm tiến độ, gây hậu quả nghiêm trọng về an toàn lao động cho người và thiết bị tại Công trình.

9.2. Nghĩa vụ của Bên A

a) Bàn giao toàn bộ hoặc từng phần mặt bằng xây dựng cho Bên B quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thoả thuận của Hợp đồng;

b) Cử và thông báo bằng văn bản cho Bên B về nhân lực chính tham gia quản lý và thực hiện Hợp đồng;

c) Bố trí đủ nguồn vốn để thanh toán cho Bên B theo tiến độ thanh toán trong Hợp đồng;

d) Cung cấp kịp thời hồ sơ thiết kế và các tài liệu có liên quan, vật tư (*nếu có*) theo thoả thuận trong Hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan;

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ chung của Bên B

10.1. Quyền của Bên B

a) Được quyền đề xuất với Bên A về khối lượng phát sinh ngoài Hợp đồng; từ chối thực hiện công việc ngoài phạm vi Hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Bên A;

b) Được thay đổi các biện pháp thi công sau khi được Bên A chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá trị Hợp đồng đã ký kết;

c) Tiếp cận công trường: Bên A phải bàn giao cho Bên B mặt bằng thi công công trình để Bên B thực hiện Hợp đồng.

10.2. Nghĩa vụ của Bên B

a) Bên B phải cung cấp nhân lực, vật liệu, máy móc, thiết bị thi công và các điều kiện vật chất liên quan khác đủ số lượng và chủng loại theo Hợp đồng để thực hiện các công việc theo nội dung Hợp đồng đã ký kết;

b) Bên B phải thi công xây dựng công trình đúng thiết kế, tiêu chuẩn dự án, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ;

c) Bên B phải lập biện pháp tổ chức thi công, ghi nhật ký thi công xây dựng công trình, lập hồ sơ thanh toán, lập hồ sơ quyết toán theo đúng quy định của Hợp đồng;

d) Bên B phải lập hồ sơ quản lý chất lượng (KCS), hồ sơ hoàn công, thí nghiệm vật liệu, kiểm định thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và theo các biểu mẫu quy định tại dự án;

e) Bên B phải trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Bên A trong khoảng thời gian 5 ngày, nếu trong khoảng thời gian này mà Bên B không trả lời thì được coi như Bên B đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Bên A.

f) Không được chuyển giao quyền và nghĩa vụ đối với Hợp đồng này dưới bất kỳ hình thức nào cho bên thứ ba nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A.

g) Thực hiện trách nhiệm về bảo hành và bảo đảm chất lượng công việc do mình thực hiện.

h) Tự lo nhân lực, phương tiện thi công, trang thiết bị về an toàn lao động và vệ sinh môi trường. Bên B tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, bảo quản máy móc, vật tư, vật liệu, thiết bị của mình. Bên A không chịu trách nhiệm đối với việc mất mát, hư hỏng đối với máy móc, vật tư, vật liệu, thiết bị của Bên B tại Công trường.

10.3. Nhân lực của Bên B

Nhân lực của Bên B phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ. Bên A có thể yêu cầu Bên B sa thải bất cứ nhân lực nào ở công trường hay công trình, kể cả đại diện của Bên B nếu những người đó: có thái độ sai

trái hoặc thiếu cẩn thận; thiếu năng lực hoặc bất cân; không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng; gây phương hại đến an toàn, sức khỏe hoặc bảo vệ môi trường.

Khi đó, Bên B sẽ chỉ định (*hoặc buộc phải chỉ định*) một người khác thích hợp để thay thế. Bên B phải luôn đảm bảo trật tự, an toàn cho người và tài sản trên công trường.

10.4. Báo cáo về nhân lực và thiết bị của Bên B:

Bên B phải trình cho Bên A những chi tiết về số lượng nhân lực tối thiểu, thiết bị chủ yếu của Bên B trên công trường.

10.5. Hợp tác

Bên B phải có trách nhiệm thực hiện việc hợp tác trong công việc đối với nhân lực của Bên A.

10.6. Định vị các mốc:

Bên B phải định vị công trình theo các mốc và cao trình tham chiếu được xác định trong Hợp đồng. Bên B sẽ chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các hạng mục của công trình và phải điều chỉnh sai sót về vị trí, cao độ, kích thước hoặc căn tuyến của công trình.

10.7. Thiết bị Bên B

Bên B phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị của mình. Khi được đưa tới công trình, thiết bị của Bên B phải dùng riêng cho việc thi công công trình. Bên B không được di chuyển ra khỏi công trường bất kỳ một loại thiết bị chủ yếu nào nếu không được sự đồng ý của Bên A. Tuy nhiên, không yêu cầu phải có sự đồng ý của Bên A đối với các xe vận chuyển vật tư thiết bị hoặc nhân lực của Bên B ra khỏi công trường.

10.8. Hoạt động của Bên B trên công trường

Bên B phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường và khu vực bổ sung mà Bên B có và được Bên A đồng ý là nơi làm việc. Bên B phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Bên B và nhân lực của Bên B chỉ hoạt động trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận. Trong thời gian thi công công trình, Bên B phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của mình. Bên B phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi không cần nữa.

Điều 11. An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

11.1. An toàn lao động

a) Bên B thi công xây dựng phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng, kể cả các công trình phụ cận.

b) Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo để phòng tai nạn.

c) Các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

d) Bên B thi công xây dựng có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình.

e) Bên B thi công xây dựng có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động.

Khi có sự cố về an toàn lao động, Bên B thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do Bên B không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

11.2. Bảo vệ môi trường

a) Bên B thi công xây dựng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.

b) Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

c) Các bên phải có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp Bên B thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì Bên A, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm ngừng thi công xây dựng và yêu cầu Bên B thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.

d) Tổ chức, cá nhân để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

11.3. Phòng chống cháy nổ:

Các bên tham gia hợp đồng xây dựng phải tuân thủ các quy định của nhà nước về phòng chống cháy nổ.

Điều 12. Điện, nước và an ninh công trường

12.1. Điện, nước trên công trường

Trừ trường hợp quy định ở dưới đây, Bên B phải chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Bên B cần.

Bên B có quyền sử dụng việc cung cấp điện, nước và dịch vụ khác có thể có trên công trường cho mục đích thi công công trình mà các chi tiết và giá đã được đưa ra trong các yêu cầu của Bên A; Bên B có trách nhiệm bảo vệ nguồn điện, nước để phục vụ thi công công trình. Bên B phải tự mình chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp máy móc thiết bị cần thiết để sử dụng những dịch vụ này và để đo số lượng tiêu thụ.

Số lượng tiêu thụ và số tiền phải trả cho các dịch vụ trên Bên B phải thanh toán theo quy định của Hợp đồng.

12.2. An ninh công trường

Trừ khi có quy định khác trong những điều kiện riêng:

a) Bên B phải chịu trách nhiệm về việc cho phép những người không có nhiệm vụ vào công trường;

b) Những người có nhiệm vụ được vào công trường gồm nhân lực của Bên B và của Bên A và những người khác do Bên A (hoặc người thay mặt) thông báo cho Bên B biết.

Điều 13. Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A

13.1. Tạm ngừng thực hiện công việc của Hợp đồng bởi Bên A

a) Nếu Bên B không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Bên A có thể ra thông báo yêu cầu Bên B phải thực hiện và sửa chữa các sai hỏng trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể.

b) Bên A quyết định ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng khi Bên B không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn lao động và tiến độ theo Hợp đồng đã ký kết.

c) Trước khi tạm dừng, Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B không ít hơn 5 ngày và trong thông báo sẽ nêu rõ lý do tạm ngừng.

13.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A:

Bên A sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Bên B:

a) Không thực hiện một thông báo theo khoản 13.1 của Hợp đồng này [Tạm ngừng thực hiện công việc của Hợp đồng bởi Bên A];

b) Bỏ dở công trình hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;

c) Không có lý do chính đáng mà 15 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng;

d) Giao thầu phụ toàn bộ các hạng mục của hợp đồng hoặc chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên A;

e) Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này;

Bên B phải rời công trường và chuyển các vật tư, vật liệu cần thiết, các tài liệu của Bên B và các hồ sơ thiết kế khác của Bên B cho Bên A. Tuy nhiên, Bên B sẽ cố gắng hết mức để tuân thủ ngay lập tức các hướng dẫn hợp lý được nêu trong thông báo, bảo vệ tính mạng và tài sản hay cho sự an toàn của công trình.

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A có thể hoàn thành công trình và sắp đặt cho các đơn vị khác thực hiện.

Bên A sẽ thông báo rằng thiết bị của Bên B và các công trình tạm thời sẽ được giải phóng cho Bên B ở tại hoặc gần công trường. Bên B sẽ ngay lập tức sắp xếp để chuyển đi, rời ra và chi phí cho việc này sẽ do Bên B chịu. Tuy nhiên, nếu đến lúc này mà Bên B còn nợ Bên A một khoản thanh toán nào thì Bên A được quyền bán chúng để lấy lại tiền. Số tiền dư ra sẽ được trả cho Bên B.

13.3. Xác định giá vào ngày chấm dứt Hợp đồng

Ngay khi thông báo chấm dứt theo khoản 15.2 của Hợp đồng [Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A] có hiệu lực, Bên A và Bên B sẽ xem xét đồng ý hoặc xác định giá trị của công trình, vật tư, vật liệu và tài liệu của Bên B và các khoản tiền phải thanh toán cho Bên B cho các công việc được thực hiện theo đúng Hợp đồng.

Điều 14. Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên B

14.1. Quyền tạm ngừng công việc của Bên B

Nếu Bên A không tuân thủ khoản 8.4 của Hợp đồng [Thời hạn thanh toán] vượt quá 10 ngày; Bên B có thể, sau khi thông báo cho Bên A không muộn hơn 7 ngày, sẽ tạm ngừng công việc (*hoặc giảm tỷ lệ công việc*) trừ khi và cho đến khi Bên B được thanh toán theo các điều khoản của Hợp đồng, tùy từng trường hợp và như đã mô tả trong thông báo.

Việc tạm ngừng công việc của Bên B theo khoản này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên B đối với các chi phí tài chính và để chấm dứt Hợp đồng theo khoản 14.2 của Hợp đồng [Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên B].

Nếu Bên B tiếp đó nhận được thanh toán trước khi thông báo chấm dứt Hợp đồng, Bên B phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường ngay khi có thể được.

Nếu Bên B phải chịu sự chậm trễ và các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (*hoặc do giảm tỷ lệ công việc*) theo khoản này, Bên B phải thông báo cho Bên A và theo Điều 17 của Hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

14.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên B

Nếu Bên B tiếp đó nhận được thanh toán trước khi thông báo chấm dứt Hợp đồng, Bên B phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường ngay khi có thể được.

Nếu Bên B phải chịu sự chậm trễ và các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (*hoặc do giảm tỷ lệ công việc*) theo khoản này, Bên B phải thông báo cho Bên A và theo Điều 19 của Hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

14.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên B

Bên B được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

- a) Bên B không nhận được số tiền được thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ;
- b) Bên A về cơ bản không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;
- c) Việc tạm ngừng bị kéo dài quá 30 ngày;
- d) Bên A bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được uỷ thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

Trong bất cứ sự kiện hoặc trường hợp nào được nêu trên, Bên B có thể, bằng thông báo trước 5 ngày cho Bên A để chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên trong trường hợp của điểm (d) Bên B có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

14.3. Ngừng công việc và di dời thiết bị Bên B

Sau khi nhận được thông báo chấm dứt Hợp đồng, Bên B sẽ ngay lập tức:

- a) Ngừng tất cả các công việc thêm, ngoại trừ các công việc đã được Bên A hướng dẫn để bảo vệ con người và tài sản hoặc an toàn của công trình;
- b) Chuyển giao cho Bên A toàn bộ tài liệu của Nhà Bên B, thiết bị, các vật liệu và các công việc khác mà Bên B đã được thanh toán;
- c) Di dời tất cả vật tư, vật liệu khỏi công trường, ngoại trừ các thứ cần thiết cho việc an toàn và rời khỏi công trường.

14.4. Thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt Hợp đồng theo khoản 14.2 của Hợp đồng [Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên B] đã có hiệu lực, hai bên tiến hành đối chiếu công nợ, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng 14 ngày.

Điều 15. Bảo hiểm và bảo hành công trình

15.1. Bảo hiểm

- Bên B phải thực hiện mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của Bên B, bảo hiểm đối với bên thứ 3.

15.2. Bảo hành công trình

a) Thời gian bảo hành các hạng mục của hợp đồng là 24 tháng, mức tiền giữ lại bảo hành công trình là 5% giá trị quyết toán của hợp đồng, sau khi bên B cung cấp cho bên A thư bảo lãnh bảo hành của Ngân hàng thì bên A thanh toán hết 5% tiền giữ lại cho bên B.

b) Yêu cầu về bảo hành công trình được quy định như sau:

- Bên B phải thực hiện bảo hành công trình xây dựng theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Thời hạn bảo hành được tính từ ngày Chủ đầu tư ký biên bản nghiệm thu công trình xây dựng đã hoàn thành để đưa vào sử dụng.

c) Trong thời gian bảo hành công trình Bên B có trách nhiệm khẩn trương sửa chữa, khắc phục triệt để các khiếm khuyết do lỗi của mình gây ra trong quá trình thi công công trình. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 14 ngày sau khi nhận được thông báo của Bên A về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Bên B không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Bên A có quyền thuê một đơn vị độc lập khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này. Toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Bên B chịu và sẽ được khấu trừ vào tiền bảo hành của Bên B.

Điều 16. Thưởng hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng

16.1. Thưởng hợp đồng

Trường hợp Bên B hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng sớm hơn so với thời hạn quy định trong Hợp đồng này, mang lại hiệu quả cho Bên A thì cứ mỗi 01 tháng Bên A sẽ thưởng cho Bên B 1% giá hợp đồng và mức thưởng tối đa không quá 12% giá trị phần hợp đồng làm lợi.

16.2. Phạt vi phạm hợp đồng

Đối với Bên B: Nếu Bên B không đảm bảo các tiến độ cam kết mà không do sự kiện

bất khả kháng hoặc không phải do lỗi của Bên A gây ra thì Bên B chịu phạt trễ tiến độ 0,5% giá trị Hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày chậm trễ của Bên B. Giới hạn Tổng số tiền phạt do chậm trễ không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

Điều 17. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp

Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 7 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên trọng tài kinh tế Tp. Hồ Chí Minh để giải quyết. Quyết định của trọng tài là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên. Mọi chi phí liên quan đến vụ kiện bên thu sẽ chịu trách nhiệm chi trả.

Điều 18. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

18.1. Quyết toán Hợp đồng

Trong vòng 45 ngày sau khi nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của Hợp đồng, Bên B sẽ trình cho Bên A 06 (Bộ) quyết toán Hợp đồng, bao gồm các tài liệu sau:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi Hợp đồng;
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo Hợp đồng và khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi Hợp đồng;
- Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng (gọi là quyết toán A-B), trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B;
- Các tài liệu khác theo thoả thuận trong Hợp đồng (nếu có).

18.2. Thanh lý Hợp đồng

a) Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:

- Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký;
- Hợp đồng bị chấm dứt (huỷ bỏ) theo quy định của Điều 14 của Hợp đồng [Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên B], Điều 13 của Hợp đồng [Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A]...

b) Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày các bên tham gia Hợp đồng hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc Hợp đồng bị chấm dứt (huỷ bỏ) theo điểm a khoản 2 Điều này.

18.3. Chấm dứt trách nhiệm của Bên A

Bên A sẽ không chịu trách nhiệm với Bên B về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo Hợp đồng hoặc liên quan đến Hợp đồng sau khi thanh lý Hợp đồng.

Điều 19. Hiệu lực của Hợp đồng

19.1. Thời điểm có hiệu lực của Hợp đồng: Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

19.2. Tính pháp lý của Hợp đồng xây dựng:

a) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở pháp lý mà Bên A, Bên B và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện;

b) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các bên. Các tranh chấp phát sinh ngoài Hợp đồng sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định của pháp luật.

Điều 20. Điều khoản chung

20.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong Hợp đồng này;

20.2. Hợp đồng này bao gồm 21 trang được lập thành 06 bản bằng tiếng Việt. Bên A giữ 03 bản và Bên B giữ 03 bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Trần Mạnh Cường

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thành

Dự án: The Park Residence
Hạng mục: Thi công kết cấu bê tông cốt thép phân thân khối nhà B2

PHỤ LỤC 1: BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ

CÔNG TRÌNH: THE PARK RESIDENCE

HẠNG MỤC: THI CÔNG KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP KHỐI NHÀ B2

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách Tính	Hệ số	Thành tiền
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP				
1	Chi phí Vật liệu	VL	A1		47.804.687.022
	+ Vật liệu	A1	DTCT		47.804.687.022
2	Chi phí nhân công	NC	B1		23.197.718.671
	+ Nhân công	B1	DTCT		23.197.718.671
3	Chi phí máy thi công	M	C1		3.593.188.759
	+ Thiết bị máy thi công	C1	DTCT		3.593.188.759
4	Chi phí trực tiếp khác	TT	$(VL+NC+M) \times 2\%$	2,0%	1.491.911.889
	Cong chi phí trực tiếp	T	$VL+NC+M+TT$		76.087.506.341
II	CHI PHÍ CHUNG	C	$T \times 3,0\%$	3,0%	2.282.625.190
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	$(T+C) \times 4,5\%$	4,5%	3.526.655.919
	Chi phí xây dựng trước thuế	G	$(T+C+TL)$		81.896.787.450
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	GTGT	$G \times 10\%$	10,0%	8.189.678.745
	Chi phí xây dựng sau thuế	Gxdt	$G + GTGT$		90.086.466.195
	Chi phí xây dựng lán trại, nhà tạm	Gxdtnt	$Gxdt \times 1\%$	1,0%	900.864.662
VI	TỔNG CỘNG	Gxd	$Gxdt + Gxdtnt$		90.987.330.857
	LÀM IRON				90.987.331.000



GIÁM ĐỐC
Trần Mạnh Cường

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thành

Dự án: The Park Residence
Hạng mục: Thi công hoàn thiện khối nhà B2

PHỤ LỤC 2: BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ

CÔNG TRÌNH: THE PARK RESIDENCE
HẠNG MỤC: THI CÔNG HOÀN THIỆN KHỐI NHÀ B2

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách Tính	Thành tiền
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	Chi phí Vật liệu	VL	Tổng hợp hạng mục	66.845.073.464
2	Chi phí nhân công	NC	Tổng hợp hạng mục	44.423.543.801
3	Chi phí máy thi công	M	Tổng hợp hạng mục	1.799.384.185
4	Chi phí trực tiếp khác	TT	$(VL+NC+M) \times 2\%$	2.261.360.029
	Cộng chi phí trực tiếp	T	$VL+NC+M+TT$	115.329.361.479
II	CHI PHÍ CHUNG	C	$T \times 3,0\%$	3.459.880.844
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	$(T+C) \times 4,5\%$	5.345.515.905
IV	Chi phí xây dựng trước thuế	G	(T+C+TL)	124.134.758.228
	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	GTGT	$G \times 10\%$	12.413.475.823
	Chi phí xây dựng sau thuế	Gxdept	G + GTGT	136.548.234.051
V	TỔNG CỘNG	Gxd	Gxdept	136.548.234.051
	LÀM TRÒN			136.548.234.000



GIÁM ĐỐC
Trần Mạnh Cường

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thành

Dự án: The Park Residence
 Hàng mục: Thi công lắp đặt hệ thống cơ điện khối nhà B2

PHỤ LỤC 3: BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ
 CÔNG TRÌNH: THE PARK RESIDENCE
 HÀNG MỤC: THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG CƠ ĐIỆN KHỐI NHÀ B2

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách Tính	Hệ số	Thành tiền	
					BLOCK	B2
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP					
1	Chi phí Vật liệu + Vật liệu	VL A1	A1 DTCT		45.216.290.125	45.216.290.125
2	Chi phí nhân công + Nhân công	NC B1	B1 DTCT		12.526.333.963	12.526.333.963
3	Chi phí máy thi công + Thiết bị, máy thi công	M C1	C1 DTCT		1.625.333.256	1.625.333.256
4	Chi phí trực tiếp khác Cộng chi phí trực tiếp	TT T	(VL+NC+M) x 2% VL+NC+M+TT	2,0%	1.187.359.147	60.555.316.491
II	CHI PHÍ CHUNG	C	T x 3,0%	3,0%	1.816.659.495	
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	(T+C) x 4,5%	4,5%	2.806.738.919	
IV	Chi phí xây dựng trước thuế THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	G GTGT	(T+C+TL) G x 10%	10,0%	65.178.714.905	6.517.871.490
	Chi phí xây dựng sau thuế	Gxđcpt	G + GTGT		71.696.586.395	
	Chi phí xây dựng lán trại, nhà tạm	Gxdnt	Gxđcpt x 1%	1,0%	716.965.864	
VI	TỔNG CỘNG LÀM TRƠN	Gxd	Gxđcpt + Gxdnt		72.413.552.259	72.413.552.000



GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Văn Thành



GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Văn Thành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 28 tháng 12 năm 2017

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Số: 49/2017/HĐXL - PTHTKCN

**Gói thầu số 04: Thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị (bao gồm cả
hạng mục chung)
Công trình Xây dựng cơ sở hạ tầng khu 50ha mở rộng khu công nghiệp Gián Khẩu**

GIỮA

CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH NINH BÌNH

VÀ

**LIÊN DANH NHÀ THẦU CÔNG TY TNHH THIÊN PHÚ
VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ DCH**

Năm 2017

MỤC LỤC HỢP ĐỒNG

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG	3
PHẦN 2 – CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG.....	4
Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải	4
Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên.....	6
Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng	7
Điều 4. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng	7
Điều 5. Nội dung và khối lượng công việc:	7
Điều 6. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm Hợp đồng thi công xây dựng:.....	8
Điều 7. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng:.....	11
Điều 8. Giá Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán.....	12
Điều 9. Điều chỉnh giá hợp đồng.	14
Điều 10. Quyền và nghĩa vụ chung của chủ đầu tư Bên giao thầu	14
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ chung của Bên nhận thầu	15
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Bên nhận thầu tư vấn.....	16
Điều 13. Nhà thầu phụ.....	21
Điều 14. An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.....	22
Điều 15. Điện, nước và an ninh công trường.....	23
Điều 16. Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên giao thầu	23
Điều 17. Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên nhận thầu	25
Điều 18. Bảo hiểm và bảo hành	26
Điều 19. Rủi ro và Bất khả kháng	27
Điều 20. Phạt vi phạm hợp đồng.....	30
Điều 21. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp	30
Điều 22. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng.....	30
Điều 23. Hiệu lực của Hợp đồng.....	31
Điều 24. Điều Khoản chung.....	32

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 29/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn hợp đồng thi công xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 799/QĐ-UBND ngày 14/6/2017 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt dự án đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng khu 50ha mở rộng khu công nghiệp Gián Khẩu;

Căn cứ Quyết định số 1790/QĐ-KHĐT ngày 26/7/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình về phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu 50ha mở rộng khu công nghiệp Gián Khẩu.

Căn cứ Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 của UBND tỉnh Ninh Bình về phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu 50ha mở rộng khu công nghiệp Gián Khẩu.

Căn cứ Văn bản số 28/ĐC-UBND ngày 15/12/2017 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc đính chính Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 của UBND tỉnh Ninh Bình về phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu 50ha mở rộng khu công nghiệp Gián Khẩu;

Căn cứ Quyết định số 3196/QĐ-KHĐT ngày 20/12/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình về phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu 50ha mở rộng khu công nghiệp Gián Khẩu.

Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng ngày 27/12/2017 giữa Công ty PTHT khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình và Liên danh nhà thầu Công ty TNHH Thiên Phú và Công ty Cổ phần thiết bị DCH;

Căn cứ Quyết định số 177/QĐ-CTHT KCN ngày 27/12/2017 của Công ty PTHT khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình v/v phê duyệt kết quả đấu thầu Gói thầu số 04 - Thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị (Bao gồm cả hạng mục chung) công trình Xây dựng cơ sở hạ tầng khu 50ha mở rộng khu công nghiệp Gián Khẩu;

Căn cứ Hợp đồng liên danh ngày 27/12/2017 giữa Công ty TNHH Thiên Phú, và Công ty cổ phần thiết bị DCH.

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

PHẦN 2 – CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại văn phòng Công ty PTHT khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư (Bên giao thầu)

Tên giao dịch: **Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình.**

Đại diện là ông: **Trần Quang Vĩnh**

Chức vụ: **Giám đốc;**

Địa chỉ: Số 201 Lê Hồng Phong - Thành phố Ninh Bình - Tỉnh Ninh Bình

Tài khoản số: 9552.2.7610524, tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Ninh Bình.

Điện thoại: 0229.3885.190

Fax: 0229.3887.494

E-mail: ctpthtkcnnb@gmail.com

Và bên kia là:

2. Nhà thầu: (Bên nhận thầu)

Tên giao dịch: **Liên danh nhà thầu Công ty TNHH Thiên Phú và Công ty Cổ phần thiết bị DCH.**

* **Công ty TNHH Thiên Phú** (thành viên đứng đầu liên danh).

Đại diện là ông: **Đặng Đức Hiệp**

Chức vụ: **Tổng Giám đốc;**

Địa chỉ: Ngã Ba Gián Khẩu - Xã Gia Trán - Huyện Gia Viễn - Tỉnh Ninh Bình.

Tài khoản số: 2301169698888 tại Ngân hàng Quân Đội chi nhánh Ninh Bình.

Mã số thuế: 2700277515

Điện thoại: 02293.868266

* **Công ty Cổ phần thiết bị DCH** (thành viên liên danh).

Đại diện là ông: **Nguyễn Văn Thành**

Chức vụ: **Giám đốc;**

Địa chỉ: Số 58A, Võ Văn Dũng, Phường Ô Chợ Dừa, Q.Đống Đa, Hà Nội.

Tài khoản số: 109001060000324 Tại Ngân hàng TMCP Bắc Á, chi nhánh Hà Nội.

Mã số thuế: 0102712020

Điện thoại: 024.275.4605

Hai Bên cùng thống nhất ký hợp đồng thi công xây dựng của Gói thầu số 04- Thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị (bao gồm cả hạng mục chung) công trình Xây dựng cơ sở hạ tầng khu 50ha mở rộng khu công nghiệp Gián Khẩu, như sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Trong hợp đồng này các từ và cụm từ được hiểu như sau:

1.1. **“Chủ đầu tư”** là Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình.

1.2. **“Nhà thầu”** là Liên danh nhà thầu Công ty TNHH Thiên Phú và Công ty Cổ phần thiết bị DCH.

1.3. **“Đại diện Chủ đầu tư”** là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được uỷ quyền theo từng thời gian và điều hành công việc thay mặt cho Chủ đầu tư.

1.4. **“Đại diện Nhà thầu”** là người được Nhà thầu nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu uỷ quyền bằng văn bản và điều hành công việc thay mặt Nhà thầu.

1.5. **“Nhà tư vấn”** là tổ chức, cá nhân do Chủ đầu tư ký hợp đồng thuê để thực hiện một hoặc một số công việc chuyên môn liên quan đến việc quản lý thực hiện hợp đồng.

1.6. **“Đại diện Nhà tư vấn”** là người được Nhà tư vấn uỷ quyền làm đại diện để thực hiện các nhiệm vụ do Nhà tư vấn giao.

1.7. **“Tư vấn thiết kế”** là tư vấn thực hiện việc thiết kế xây dựng công trình.

1.8. **“Nhà thầu phụ”** là nhà thầu ký hợp đồng với Nhà thầu để thi công một phần công việc của Nhà thầu.

1.9. **“Dự án”** là dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu 50ha mở rộng khu công nghiệp Gián Khẩu;

1.10. **“Hợp đồng”** là toàn bộ hồ sơ hợp đồng, theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên].

1.11. **“Hồ sơ mời thầu”** của Chủ đầu tư là toàn bộ tài liệu như đã bàn giao cho nhà thầu để chuẩn bị Hồ sơ dự thầu.

1.12. **“Hồ sơ dự thầu”** của Nhà thầu là toàn bộ tài liệu do Nhà thầu lập theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu và được nộp cho bên mời thầu theo quy định.

1.13. **“Chỉ dẫn kỹ thuật”** là tập hợp các yêu cầu kỹ thuật dựa trên các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình, thiết kế xây dựng công trình để hướng dẫn, quy định về vật liệu, sản phẩm, thiết bị sử dụng cho công trình và các công tác thi công, giám sát, nghiệm thu công trình xây dựng.

1.14. **“Bản vẽ thiết kế”** là tất cả các bản vẽ, bảng tính toán và thông tin kỹ thuật tương tự của công trình do Chủ đầu tư cấp cho Nhà thầu hoặc do Nhà thầu lập đã được Chủ đầu tư chấp thuận.

1.15. **“Bảng tiên lượng”** là bảng kê chi tiết khối lượng và giá các công việc trong hợp đồng.

1.16. **“Bên”** là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tùy theo ngữ cảnh (yêu cầu) diễn đạt.

1.17. **“Ngày khởi công”** là ngày được thông báo theo khoản 7.1 [Ngày khởi công, thời gian thực hiện hợp đồng].

1.18. **“Biên bản nghiệm thu”** là biên bản được phát hành theo Điều 6 [Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm Hợp đồng thi công xây dựng].

1.19. **“Ngày”** được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

1.20. **“Ngày làm việc”** là ngày dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

1.21. **“Thiết bị của Nhà thầu”** là toàn bộ thiết bị máy móc, phương tiện, xe cộ và các phương tiện, thiết bị khác yêu cầu phải có để Nhà thầu thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa bất cứ sai sót nào (nếu có).

1.22. **“Công trình chính”** là công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu 50ha mở rộng khu công nghiệp Gián Khẩu mà Nhà thầu thi công theo hợp đồng.

1.23. **“Hạng mục công trình”** là một công trình chính hoặc một phần công trình chính.

1.24. **“Công trình tạm”** là các công trình phục vụ thi công công trình, hạng mục công trình.

1.25. **“Công trình”** là công trình chính và công trình tạm hoặc là một trong hai loại công trình này.

1.26. **“Thiết bị của Chủ đầu tư”** là máy móc, phương tiện do Chủ đầu tư cấp cho Nhà thầu sử dụng để thi công công trình (nếu có).

1.27. **“Rủi ro và bất khả kháng”** được định nghĩa tại Điều 20 [Rủi ro và bất khả kháng].

1.28. **“Luật”** là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

1.29. **“Công trường”** là địa điểm Chủ đầu tư giao cho Nhà thầu để thi công công trình cũng như bất kỳ địa điểm nào khác được quy định trong hợp đồng.

1.30. **“Thay đổi”** là sự thay đổi (điều chỉnh) phạm vi công việc, chỉ dẫn kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, giá hợp đồng hoặc tiến độ thi công khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ hợp đồng xây dựng gồm thỏa thuận hợp đồng này và các tài liệu kèm theo hợp đồng.

2.2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng, bao gồm:

- a) Thông báo trúng thầu;
- b) Hồ sơ mời thầu của Bên giao thầu;
- c) Các chỉ dẫn kỹ thuật, các bản vẽ thiết kế (Phụ lục số ...[Hồ sơ mời thầu của Chủ đầu tư]);

- d) Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu;
- đ) Biên bản đàm phán hợp đồng, các sửa đổi, bổ sung bằng văn bản;
- e) Các Phụ lục hợp đồng;
- f) Các tài liệu khác có liên quan...

2.3. Thứ tự ưu tiên của các tài liệu kèm theo hợp đồng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng

3.1. Hợp đồng xây dựng chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2. Ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng là tiếng Việt.

Điều 4. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

4.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

Nhà thầu phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng tương đương 2,0% giá trị hợp đồng cho Bên giao thầu trong vòng 05 ngày sau khi hợp đồng đã được ký kết. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Bên giao thầu chấp thuận và phải tuân theo mẫu do Bên giao thầu ban hành.

Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có giá trị và có hiệu lực tới khi Bên nhận thầu đã thi công, hoàn thành công trình, hoặc hạng mục công trình tương ứng với Hợp đồng đã ký kết được Bên giao thầu nghiệm thu và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành công trình. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 05 ngày trước ngày hết hạn, Nhà thầu sẽ phải gia hạn giá trị của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.

Bên nhận thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện Hợp đồng đã có hiệu lực và các trường hợp sai sót khác do lỗi của Bên nhận thầu. Bên giao thầu phải hoàn trả cho Bên nhận thầu bảo đảm thực hiện hợp đồng khi Bên nhận thầu đã hoàn thành các công việc theo hợp đồng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành.

4.2. Bảo lãnh tiền tạm ứng:

Trước khi Bên giao thầu tạm ứng hợp đồng cho Bên nhận thầu thì Bên nhận thầu phải nộp cho Bên giao thầu bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị tương đương giá trị tiền tạm ứng.

Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi bên giao thầu thu hồi hết số tiền tạm ứng.

Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được khấu trừ tương ứng với giá trị giảm trừ tiền tạm ứng qua mỗi lần thanh toán (theo thoả thuận của các bên).

Điều 5. Nội dung và khối lượng công việc:

Bên nhận thầu thực hiện việc thi công xây dựng công trình theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Bên giao thầu chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được mô tả trong Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán được phê duyệt và biên bản đàm phán hợp đồng, đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thoả thuận khác trong hợp đồng. Các công việc cụ thể nhà thầu phải thực hiện bao gồm:

5.1. Bàn giao và tiếp nhận, quản lý mặt bằng xây dựng, tiếp nhận và bảo quản tim, cốt, mốc giới công trình.

5.2. Cung cấp vật liệu xây dựng, nhân lực, máy và thiết bị thi công để thi công xây dựng công trình theo hợp đồng.

5.3. Thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt và quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

5.4. Thực hiện trắc đạc, quan trắc công trình theo yêu cầu thiết kế. Thực hiện thí nghiệm, kiểm tra chạy thử đơn động và chạy thử liên động theo kế hoạch trước khi đề nghị nghiệm thu.

5.5. Kiểm soát chất lượng công việc xây dựng và lắp đặt thiết bị; giám sát thi công xây dựng công trình đối với công việc xây dựng do nhà thầu phụ thực hiện trong trường hợp là nhà thầu chính.

5.6. Xử lý, khắc phục các sai sót, khiếm khuyết về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng (nếu có).

5.7. Thí nghiệm kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng.

5.8. Thực hiện nghiệm thu công việc chuyển bước thi công, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng Mục công trình, công trình xây dựng.

5.9. Thực hiện các công tác bảo đảm an toàn, bảo vệ và vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ;

5.10. Bảo vệ công trường, mặt bằng thi công trong phạm vi hợp đồng thi công;

5.11. Thực hiện các công tác bảo đảm an ninh trật tự cho khu vực công trường;

5.12. Hợp tác với các nhà thầu khác trên công trường (nếu có);

5.13. Thu dọn công trường và bàn giao sản phẩm xây dựng sau khi hoàn thành.

5.14. Các công việc khác trong quá trình thực hiện hợp đồng theo thoả thuận của hợp đồng, các tài liệu kèm theo hợp đồng và quy định của pháp luật.

Điều 6. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm Hợp đồng thi công xây dựng:

6.1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của Hợp đồng thi công xây dựng:

a) Công trình phải được thi công theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi

được Bên giao thầu chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được mô tả trong Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán được phê duyệt phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định về chất lượng công trình xây dựng của nhà nước có liên quan; Bên nhận thầu phải có sơ đồ và thuyết minh hệ thống quản lý chất lượng thi công, giám sát chất lượng thi công của mình.

b) Bên nhận thầu phải cung cấp cho Bên giao thầu các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. Các kết quả thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định.

c) Bên nhận thầu đảm bảo vật tư, thiết bị do nhà thầu cung cấp có nguồn gốc xuất xứ như quy định của hồ sơ hợp đồng.

6.2. Kiểm tra, giám sát của Bên giao thầu

a) Bên giao thầu được quyền vào các nơi trên công trường và các nơi khai thác nguyên vật liệu tự nhiên của Bên nhận thầu để kiểm tra;

b) Trong quá trình sản xuất, gia công, chế tạo và xây dựng ở trên công trường, nơi được quy định trong Hợp đồng Bên giao thầu được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu, và kiểm tra quá trình gia công, chế tạo thiết bị, sản xuất vật liệu.

Bên nhận thầu sẽ tạo mọi Điều kiện cho người của Bên giao thầu để tiến hành các hoạt động này, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm đi bất cứ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của nhà thầu.

Đối với các công việc mà người của Bên giao thầu được quyền xem xét đo lường và kiểm định, Bên nhận thầu phải thông báo cho Bên giao thầu biết khi bất kỳ công việc nào như vậy đã xong và trước khi được phủ lấp, hoặc không còn được nhìn thấy hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển. Khi đó Bên giao thầu sẽ tiến hành ngay việc kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định không được chậm trễ mà không cần lý do, hoặc thông báo ngay cho Bên nhận thầu là Bên giao thầu không đòi hỏi phải làm như vậy.

6.3. Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành:

a) Bên giao thầu chỉ nghiệm thu các sản phẩm của Hợp đồng khi sản phẩm của các công việc này đảm bảo chất lượng theo quy định tại Khoản 6.1 nêu trên.

b) Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của Hợp đồng là các bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Bên giao thầu chấp thuận); thuyết minh kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; chứng chỉ kết quả thí nghiệm; biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu bàn giao...

c) Hồ sơ nghiệm thu, bàn giao gồm:

- Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng hoàn thành.
- Kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm cần nghiệm thu...

6.4. Nghiệm thu, bàn giao công trình và các hạng mục công trình

Sau khi các công việc theo hợp đồng được hoàn thành, đáp ứng các Điều kiện để nghiệm thu theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, yêu cầu của hợp đồng thì Bên nhận thầu và Bên giao thầu tiến hành nghiệm thu công trình. Sau khi công trình đủ Điều kiện để nghiệm thu, hai bên lập biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành theo hợp đồng. Nếu có những công việc nhỏ còn tồn đọng lại và các sai sót về cơ bản không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng công trình thì những tồn đọng này được ghi trong biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình và bên nhận thầu phải có trách nhiệm hoàn thành những tồn đọng này bằng chi phí của mình.

Trường hợp công trình chưa đủ Điều kiện để nghiệm thu, bàn giao; các bên xác định lý do và nêu cụ thể những công việc mà bên nhận thầu phải làm để hoàn thành công trình.

Việc kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của nhà nước.

6.5. Trách nhiệm của nhà thầu đối với các sai sót

a) Bằng kinh phí của mình bên nhận thầu phải hoàn thành các công việc còn tồn đọng vào ngày đã nêu trong biên bản nghiệm thu, bàn giao trong Khoảng thời gian hợp lý mà bên giao thầu yêu cầu nhưng đảm bảo không vượt quá Khoảng thời gian thực hiện các công việc còn tồn đọng đó quy định trong hợp đồng.

b) Trường hợp không sửa chữa được sai sót:

- Nếu bên nhận thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong Khoảng thời gian hợp lý, bên giao thầu hoặc đại diện của bên giao thầu có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng và thông báo cho bên nhận thầu biết về ngày này.

- Nếu bên nhận thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã được thông báo, bên giao thầu có thể tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác sửa chữa và bên nhận thầu phải chịu mọi chi phí (bên nhận thầu không được kiến nghị về chi phí sửa chữa nếu không cung cấp được tài liệu chứng minh sự thiếu chính xác trong cách xác định chi phí sửa chữa của bên giao thầu), bên nhận thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình đối với công trình theo hợp đồng.

c) Nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc bên giao thầu không sử dụng được công trình hay phần lớn công trình cho Mục đích đã định thì bên giao thầu sẽ chấm dứt hợp đồng; khi đó, bên nhận thầu sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bên giao thầu theo hợp đồng và theo các quy định pháp luật.

d) Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa ngay trên công trường được và được bên giao thầu đồng ý, bên nhận thầu có thể chuyển khối công trường thiết bị hoặc cấu kiện bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa.

6.6. Các kiểm định thêm

Nếu việc sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng làm ảnh hưởng đến sự vận hành của công trình, bên giao thầu có thể yêu cầu tiến hành lại bất cứ cuộc kiểm định nào nêu trong hợp đồng, bao gồm cả các cuộc kiểm định khi hoàn thành và kiểm định sau khi hoàn thành. Yêu cầu này được thông báo trong Khoảng thời gian 30 ngày sau khi đã sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng.

Các kiểm định này phải được tiến hành theo các Điều kiện được áp dụng cho các kiểm định trước, chỉ khác là được tiến hành bằng kinh phí của bên nhận thầu.

6.7. Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành

Sau khi đã cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao; mỗi bên sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện tại thời Điểm đó. Hợp đồng vẫn được coi là có hiệu lực đối với nội dung và phạm vi của những nghĩa vụ chưa được hoàn thành.

Điều 7. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng:

7.1. Ngày khởi công, thời gian thực hiện Hợp đồng

Ngày khởi công công trình được Bên giao thầu thông báo cho Bên nhận thầu.

Bên nhận thầu sẽ bắt đầu tiến hành thi công xây dựng công trình ngay sau ngày khởi công và sẽ thực hiện thi công xây dựng công trình đúng thời gian thực hiện Hợp đồng mà không được chậm trễ.

Bên nhận thầu phải hoàn thành toàn bộ công việc theo nội dung của Hợp đồng trong khoảng thời gian **30 tháng (kể từ ngày khởi công công trình)**.

7.2. Tiến độ thực hiện Hợp đồng

Căn cứ vào thời gian thực hiện Hợp đồng Bên nhận thầu phải lập tiến độ chi tiết để trình cho chủ đầu tư trong vòng 10 ngày sau ngày khởi công Bên nhận thầu cũng phải trình tiến độ thi công đã được sửa đổi nếu tiến độ thi công trước đó không phù hợp với tiến độ thực tế hoặc không phù hợp với nghĩa vụ của Bên nhận thầu. Trừ khi được quy định khác trong Hợp đồng, mỗi bản tiến độ thi công sẽ bao gồm:

a) Trình tự thực hiện công việc của Bên nhận thầu và thời gian thi công cho mỗi giai đoạn chính của công trình;

b) Quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định;

c) Báo cáo tiến độ Bên nhận thầu phải thể hiện:

- Biện pháp tổ chức thi công trên công trường và các giai đoạn chính trong việc thi công công trình;

- Bên nhận thầu được phép Điều chỉnh tiến độ chi Tiết theo tuần, tháng nhưng phải phù hợp với tiến độ tổng thể của Hợp đồng.

Bên nhận thầu phải thực hiện theo tiến độ thi công và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng. Nếu bản tiến độ thi công này không phù hợp với Hợp đồng thì Bên giao thầu sẽ thông báo cho Bên nhận thầu trong vòng 03 ngày sau khi nhận được bản tiến độ thi công của Bên nhận thầu. Bên giao thầu sẽ được phép dựa vào bản tiến độ thi công này để yêu cầu Bên nhận thầu thực hiện theo tiến độ của Hợp đồng.

Bên nhận thầu phải thông báo cho Bên giao thầu về các tình huống cụ thể có thể xảy ra trong tương lai có tác động xấu hoặc làm chậm việc thi công công trình hay làm tăng giá hợp đồng. Trong trường hợp đó, Bên giao thầu hoặc nhà tư vấn có thể yêu cầu Bên nhận thầu báo cáo về những ảnh hưởng của các tình huống trong tương lai và đề xuất theo Khoản 7.3 [Gia hạn thời gian hoàn thành]. Bên nhận thầu phải nộp cho Bên giao thầu một bản tiến độ thi công sửa đổi phù hợp với Khoản này.

7.3. Gia hạn thời gian hoàn thành

Bên nhận thầu được phép theo Điều 21 [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp] gia hạn thời gian hoàn thành nếu do một trong những lý do sau đây:

a) Có sự thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Bên giao thầu làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng.

b) Do ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng như: ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác;

c) Sự chậm trễ, trở ngại trên công trường do Bên giao thầu, nhân lực của Bên giao thầu hay các nhà thầu khác của Bên giao thầu gây ra như: việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong Hợp đồng, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng mà không do lỗi của Bên nhận thầu gây ra.

7.4. Khắc phục tiến độ chậm trễ

Khi tiến độ đã bị chậm hơn so với tiến độ thi công như các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng của công việc đó mà không phải do những nguyên nhân đã nêu trong Khoản 7.3 [Gia hạn thời gian hoàn thành], khi đó Bên giao thầu yêu cầu Bên nhận thầu trình một bản tiến độ thi công được sửa đổi để thực hiện tiến độ hoàn thành, trong thời gian yêu cầu.

Điều 8. Giá Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

8.1. Giá Hợp đồng:

Tổng giá trị Hợp đồng là: **352.281.433.000 đồng.**

(Bằng chữ: Ba trăm năm mươi hai tỷ, hai trăm tám mươi một triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Hợp đồng này là Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.

Chi tiết giá Hợp đồng được nêu trong Phụ lục giá kèm theo hợp đồng.

Giá Hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo Hợp đồng, đến bản quyền, lợi nhuận của Bên nhận thầu và tất cả các loại thuế liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật.

Giá Hợp đồng chỉ được Điều chỉnh theo quy định tại Điều 9 [Điều chỉnh giá Hợp đồng].

8.2. Tạm ứng

a) Căn cứ vào tiến độ cấp vốn cho dự án, Bên giao thầu tạm ứng cho Bên nhận thầu tối đa 50% giá trị hợp đồng, sau khi Bên giao thầu nhận được bảo lãnh của Bên nhận thầu.

b) Việc tính toán, thu hồi dần tiền tạm ứng được thực hiện sau khi bên nhận thầu đã nhận được tiền tạm ứng.

c) Tiền tạm ứng được thu hồi hết khi thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký.

d) Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách giảm trừ trong các lần thanh toán. Tỷ lệ giảm trừ sẽ dựa trên tỷ lệ thu hồi được quy định trong hợp đồng này.

Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt Hợp đồng theo Điều 16 [Tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng bởi Bên giao thầu], Điều 17 [Tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng bởi Bên nhận thầu] hoặc Điều 19 [Rủi ro và bất khả kháng] (tùy từng trường hợp), khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên giao thầu.

8.3. Thanh toán

Bên giao thầu sẽ thanh toán cho Bên nhận thầu trên cơ sở tiến độ và khối lượng công việc hoàn thành thực tế được nghiệm thu của từng lần thanh toán nhân với đơn giá trong hợp đồng hoặc đơn giá đã điều chỉnh theo Điều 9 [Điều chỉnh giá đối với hợp đồng theo đơn giá Điều chỉnh] kết hợp với kế hoạch vốn được cấp của Bên giao thầu.

8.4. Thời hạn thanh toán

Bên giao thầu sẽ thanh toán cho Bên nhận thầu trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày Bên giao thầu nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên nhận thầu, bên giao thầu sẽ hoàn thành các thủ tục và chuyển đề nghị thanh toán tới Kho bạc Nhà nước phục vụ thanh toán.

8.5. Thanh toán tiền bị giữ lại

Bên giao thầu sẽ thanh toán toàn bộ các Khoản tiền bị giữ lại cho Bên nhận thầu khi các bên đã đủ căn cứ để xác định giá trị của các lần thanh, toán và khi Bên nhận thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình theo quy định tại Điều 18 [Bảo hiểm và Bảo hành].

8.6. Đồng tiền và hình thức thanh toán

a) Đồng tiền thanh toán: giá hợp đồng sẽ được thanh toán bằng đồng tiền Việt Nam (VND).

b) Hình thức thanh toán: thanh toán bằng hình thức chuyển khoản.

8.7. Hồ sơ thanh toán:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế (tăng hoặc giảm so với khối lượng theo hợp đồng) trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;

- Bảng tính đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá (còn gọi là đơn giá thanh toán) theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;

- Bảng tính giá trị cho những công việc chưa có đơn giá trong hợp đồng (nếu có), trong đó cần thể hiện cả khối lượng và đơn giá cho các công việc này có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;

- Đề nghị thanh toán của bên nhận thầu cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các Khoản này có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu.

Điều 9. Điều chỉnh giá hợp đồng.

1. Khi khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu tăng hoặc giảm lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng hoặc khi bổ sung khối lượng công việc hợp lý chưa có đơn giá trong hợp đồng thì các bên thống nhất xác định đơn giá mới theo nguyên tắc thỏa thuận trong hợp đồng về đơn giá cho các khối lượng công việc này để thanh toán. Đơn giá mới được xác định theo các quy định hiện hành và các thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Bổ sung khối lượng công việc hợp lý chưa có đơn giá trong hợp đồng.

3. Trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa thuận Điều chỉnh đơn giá (toàn bộ hoặc một số đơn giá) cho những công việc được Điều chỉnh giá do trượt giá sau một Khoảng thời gian nhất định kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Đơn giá Điều chỉnh được xác định theo phương pháp theo các quy định hiện hành.

4. Đối với các trường hợp bất khả kháng, bất khả kháng khác: Đơn giá cho các công việc phải khắc phục hậu quả bất khả kháng xác định căn cứ vào Điều kiện thực tế, hướng dẫn theo các quy định hiện hành hoặc áp dụng đơn giá theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết, kể cả đơn giá đã được Điều chỉnh theo thỏa thuận của hợp đồng (nếu có).

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ chung của Bên giao thầu

10.1. Quyền của Bên giao thầu:

Nếu Bên giao thầu xét thấy mình có quyền với bất kỳ Khoản thanh toán nào theo bất cứ Điều nào hoặc các quy định khác liên quan đến Hợp đồng thì phải thông báo và cung cấp các chi tiết cụ thể cho Bên nhận thầu.

Phải thông báo càng sớm càng tốt sau khi Bên giao thầu nhận thấy vấn đề hoặc tình huống dẫn tới khiếu nại. Thông báo về việc kéo dài thời hạn thông báo sai sót phải được thực hiện trước khi hết hạn thời gian thông báo.

Các thông tin chi tiết phải xác định cụ thể Điều hoặc cơ sở khiếu nại khác và phải bao gồm chứng minh của số tiền và sự kéo dài mà Bên giao thầu tự cho mình có quyền được hưởng liên quan đến Hợp đồng. Bên giao thầu sau đó phải quyết định:

- Số tiền (nếu có) mà Bên giao thầu có quyền yêu cầu Bên nhận thầu thanh toán;
- Kéo dài (nếu có) thời hạn thông báo sai sót.

Bên giao thầu có thể khấu trừ số tiền này từ bất kỳ Khoản nợ hay sẽ nợ nào của Bên nhận thầu. Bên giao thầu chỉ được quyền trừ hoặc giảm số tiền từ tổng số được xác nhận Khoản nợ của Bên nhận thầu hoặc theo một khiếu nại nào khác đối với Bên nhận thầu theo Khoản này.

10.2. Nghĩa vụ của Bên giao thầu:

- a) Bàn giao toàn bộ hoặc từng phần mặt bằng xây dựng cho Bên nhận thầu quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thỏa thuận của Hợp đồng;
- b) Cử và thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về nhân lực chính tham gia quản lý và thực hiện Hợp đồng;
- c) Bố trí đủ nguồn vốn để thanh toán cho nhà thầu theo tiến độ thanh toán trong Hợp đồng;
- d) Thuê tư vấn giúp Bên giao thầu giám sát theo quy định tại Điều 12 [Quyền và nghĩa vụ của nhà tư vấn];
- e) Cung cấp kịp thời hồ sơ thiết kế và các tài liệu có liên quan, vật tư (nếu có) theo thỏa thuận trong Hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan;
- f) Xem xét và chấp thuận kịp thời bằng văn bản các đề xuất liên quan đến thiết kế, thi công của Bên nhận thầu trong quá trình thi công xây dựng công trình. Nếu trong khoảng thời gian này mà Bên giao thầu không trả lời thì coi như Bên giao thầu đã chấp thuận đề nghị hay yêu cầu của Bên nhận thầu.
- g) Bên giao thầu phải có sẵn để cung cấp cho Bên nhận thầu toàn bộ các số liệu liên quan mà Bên giao thầu có về Điều kiện địa chất, địa chất thủy văn và những nội dung của công tác khảo sát về công trường, bao gồm cả các yếu tố môi trường liên quan đến Hợp đồng.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ chung của Bên nhận thầu

11.1. Quyền của Bên nhận thầu

- a) Được quyền đề xuất với Bên giao thầu về khối lượng phát sinh ngoài Hợp đồng; từ chối thực hiện công việc ngoài phạm vi Hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Bên giao thầu;

b) Được thay đổi các biện pháp thi công sau khi được Bên giao thầu chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá Hợp đồng đã ký kết;

c) Tiếp cận công trường:

- Bên giao thầu phải bàn giao cho Bên nhận thầu mặt bằng thi công công trình để Bên nhận thầu thực hiện Hợp đồng.

- Trường hợp, nhà thầu không nhận được mặt bằng thi công công trình do sự chậm trễ của Bên giao thầu và phải gánh chịu chi phí phát sinh trong thời gian này thì Bên nhận thầu phải được thanh toán chi phí phát sinh và cộng thêm vào trong giá hợp đồng.

Nếu do sai sót hoặc sự chậm trễ của Bên nhận thầu thì Bên nhận thầu sẽ không được quyền hưởng việc gia hạn thời gian, chi phí này.

11.2. Nghĩa vụ của Bên nhận thầu

Bên nhận thầu phải cung cấp nhân lực, vật liệu, máy móc, thiết bị thi công và các điều kiện vật chất liên quan khác đủ số lượng và chủng loại theo Hợp đồng để thực hiện các công việc theo nội dung Hợp đồng đã ký kết;

Bên nhận thầu phải thi công xây dựng công trình đúng thiết kế, tiêu chuẩn dự án, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ;

Bên nhận thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công, ghi nhật ký thi công xây dựng công trình, lập hồ sơ thanh toán, lập hồ sơ hoàn công, lập quyết toán Hợp đồng, thí nghiệm vật liệu, kiểm định, thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của Hợp đồng;

Bên nhận thầu phải giữ bí mật thông tin liên quan đến Hợp đồng hoặc Pháp luật có quy định liên quan đến bảo mật thông tin.

Bên nhận thầu phải trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Bên giao thầu trong khoảng thời gian 03 ngày, nếu trong khoảng thời gian này mà nhà thầu không trả lời thì được coi như Bên nhận thầu đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Bên giao thầu.

11.3. Nhân lực của Bên nhận thầu

Nhân lực của Bên nhận thầu phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ. Bên giao thầu có thể yêu cầu nhà thầu sa thải (hay tác động để sa thải) bất cứ nhân lực nào ở công trường hay công trình, kể cả đại diện của Bên nhận thầu nếu những người đó: có thái độ sai trái hoặc thiếu cẩn thận; thiếu năng lực hoặc bất cẩn; không tuân thủ bất kỳ Điều Khoản nào của Hợp đồng; gây phương hại đến an toàn, sức khỏe hoặc bảo vệ môi trường.

Khi đó, Bên nhận thầu sẽ chỉ định (hoặc buộc phải chỉ định) một người khác thích hợp để thay thế. Bên nhận thầu phải luôn đảm bảo trật tự, an toàn cho người và tài sản trên công trường.

11.4. Hợp tác

Bên nhận thầu phải có trách nhiệm thực hiện việc hợp tác trong công việc đối với: nhân lực của Bên giao thầu; các nhà thầu khác do Bên giao thầu thuê;

Các dịch vụ cho những người này và các nhà thầu khác có thể bao gồm việc sử dụng thiết bị của Bên nhận thầu, các công trình tạm hoặc việc bố trí đường vào công trường là trách nhiệm của Bên nhận thầu. Trường hợp các dịch vụ này làm phát sinh chi phí ngoài giá Hợp đồng thì các bên xem xét thỏa thuận bổ sung chi phí này.

Bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm về các hoạt động thi công xây lắp của mình trên công trường, phải phối hợp các hoạt động của mình với hoạt động của các nhà thầu khác ở phạm vi (nếu có) được nêu rõ trong hồ sơ mời thầu của Bên giao thầu.

11.5. Định vị các mốc

Bên nhận thầu phải định vị công trình theo các mốc và cao trình tham chiếu được xác định trong Hợp đồng. Bên nhận thầu sẽ chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các hạng Mục của công trình và phải Điều chỉnh sai sót về vị trí, cao độ, kích thước hoặc căn tuyến của công trình.

Bên giao thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót nào về việc cung cấp thông tin trong các Mục được chỉ ra trên đây hoặc các thông báo để tham chiếu đó (các Điểm mốc, tuyến và cao trình chuẩn), nhưng Bên nhận thầu phải cố gắng để kiểm chứng độ chính xác của chúng trước khi sử dụng.

Trường hợp, Bên nhận thầu bị chậm trễ và phải chịu chi phí mà không phải do lỗi của mình gây ra, thì Bên nhận thầu sẽ thông báo cho Bên giao thầu và có quyền thực hiện theo Điều 21 của Hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

11.6. Điều kiện về công trường

Bên nhận thầu được coi là đã thẩm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin có sẵn nêu trên, và đã được thỏa mãn trước khi nộp thầu, bao gồm:

- a) Địa hình của công trường, bao gồm cả các Điều kiện địa chất công trình;
- b) Điều kiện địa chất thủy văn và khí hậu;
- c) Mức độ và tính chất của công việc và vật liệu cần thiết cho việc thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa sai sót.
- d) Các quy định của pháp luật về lao động;
- e) Các yêu cầu của Bên nhận thầu về đường vào, ăn, ở, phương tiện, nhân lực, Điều kiện giao thông, nước và các dịch vụ khác.

Bên nhận thầu được coi là đã thỏa mãn về tính đúng và đủ của Điều kiện công trường để xác định giá hợp đồng.

Nếu Bên nhận thầu gặp phải các Điều kiện địa chất bất lợi mà Bên nhận thầu cho là không lường trước được, thì nhà thầu phải thông báo cho Bên giao

thầu biết một cách sớm nhất có thể. Thông báo này sẽ mô tả các Điều kiện địa chất sao cho Bên giao thầu có thể kiểm tra được và phải nêu lý do tại sao Bên nhận thầu coi các Điều kiện địa chất đó là không lường trước được. Bên nhận thầu phải tiếp tục thi công xây dựng công trình, sử dụng các biện pháp thỏa đáng và hợp lý và thích ứng với Điều kiện địa chất đó, và phải tuân theo bất kỳ chỉ dẫn nào mà Bên giao thầu có thể đưa ra. Nếu một chỉ dẫn tạo ra sự thay đổi, thì áp dụng theo Điều 19 của Hợp đồng [Rủi ro và bất khả kháng].

11.7. Đường đi và phương tiện

Bên nhận thầu phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng hoặc tạm thời mà Bên nhận thầu cần có, bao gồm lối vào công trường. Bên nhận thầu cũng phải có thêm các phương tiện khác bên ngoài công trường cần cho công việc bằng sự chịu rủi ro và kinh phí của mình.

Bên nhận thầu phải nỗ lực để tránh làm hư hỏng đường hoặc cầu do việc sử dụng, đi lại của Bên nhận thầu hoặc người của Bên nhận thầu gây ra. Những nỗ lực này phải bao gồm việc sử dụng đúng các phương tiện và tuyến đường thích hợp.

Trừ khi được quy định khác trong các Điều kiện và Điều Khoản này:

a) Bên nhận thầu không được sử dụng và chiếm lĩnh toàn bộ đường đi, vỉa hè bất kể nó là công cộng hay thuộc quyền kiểm soát của Bên giao thầu hoặc những người khác.

b) Nhà thầu (trong quan hệ giữa các bên) sẽ phải chịu trách nhiệm sửa chữa nếu nhà thầu làm hỏng khi sử dụng các tuyến đường đó;

c) Bên nhận thầu phải cung cấp các biển hiệu, biển chỉ dẫn cần thiết dọc tuyến đường và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các tuyến đường, biển hiệu, biển chỉ dẫn;

d) Bên giao thầu không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào có thể nảy sinh từ việc sử dụng hoặc các việc liên quan khác đối với các tuyến đường đi lại;

đ) Bên giao thầu không bảo đảm sự thích hợp hoặc sẵn có các tuyến đường riêng biệt nào;

e) Chi phí do sự không thích hợp hoặc không có sẵn các tuyến đường cho yêu cầu sử dụng của Bên nhận thầu, sẽ do Bên nhận thầu chịu.

11.8. Vận chuyển vật tư thiết bị (trừ khi có quy định khác):

a) Bên nhận thầu phải thông báo cho Bên giao thầu không muộn hơn 03 ngày, trước ngày mà mọi vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường (bao gồm cả đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ vật tư thiết bị);

b) Bên nhận thầu phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Bên giao thầu đối với các hư hỏng, mất mát và chi phí (kể cả lệ phí và phí tư pháp) do việc vận chuyển vật tư thiết bị của Bên nhận thầu.

11.9. Thiết bị Bên nhận thầu

Bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị của mình. Khi được đưa tới công trình, thiết bị của Bên nhận thầu phải dùng riêng cho việc thi công công trình. Bên nhận thầu không được di chuyển ra khỏi công trường bất kỳ một loại thiết bị chủ yếu nào nếu không được sự đồng ý của Bên giao thầu. Tuy nhiên, không yêu cầu phải có sự đồng ý của Bên giao thầu đối với các xe cộ vận chuyển vật tư thiết bị hoặc nhân lực của Bên nhận thầu ra khỏi công trường.

11.10. Thiết bị và vật liệu do Bên giao thầu cấp (nếu có)

a) Bên giao thầu phải chịu trách nhiệm đối với thiết bị của mình cấp cho Bên nhận thầu;

b) Bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm đối với từng thiết bị của Bên giao thầu trong khi người của Bên nhận thầu vận hành, lái, Điều khiển quản lý hoặc kiểm soát nó.

Số lượng thích hợp và số tiền phải trả (với giá đã nêu) để sử dụng thiết bị của Bên giao thầu đã được thỏa thuận trong Hợp đồng. Bên nhận thầu phải thanh toán số tiền này cho Bên giao thầu.

Bên giao thầu phải cung cấp, miễn phí, “các vật liệu do mình cung cấp” (nếu có) theo các chi tiết nêu trong các yêu cầu của Bên giao thầu. Bên giao thầu phải chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp những vật tư này tại thời Điểm và địa Điểm được quy định trong Hợp đồng. Bên nhận thầu phải kiểm tra những vật liệu này và phải thông báo kịp thời cho Bên giao thầu về sự thiếu hụt, sai sót hoặc không có của những vật liệu này. Trừ khi hai bên có thỏa thuận khác, Bên giao thầu phải xác định ngay sự thiếu hụt, sai sót như đã được thông báo.

Sau khi được kiểm tra, vật liệu do Bên giao thầu cấp sẽ phải được Bên nhận thầu bảo quản và giám sát cẩn thận. Trách nhiệm kiểm tra, bảo quản của Bên nhận thầu không tách Bên giao thầu khỏi trách nhiệm đối với sự thiếu hụt, sai sót, lỗi không thấy rõ khi kiểm tra.

11.11. Hoạt động của Bên nhận thầu trên công trường

Bên nhận thầu phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường và khu vực bổ sung mà Bên nhận thầu có và được Bên giao thầu đồng ý là nơi làm việc. Bên nhận thầu phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Bên nhận thầu và nhân lực của Bên nhận thầu chỉ hoạt động trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận. Trong thời gian thi công công trình, Bên nhận thầu phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của mình. Bên nhận thầu phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi không cần nữa.

Sau khi biên bản nghiệm thu công trình đã được cấp, Bên nhận thầu phải dọn sạch và đưa đi tất cả thiết bị của Bên nhận thầu, nguyên vật liệu thừa, phế

thải xây dựng, rác rưởi và công trình tạm. Bên nhận thầu phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn. Tuy nhiên, Bên nhận thầu có thể để lại công trường, trong giai đoạn thông báo sai sót, những vật tư thiết bị cần để Bên nhận thầu hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Nếu tất cả những vật tư thiết bị này không được dọn khỏi công trường trong vòng 03 ngày sau khi Bên giao thầu cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao; Bên giao thầu có thể bán hoặc thải bỏ vật tư thiết bị, số tiền thu được từ việc bán vật tư thiết bị sẽ trả cho Bên nhận thầu sau khi đã thanh toán các chi phí phát sinh cho Bên giao thầu.

11.12. Các vấn đề khác có liên quan

Tất cả các cổ vật, đồng tiền, đồ cổ hoặc các di vật khác hoặc các hạng Mục địa chất hoặc khảo cổ được tìm thấy trên công trường sẽ được đặt dưới sự bảo quản và thẩm quyền của Bên giao thầu. Bên nhận thầu phải chú ý không cho người của mình hoặc người khác lấy đi hoặc làm hư hỏng các đồ vật tìm thấy này.

Khi phát hiện ra những đồ vật này, Bên nhận thầu phải thông báo ngay cho Bên giao thầu để hướng dẫn giải quyết. Nếu Bên nhận thầu gặp phải sự chậm trễ và phải chịu chi phí để thực hiện hướng dẫn thì Bên nhận thầu phải thông báo cho Bên giao thầu và có quyền theo Điều 21 của Hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Bên nhận thầu tư vấn

12.1. Quyền của Bên nhận thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng (NTTVGSTCXD)

Bên nhận thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng là người sẽ thực hiện các nhiệm vụ do Bên giao thầu giao cho NTTVGSTCXD trong hợp đồng và các quy định cụ thể theo quy định của pháp luật. NTTVGSTCXD có thể bao gồm những cá nhân có trình độ chuyên môn phù hợp và có đủ năng lực để thực hiện những công việc này.

NTTVGSTCXD không có quyền sửa đổi Hợp đồng. NTTVGSTCXD có thể thực hiện quyền hạn được gắn với chức danh NTTVGSTCXD như đã được xác định hoặc được bao hàm do thấy cần thiết trong Hợp đồng. Nếu NTTVGSTCXD được yêu cầu phải có sự chấp thuận của Bên giao thầu trước khi thực thi một quyền hạn được xác định cụ thể thì những yêu cầu này phải được nói rõ trong hợp đồng. Bên giao thầu cam kết không áp đặt đối với quyền hạn của NTTVGSTCXD, trừ những gì đã thỏa thuận với nhà thầu.

Trừ khi được nêu khác đi trong Điều kiện này thì:

a) NTTVGSTCXD không có quyền giảm bớt bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào theo hợp đồng, hay cho một bên nào;

c) Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, thông báo, yêu cầu, kiểm định hoặc hành động tương tự nào của NTTVGSTCXD (bao gồm cả trường hợp không có sự phản đối) cũng không hề miễn cho Bên giao thầu khỏi bất kỳ trách nhiệm nào theo Hợp đồng, bao gồm cả trách nhiệm đối với các sai sót, bỏ sót, không nhất quán và không tuân thủ đúng.

12.2. Trách nhiệm của NTTVGSTCXD

* Giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình.

Nội dung giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định, của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

12.3. Thay thế NTTVGSTCXD

Nếu Bên giao thầu có ý định thay thế NTTVGSTCXD thì không ít hơn 03 ngày trước khi dự định thay thế, Bên giao thầu phải thông báo cho Bên nhận thầu thông tin chi tiết tương ứng của NTTVGSTCXD được dự kiến thay thế. Bên giao thầu không được thay thế NTTVGSTCXD bằng một người mà Bên nhận thầu có ý kiến từ chối một cách có lý do bằng cách gửi thông báo cho chủ đầu tư các chi tiết, lý lẽ để giải thích.

Điều 13. Nhà thầu phụ

13.1. Khi ký hợp đồng thầu phụ, Bên nhận thầu phải thực hiện theo các quy định sau:

a) Đối với các nhà thầu phụ không có trong danh sách thầu phụ kèm theo Hợp đồng thì phải được Bên giao thầu chấp thuận;

b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Bên giao thầu về tiến độ, chất lượng, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và sai sót của mình và các công việc do các nhà thầu phụ thực hiện;

c) Bên nhận thầu không được giao lại toàn bộ công việc theo Hợp đồng cho nhà thầu phụ thực hiện.

13.2. Nhà thầu phụ do Bên giao thầu chỉ định (nếu có)

a) Nhà thầu phụ do Bên giao thầu chỉ định là một nhà thầu được Bên giao thầu chỉ định cho Bên nhận thầu thuê làm nhà thầu phụ để thực hiện một số phần việc chuyên ngành có yêu cầu kỹ thuật cao hoặc khi Bên nhận thầu không đáp ứng được tiến độ thực hiện hợp đồng sau khi Bên giao thầu đã yêu cầu.

b) Bên nhận thầu có quyền từ chối nhà thầu phụ do Bên giao thầu chỉ định nếu công việc Bên nhận thầu đang thực hiện vẫn tuân thủ đúng các thỏa thuận trong Hợp đồng hoặc có đầy đủ cơ sở cho rằng nhà thầu phụ do Bên giao thầu chỉ định không đáp ứng được các yêu cầu theo Hợp đồng.

13.3. Bên giao thầu có thể thanh toán trực tiếp cho nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất thanh toán của Bên nhận thầu (hoặc theo thỏa thuận khác của các bên).

Điều 14. An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

14.1. An toàn lao động

a) Bên nhận thầu phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng, kể cả các công trình phụ cận.

b) Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo để phòng tai nạn.

c) Các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

đ) Bên nhận thầu có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động.

e) Bên nhận thầu có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động.

Khi có sự cố về an toàn lao động, nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do Bên nhận thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

14.2. Bảo vệ môi trường

a) Bên nhận thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.

b) Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

c) Các bên phải có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm ngừng thi công xây dựng và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.

d) Tổ chức, cá nhân để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

14.3. Phòng chống cháy nổ:

Các bên tham gia hợp đồng xây dựng phải tuân thủ các quy định của nhà nước về phòng chống cháy nổ.

Điều 15. Điện, nước và an ninh công trường

15.1. Điện, nước trên công trường

Trừ trường hợp quy định ở dưới đây, Bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Bên nhận thầu cần.

Bên nhận thầu có quyền sử dụng việc cung cấp điện, nước và dịch vụ khác có thể có trên công trường cho Mục đích thi công công trình mà các chi Tiết và giá đã được đưa ra trong các yêu cầu của Bên giao thầu; Bên nhận thầu có trách nhiệm bảo vệ nguồn điện, nước để phục vụ thi công công trình. Bên nhận thầu phải tự mình chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp máy móc thiết bị cần thiết để sử dụng những dịch vụ này và để đo số lượng tiêu thụ.

Số lượng tiêu thụ và số tiền phải trả cho các dịch vụ trên Bên nhận thầu phải thanh toán theo quy định của Hợp đồng.

15.2. An ninh công trường

Trừ khi có quy định khác trong những Điều kiện riêng:

a) Bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm về việc cho phép những người không có nhiệm vụ vào công trường;

b) Những người có nhiệm vụ được vào công trường gồm nhân lực của Bên nhận thầu và của Bên giao thầu và những người khác do Bên giao thầu (hoặc người thay mặt) thông báo cho Bên nhận thầu biết.

Điều 16. Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên giao thầu

16.1. Tạm ngừng thực hiện công việc của Hợp đồng bởi Bên giao thầu Nếu Bên nhận thầu không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Bên giao thầu có thể ra thông báo yêu cầu Bên nhận thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai hỏng trong Khoảng thời gian hợp lý cụ thể.

Bên giao thầu quyết định ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng khi Bên nhận thầu không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn lao động và tiến độ theo Hợp đồng đã ký kết.

Trước khi tạm dừng, Bên giao thầu sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên nhận thầu không ít hơn 05 ngày và trong thông báo sẽ nêu rõ lý do tạm ngừng.

16.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên giao thầu.

Bên giao thầu sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Bên nhận thầu:

a) Không thực hiện theo bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc một thông báo theo Khoản 16.1 của Hợp đồng này [Tạm ngừng thực hiện công việc của Hợp đồng bởi Bên giao thầu];

b) Bỏ dở công trình hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;

c) Không có lý do chính đáng mà 28 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng;

d) Giao thầu phụ toàn bộ công trình, hoặc chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên giao thầu;

đ) Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này;

Nếu có ở một trong những trường hợp này, Bên giao thầu có thể, bằng cách thông báo cho Bên nhận thầu trước 05 ngày, chấm dứt Hợp đồng và trục xuất Bên nhận thầu ra khỏi công trường. Tuy nhiên, trong trường hợp của phần (đ) Bên giao thầu có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

Sự lựa chọn của Bên giao thầu trong việc quyết định chấm dứt Hợp đồng sẽ không được làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Bên giao thầu theo Hợp đồng.

Bên nhận thầu phải rời công trường và chuyển các vật tư, vật liệu cần thiết, các tài liệu của Bên nhận thầu và các hồ sơ thiết kế khác của Bên nhận thầu cho Bên giao thầu. Tuy nhiên, Bên nhận thầu sẽ cố gắng hết mức để tuân thủ ngay lập tức các hướng dẫn hợp lý được nêu trong thông báo, bảo vệ tính mạng và tài sản hay cho sự an toàn của công trình.

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Bên giao thầu có thể hoàn thành công trình và sắp đặt cho các đơn vị khác thực hiện. Bên giao thầu và các đơn vị này khi đó có thể sử dụng bất cứ vật tư, vật liệu, tài liệu nào của Bên nhận thầu và các tài liệu thiết kế khác do Bên nhận thầu thực hiện hoặc do đại diện Bên nhận thầu thực hiện.

Bên giao thầu sẽ thông báo rằng thiết bị của Bên nhận thầu và các công trình tạm thời sẽ được giải phóng cho Bên nhận thầu ở tại hoặc gần công trường. Bên nhận thầu sẽ ngay lập tức sắp xếp để chuyển đi, rủi ro và chi phí cho việc này sẽ do Bên nhận thầu chịu. Tuy nhiên, nếu đến lúc này mà Bên nhận thầu còn nợ Bên giao thầu một Khoản thanh toán nào thì Bên giao thầu được quyền bán chúng để lấy lại tiền. Số tiền dư ra sẽ được trả cho Bên nhận thầu.

Trường hợp đặc biệt, Bên giao thầu có quyền chấm dứt Hợp đồng vào bất cứ lúc nào thuận tiện cho Bên giao thầu, bằng cách thông báo cho Bên nhận thầu việc chấm dứt Hợp đồng. Việc chấm dứt này sẽ có hiệu lực sau 01 ngày sau khi Bên nhận thầu nhận được thông báo này của Bên giao thầu hoặc Bên giao thầu

trả lại bảo lãnh thực hiện. Bên giao thầu sẽ không được chấm dứt Hợp đồng theo Khoản này để tự thi công công trình hoặc sắp xếp để cho Bên nhận thầu khác thi công công trình.

16.3. Xác định giá vào ngày chấm dứt Hợp đồng

Ngay khi thông báo chấm dứt theo Khoản 16.2 của Hợp đồng [Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên giao thầu] có hiệu lực, Bên giao thầu sẽ xem xét đồng ý hoặc xác định giá trị của công trình, vật tư, vật liệu và tài liệu của Bên nhận thầu và các Khoản tiền phải thanh toán cho Bên nhận thầu cho các công việc được thực hiện theo đúng Hợp đồng.

16.4. Thanh toán sau khi chấm dứt Hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt Hợp đồng theo Khoản 16.2 của Hợp đồng này [Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên giao thầu] có hiệu lực, Bên giao thầu có thể:

a) Không thanh toán thêm cho Bên nhận thầu cho đến khi chi phí thi công, hoàn thành và sửa chữa các sai sót và hư hỏng do chậm trễ trong thời gian hoàn thành (nếu có) và các chi phí khác mà Bên giao thầu chấp thuận đã được xác định;

b) Thu lại từ Bên nhận thầu các phí tổn do hư hỏng, mất mát mà Bên giao thầu phải chịu và các chi phí thêm khác của việc hoàn thành công trình, sau khi tính đến bất kỳ một Khoản nợ nào đối với Bên nhận thầu. Sau khi đã thu hồi lại từ các mất mát, hư hỏng và các chi phí thêm, Bên giao thầu sẽ thanh toán phần tiền còn lại cho Bên nhận thầu.

Điều 17. Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên nhận thầu

17.1. Quyền tạm ngừng công việc của Bên nhận thầu

Nếu Bên giao thầu không tuân thủ Khoản 8.4 của Hợp đồng [Thời hạn thanh toán] vượt quá 15 ngày; Bên nhận thầu có thể, sau khi thông báo cho Bên giao thầu không muộn hơn 01 ngày, sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc) trừ khi và cho đến khi Bên nhận thầu được thanh toán theo các Điều Khoản của Hợp đồng, tùy từng trường hợp và như đã mô tả trong thông báo.

Việc tạm ngừng công việc của Bên nhận thầu theo Khoản này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên nhận thầu đối với các chi phí tài chính và để chấm dứt Hợp đồng theo Khoản 17.2 của Hợp đồng [Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên nhận thầu].

Nếu Bên nhận thầu tiếp đó nhận được thanh toán trước khi thông báo chấm dứt Hợp đồng, Bên nhận thầu phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường ngay khi có thể được.

Nếu Bên nhận thầu phải chịu sự chậm trễ và các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo Khoản này, Bên nhận thầu phải thông báo cho Bên giao thầu và theo Điều 21 của Hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

18.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên nhận thầu

Bên nhận thầu được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

- a) Bên nhận thầu không nhận được số tiền được thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ ngày Bên giao thầu nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ;
- b) Bên giao thầu về cơ bản không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;
- c) Việc tạm ngừng bị kéo dài quá 45 ngày;
- d) Bên giao thầu bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải Điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự Điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

Trong bất cứ sự kiện hoặc trường hợp nào được nêu trên, Bên nhận thầu có thể, bằng thông báo trước 05 ngày cho Bên giao thầu để chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên trong trường hợp của Điểm (d) Bên giao thầu có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

17.3. Ngừng công việc và di dời thiết bị Bên nhận thầu

Sau khi nhận được thông báo chấm dứt Hợp đồng, Bên nhận thầu sẽ ngay lập tức:

- a) Ngừng tất cả các công việc thêm, ngoại trừ các công việc đã được Bên giao thầu hướng dẫn để bảo vệ con người và tài sản hoặc an toàn của công trình;
- b) Chuyển giao cho Bên giao thầu toàn bộ tài liệu của Bên nhận thầu, thiết bị, các vật liệu và các công việc khác mà Bên nhận thầu đã được thanh toán;
- c) Di dời tất cả vật tư, vật liệu khỏi công trường, ngoại trừ các thứ cần thiết cho việc an toàn và rời khỏi công trường.

17.4. Thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt Hợp đồng theo Khoản 17.2 của Hợp đồng [Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên nhận thầu] đã có hiệu lực, Bên giao thầu sẽ ngay lập tức:

- a) Trả lại bảo lãnh thực hiện cho Bên nhận thầu;
- b) Thanh toán cho Bên nhận thầu.

Điều 18. Bảo hiểm và bảo hành

18.1. Bảo hiểm

a) Bên giao thầu phải mua bảo hiểm công trình xây dựng theo quy định. Bên giao thầu đã mua bảo hiểm công trình; khi có tổn thất, thiệt hại xảy ra đối với công trình, mà tổn thất, thiệt hại đó thuộc phạm vi công việc của Bên nhận thầu, Bên nhận thầu phải thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định để được bồi thường. Bên giao thầu sẽ không chịu trách nhiệm đối với những trường hợp Bên

nhận thầu không thực hiện những thủ tục trên. Trường hợp Bên nhận thầu được bồi thường thì Bên nhận thầu phải chịu mức khấu trừ theo quy định của hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo hiểm xây dựng công trình ký giữa Bên giao thầu và đơn vị cung cấp dịch vụ bảo hiểm.

b) Bên nhận thầu phải thực hiện mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của Bên nhận thầu, bảo hiểm đối với bên thứ 3.

18.2. Bảo hành

Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng Mục công trình để đưa vào sử dụng, Bên nhận thầu phải:

- Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian 12 tháng;

- Trường hợp, Bên giao thầu trả tiền giữ lại trong các giai đoạn thanh toán cho bảo hành thì Bên nhận thầu phải nộp cho Bên giao thầu bảo lãnh để thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình trong vòng 21 ngày trước ngày nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng. Bảo lãnh bảo hành phải có giá trị cho đến hết thời gian bảo hành và phải do một thể nhân hoặc pháp nhân cấp và phải theo mẫu quy định được Bên giao thầu chấp thuận.

- Trong thời gian bảo hành công trình Bên nhận thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Bên nhận thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Bên nhận thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 21 ngày sau khi nhận được thông báo của Bên giao thầu về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Bên nhận thầu không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Bên giao thầu có quyền thuê một nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Bên nhận thầu chịu và sẽ được khấu trừ vào tiền bảo hành của Bên nhận thầu và thông báo cho Bên nhận thầu giá trị trên, Bên nhận thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên.

Điều 19. Rủi ro và Bất khả kháng

19.1. Rủi ro và bất khả kháng

a) Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp đồng.

b) Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro không thể chống đỡ nổi khi nó xảy ra và không thể lường trước khi ký kết Hợp đồng như: động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất hay hoạt động núi lửa, chiến tranh, dịch bệnh.

c) Khi một bên bị rơi vào tình trạng bất khả kháng, thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất có thể.

19.2. Hậu quả của các rủi ro

Nếu và trong chừng mực nào đó mọi rủi ro được liệt kê trong Khoản 19.1 của Hợp đồng này dẫn đến mất mát hay hư hỏng cho công trình, bất động sản, vật tư thiết bị hay các tài liệu của Bên nhận thầu, thì Bên nhận thầu phải ngay lập tức

gửi thông báo cho Bên giao thầu và sửa chữa sự mất mát và hư hỏng trong phạm vi Bên giao thầu yêu cầu.

19.3. Trách nhiệm của Bên nhận thầu đối với rủi ro

Bên nhận thầu sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc bảo đảm công trình, và hàng hóa từ ngày khởi công cho đến ngày phát hành biên bản nghiệm thu hoặc coi như được phát hành theo Khoản 6.4 của Hợp đồng [Nghiệm thu, bàn giao công trình và các hạng mục công trình] cho công trình, khi trách nhiệm được chuyển qua Bên giao thầu. Nếu biên bản nghiệm thu được phát hành (hoặc coi như đã phát hành) cho bất cứ hạng mục hay công trình nào, thì trách nhiệm bảo đảm bất kỳ hạng mục nào của công trình đó được chuyển cho Bên giao thầu.

Sau khi trách nhiệm được chuyển một cách phù hợp cho Bên giao thầu, Bên nhận thầu sẽ nhận trách nhiệm bảo đảm đến bất kỳ công việc nào còn tồn tại chưa giải quyết xong vào ngày được nêu trong biên bản nghiệm thu cho đến khi các công việc này được hoàn thành.

Nếu bất cứ việc mất mát hay hư hỏng nào xảy ra cho công trình, vật tư thiết bị hoặc tài liệu của Bên nhận thầu nào trong Khoảng thời gian Bên nhận thầu đang chịu trách nhiệm bảo đảm, được liệt kê trong Khoản 19.3 của Hợp đồng [Trách nhiệm của Bên nhận thầu đối với rủi ro], Bên nhận thầu sẽ phải sửa những mất mát hay hư hỏng bằng sự rủi ro và chi phí của Bên nhận thầu, để công trình, vật tư thiết bị và tài liệu của Bên nhận thầu đúng với Hợp đồng.

Bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ một hỏng hóc hay mất mát xảy ra sau khi biên bản nghiệm thu đã được phát hành và cả những việc xảy ra trước đó thuộc trách nhiệm của Bên nhận thầu.

19.4. Bồi thường rủi ro

Bên nhận thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho chủ đầu tư, các nhân viên của Bên giao thầu đối với các khiếu nại, hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan đến:

a) Tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau hay chết, của bất cứ người nào xảy ra do nguyên nhân thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót, trừ khi có thể quy cho việc cấu thả, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Bên giao thầu, các nhân viên của Bên giao thầu, hoặc bất kỳ đại diện riêng nào của họ;

b) Hỏng hóc hay mất mát của bất cứ tài sản nào, là bất động sản hay của cá nhân (không phải là công trình), ở phạm vi mà những hỏng hóc hay mất mát này:

- Phát sinh từ hoặc trong quá trình tiến hành hoặc do nguyên nhân của thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót;

- Được quy cho sự bất cẩn, cố ý làm hoặc vi phạm hợp đồng bởi Bên nhận thầu, nhân lực của Bên nhận thầu, hoặc bất cứ người nào trực tiếp hay gián tiếp được họ thuê.

Bên giao thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Bên nhận thầu, các nhân viên của Bên nhận thầu đối với các khiếu nại, thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các phí pháp lý) liên quan đến tổn hại thân thể, ốm đau, bệnh, tật hay chết được quy cho sự cầu thả, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Bên giao thầu, các nhân viên của chủ đầu tư.

19.5. Thông báo về bất khả kháng

Nếu một bên bị cản trở thực hiện bất cứ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng do tình trạng bất khả kháng, bên đó phải gửi thông báo cho bên kia về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng và phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc đã và sẽ bị cản trở. Thông báo phải được gửi sớm nhất sau khi bên đó nhận biết được tình trạng, hoặc lẽ ra đã nhận biết được về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng.

Bên đó, khi đã thông báo, phải được miễn cho việc thực hiện công việc thuộc nghĩa vụ trong thời gian mà tình trạng bất khả kháng cản trở việc thực hiện của họ.

Dẫu cho có các quy định nào khác của Khoản này, thì bất khả kháng cũng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo Hợp đồng.

19.6. Các hậu quả của bất khả kháng

Nếu Bên nhận thầu bị cản trở thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào của mình theo Hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo Khoản 19.5 của Hợp đồng [Thông báo về bất khả kháng], và chịu sự chậm trễ và chịu chi phí do bất khả kháng, nhà thầu sẽ có quyền theo Điều 21 của Hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp]:

a) Kéo dài thời gian do sự chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị và sẽ bị chậm trễ, theo Khoản 7.3 của Hợp đồng [Gia hạn thời gian hoàn thành];

b) Nếu sự việc hay trường hợp thuộc loại được mô tả trong các Điểm (b) Khoản 19.1 của Hợp đồng [Rủi ro và bất khả kháng] được thanh toán các chi phí này.

Sau khi nhận được thông báo này, Bên giao thầu phải xem xét để nhất trí hay quyết định các vấn đề này.

19.7. Chấm dứt Hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm
Nếu việc thực hiện công trình cơ bản đang được tiến hành bị cản trở liên tục trong thời gian 10 ngày do bất khả kháng đã được thông báo theo Khoản 19.5 của Hợp đồng [Thông báo về bất khả kháng] hoặc trong nhiều Khoảng thời gian mà tổng số là trên 10 ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có thể gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng cho bên kia. Trong trường hợp này, việc chấm dứt Hợp đồng sẽ có hiệu lực 05 ngày sau khi có thông báo.

Đối với trường hợp chấm dứt này, chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Bên nhận thầu:

a) Các Khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong Hợp đồng;

b) Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Bên nhận thầu, hoặc những thứ Bên nhận thầu có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Bên giao thầu khi đã được Bên giao thầu thanh toán, và Bên nhận thầu sẽ để cho Bên giao thầu tùy ý sử dụng;

c) Mọi chi phí hoặc trách nhiệm khác mà trong trường hợp bất khả kháng Bên nhận thầu phải chịu để hoàn thành công trình;

d) Chi phí di chuyển các công trình tạm và thiết bị của Bên nhận thầu khỏi công trình và trả lại các hạng Mục thiết bị này cho công trình của Bên nhận thầu;

e) Chi phí bồi thường cho đội ngũ nhân viên và các người lao động được Bên nhận thầu thuê cho toàn bộ thời gian liên quan đến công trình vào thời Điểm chấm dứt Hợp đồng.

Điều 20. Phạt vi phạm hợp đồng

Đối với Bên nhận thầu: nếu chậm tiến độ 10 ngày thì phạt 0,5% giá hợp đồng cho 10 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12 % giá trị hợp đồng bị vi phạm.

Điều 21. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp

21.1. Khiếu nại

Thực hiện theo quy định nêu tại Điều 44 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

21.2. Xử lý các tranh chấp

Thực hiện theo quy định nêu tại Điều 45 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 15 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật. Quyết định của trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

21.3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 22. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

22.1. Quyết toán Hợp đồng

Trong vòng 15 ngày sau khi nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành

toàn bộ nội dung công việc theo quy định của Hợp đồng bao gồm cả phần công việc phát sinh (nếu có), Bên nhận thầu sẽ trình cho Bên giao thầu 05 bộ quyết toán Hợp đồng với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà Bên giao thầu đã chấp thuận, bao gồm các tài liệu sau:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi Hợp đồng;

- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi Hợp đồng;

- Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng (gọi là quyết toán A-B), trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Bên giao thầu có trách nhiệm thanh toán cho Bên nhận thầu;

- Hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình;

- Các tài liệu khác theo thỏa thuận trong Hợp đồng (nếu có).

c) Thời hạn Bên nhận thầu giao nộp hồ sơ quyết toán Hợp đồng không được quá 45 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc cần thực hiện theo Hợp đồng, bao gồm cả công việc phát sinh (nếu có).

22.2. Thanh lý Hợp đồng

a) Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:

- Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký;

- Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của Điều 17 của Hợp đồng [Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên nhận thầu], Điều 16 của Hợp đồng [Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên giao thầu]....

b) Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày các bên tham gia Hợp đồng hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo Điểm a Khoản 2 Điều này.

22.3. Chấm dứt trách nhiệm của Bên giao thầu

Bên giao thầu sẽ không chịu trách nhiệm với Bên nhận thầu về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo Hợp đồng hoặc liên quan đến Hợp đồng sau khi thanh lý Hợp đồng.

Điều 23. Hiệu lực của Hợp đồng

23.1. Thời điểm có hiệu lực của Hợp đồng:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết và sau khi Bên giao thầu đã nhận được bảo đảm thực hiện Hợp đồng của Bên nhận thầu.

23.2. Tính pháp lý của Hợp đồng xây dựng:

a) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở pháp lý mà chủ đầu tư, Bên nhận thầu và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện;

b) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các bên. Các tranh chấp phát sinh ngoài Hợp đồng sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định, của pháp luật có liên quan.

Điều 24. Điều Khoản chung.

24.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những Điều đã quy định trong Hợp đồng này. Khi một bên có kiến nghị, đề xuất, yêu cầu thì bên kia phải có trách nhiệm trả lời.

24.2. Hợp đồng này bao gồm 32 trang, và phụ lục giá kèm theo hợp đồng được lập thành 14 bản bằng tiếng Việt. Bên giao thầu sẽ giữ 10 bản tiếng Việt. Bên nhận thầu sẽ giữ 04 bản tiếng Việt./.

**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH NINH BÌNH
GIÁM ĐỐC**



Trần Quang Vĩnh

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
LIÊN DANH NHÀ THẦU CÔNG TY TNHH THIÊN PHÚ
VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ DCH**

**CÔNG TY TNHH THIÊN PHÚ
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đặng Đức Hiệp

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ DCH
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Thành

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 10 tháng 11 năm 2017

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY LẮP

Số: 68/2017/HĐKT-TP

Về việc Thi công xây lắp công trình Xây dựng Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Cụm Công nghiệp Gia Vân.

Tiểu dự án: Xây dựng Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Cụm Công nghiệp Gia Vân.

Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Gia Vân, Tỉnh Ninh Bình.

PHẦN 1: CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 29/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-TP ngày 09/11/2017 của Công ty TNHH Thiên Phú v/v phê duyệt kết quả chào hàng cạnh tranh Gói thầu Thi công xây lắp công trình Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải cụm công nghiệp Gia Vân thuộc Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm Công nghiệp Gia Vân;

PHẦN 2: CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 10 tháng 11 năm 2017, tại Công ty TNHH Thiên Phú, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Đại diện chủ đầu tư (Bên A): Công ty TNHH Thiên Phú

Đại diện: Ông Đặng Đức Hiệp Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Ngã 3 Gian Khẩu, Xã Gia Trán, Huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 84-229.3868.266/Fax: 84-229.3833.588

Tài khoản: 3310201000770 tại Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam, CN Huyện Gia Viễn- Tỉnh Ninh Bình

Mã số thuế : 2700277515

2. Đại diện Nhà thầu (Bên B): Công ty cổ phần thiết bị DCH.

Đại diện: Ông Nguyễn Văn Thành Chức vụ : Giám đốc.

Địa chỉ: Số 58A Phố Võ Văn Dũng, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa,
Hà Nội.

Điện thoại: 046.2754605/Fax : 046.2752933.

Tài khoản: 109001060000324

Tại: Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á, Chi nhánh Hà Nội.

Mã số thuế: 0102712020.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0102712020, do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/04/2008, thay đổi lần thứ sáu ngày 07/10/2013.

HAI BÊN CÙNG THÔNG NHẤT KÝ HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VỚI NỘI DUNG CHÍNH NHƯ SAU:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Trong hợp đồng này các từ và cụm từ được hiểu như sau:

“Chủ đầu tư” là Công ty TNHH Thiên Phú.

“Nhà thầu” là Công ty cổ phần Thiết bị DCH

“Đại diện Chủ đầu tư” là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được uỷ quyền theo từng thời gian và điều hành công việc thay mặt cho Chủ đầu tư.

“Đại diện Nhà thầu” là người được Nhà thầu nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu uỷ quyền bằng văn bản và điều hành công việc thay mặt Nhà thầu.

“Dự án” là Đầu tư xây dựng và Kinh doanh hạ tầng Cụm Công nghiệp Gia Vân.

“Bên” là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tùy theo ngữ cảnh (yêu cầu) diễn đạt.

“Ngày làm việc” là ngày dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

“Công trình” là công trình chính và công trình tạm hoặc là một trong hai loại công trình này.

“Luật” là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

“Công trường” là địa điểm Chủ đầu tư giao cho Nhà thầu để thi công công trình cũng như bất kỳ địa điểm nào khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ hợp đồng: Hồ sơ hợp đồng bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng, các điều khoản và điều kiện của hợp đồng này và các tài liệu sau:

- a) Quyết định phê duyệt kết quả chào hàng cạnh tranh;
- b) Hồ sơ mời chào hàng cạnh tranh của Chủ đầu tư;
- c) Các chỉ dẫn kỹ thuật, các bản vẽ thiết kế;
- d) Hồ sơ chào hàng của Nhà thầu;
- d) Biên bản đàm phán hợp đồng, các sửa đổi, bổ sung bằng văn bản (nếu có);
- e) Các Phụ lục hợp đồng và các tài liệu khác có liên quan ...

2.2. Thứ tự ưu tiên của các tài liệu: Theo thứ tự quy định tại khoản 2.1.

Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng

3.1. Hợp đồng xây dựng chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2. Ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng là tiếng Việt.

Điều 4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

4.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng: Nhà thầu có thể thực hiện một trong các biện pháp: Đặt cọc tiền mặt, ký quỹ hoặc nộp thư bảo lãnh để bảo đảm trách nhiệm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu trong thời gian xác định theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

Nhà thầu phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3% giá trị hợp đồng cho Chủ đầu tư trong vòng 07 ngày sau khi hợp đồng đã được ký kết.

Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có giá trị và có hiệu lực tới khi Nhà thầu đã thi công, hoàn thành công trình, hoặc hạng mục công trình tương ứng với Hợp đồng đã ký kết được Chủ đầu tư nghiệm thu và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành công trình. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 10 ngày trước ngày hết hạn, Nhà thầu sẽ phải gia hạn giá trị của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.

Nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng nếu từ chối thực hiện Hợp đồng đã có hiệu lực hoặc tự ý tạm ngừng, chấm dứt hợp đồng. Chủ đầu tư phải hoàn trả cho Nhà thầu bảo đảm thực hiện hợp đồng khi nhà thầu đã hoàn thành các công việc theo hợp đồng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành.

Điều 5. Nội dung và khối lượng công việc

Nhà thầu thực hiện việc thi công gói thầu Thi công xây lắp công trình Xây dựng Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Cụm Công nghiệp Gia Vân thuộc Dự án Đầu tư xây dựng và Kinh doanh hạ tầng Cụm Công nghiệp Gia Vân, tỉnh Ninh Bình theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được Chủ đầu tư chấp thuận và biên bản đàm phán hợp đồng, đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thoả thuận khác trong hợp đồng.

Điều 6. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm Hợp đồng thi công xây dựng+thiết bị.

6.1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của Hợp đồng thi công xây dựng + thiết bị.

a) Công trình phải được thi công theo bản vẽ thiết kế (*kể cả phần sửa đổi được chủ đầu tư chấp thuận*), chỉ dẫn kỹ thuật phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định về chất lượng công trình xây dựng của nhà nước có liên quan; nhà thầu phải có sơ đồ và thuyết minh hệ thống quản lý chất lượng thi công, giám sát chất lượng thi công của mình.

b) Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. Các kết quả thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định.

c) Nhà thầu đảm bảo vật tư, thiết bị do Nhà thầu cung cấp có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đúng chủng loại và được chủ đầu tư chấp thuận.

6.2. Kiểm tra, giám sát của chủ đầu tư

a) Chủ đầu tư và các nhà thầu tư vấn chủ đầu tư thuê được quyền vào các nơi trên công trường và các nơi khai thác nguyên vật liệu tự nhiên của Nhà thầu để kiểm tra;

b) Trong quá trình sản xuất, gia công, chế tạo và xây dựng ở trên công trường, Chủ đầu tư được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu, và kiểm tra quá trình gia công, chế tạo thiết bị, sản xuất vật liệu.

Nhà thầu sẽ tạo mọi điều kiện cho người của Chủ đầu tư để tiến hành các hoạt động này, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm đi bất cứ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của Nhà thầu.

6.3. Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành

a) Chủ đầu tư chỉ nghiệm thu các sản phẩm của Hợp đồng khi sản phẩm của các công việc này đảm bảo chất lượng theo quy định tại khoản 6.1 nêu trên.

b) Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của Hợp đồng là các bản vẽ thiết kế (*kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận*); thuyết minh kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; chứng chỉ kết quả thí nghiệm; biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu bàn giao...

c) Thành phần nhân sự tham gia nghiệm thu bàn giao gồm: Đại diện Chủ đầu tư; tư vấn QLDA; tư vấn giám sát; đại diện Nhà thầu; đại diện ban giám sát cộng đồng (nếu có), công tác nghiệm thu công việc, giai đoạn theo quy định hiện hành về quản lý chất lượng.

d) Hồ sơ nghiệm thu, bàn giao gồm:

- Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng hoàn thành;
- Kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm cần nghiệm thu...

6.4. Chạy thử của công trình: Nhà thầu phải tiến hành chạy thử công trình theo yêu cầu và chỉ được nghiệm thu, thanh toán sau khi Chủ đầu tư kiểm tra,

nghiệm thu đánh giá đạt yêu cầu theo quy định hiện hành.

6.5. Nghiệm thu, bàn giao công trình và các hạng mục công trình.

Sau khi các công việc theo Hợp đồng được hoàn thành, công trình chạy thử (nếu có) đáp ứng yêu cầu của Hợp đồng thì Nhà thầu sẽ thông báo cho Chủ đầu tư để tiến hành nghiệm thu công trình.

Nhà thầu thông báo cho Chủ đầu tư để nghiệm thu công trình không sớm hơn 07 ngày trước khi công trình được hoàn thành để bàn giao. Nếu công trình được chia thành các hạng mục, Nhà thầu có thể đề nghị nghiệm thu theo hạng mục.

Sau khi công trình đủ điều kiện để nghiệm thu, hai bên lập biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành theo Hợp đồng. Nếu có những công việc nhỏ còn tồn đọng lại và các sai sót về cơ bản không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng công trình thì những tồn đọng này được ghi trong biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình và Nhà thầu phải có trách nhiệm hoàn thành những tồn đọng này bằng chi phí của mình. Trường hợp công trình chưa đủ điều kiện để nghiệm thu, bàn giao; các bên xác định lý do và nêu cụ thể những công việc mà Nhà thầu phải làm để hoàn thành công trình.

6.6. Trách nhiệm của Nhà thầu đối với các sai sót

a) Bằng kinh phí của mình Nhà thầu phải:

Hoàn thành các công việc còn tồn đọng vào ngày đã nêu trong biên bản nghiệm thu, bàn giao trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư yêu cầu.

b) Trường hợp không sửa chữa được sai sót:

- Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng và thông báo cho Nhà thầu biết về ngày này.

- Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã được thông báo, Chủ đầu tư (tùy theo lựa chọn) có thể:

Tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác sửa chữa và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí, Nhà thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình đối với công trình theo Hợp đồng.

c) Nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Chủ đầu tư bị mất toàn bộ lợi ích từ công trình hay phần lớn công trình, sẽ chấm dứt toàn bộ Hợp đồng hay phần lớn công trình không thể đưa vào sử dụng cho mục đích đã định. Khi đó, theo Hợp đồng Nhà thầu sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư.

d) Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa tốt ngay trên công trường được và được Chủ đầu tư đồng ý, Nhà thầu có thể chuyển khỏi công trường thiết bị hoặc cấu kiện bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa.

6.7. Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành

Sau khi đã cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao, mỗi bên sẽ phải chịu trách

nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện tại thời điểm đó. Hợp đồng vẫn được coi là có hiệu lực đối với nội dung và phạm vi của những nghĩa vụ chưa được hoàn thành.

Điều 7. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng.

7.1. Ngày khởi công, thời gian thực hiện Hợp đồng:

Ngày khởi công công trình được chủ đầu tư thông báo cho Bên nhận thầu.

Nhà thầu sẽ bắt đầu tiến hành thi công xây dựng công trình (ngay sau ngày khởi công) và sẽ thực hiện thi công xây dựng công trình đúng thời gian thực hiện Hợp đồng mà không được chậm trễ.

Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ công việc theo nội dung của Hợp đồng trong khoảng thời gian 180 ngày (kể từ ngày khởi công), thời gian trên bao gồm ngày nghỉ lễ tết theo quy định của nhà nước.

7.2. Tiến độ thực hiện Hợp đồng

Căn cứ vào thời gian thực hiện Hợp đồng, Nhà thầu phải lập tiến độ chi tiết để trình cho Chủ đầu tư trong vòng 07 ngày sau ngày khởi công. Nhà thầu cũng phải trình tiến độ thi công đã được sửa đổi nếu tiến độ thi công trước đó không phù hợp với tiến độ thực tế hoặc không phù hợp với nghĩa vụ của Nhà thầu. Mỗi bản tiến độ thi công sẽ bao gồm:

a) Trình tự thực hiện công việc của nhà thầu và thời gian thi công cho mỗi giai đoạn chính của công trình;

b) Quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định;

c) Báo cáo tiến độ Nhà thầu phải thể hiện:

- Biện pháp tổ chức thi công trên công trường và các giai đoạn chính trong việc thi công công trình;

- Nhà thầu được phép điều chỉnh tiến độ chi tiết theo tuần, tháng nhưng phải phù hợp với tiến độ tổng thể của Hợp đồng.

7.3. Gia hạn Thời gian hoàn thành

Nhà thầu được phép theo Điều 20 [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp] gia hạn thời gian hoàn thành nếu do một trong những lý do sau đây:

a) Có sự thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng.

b) Do ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng như: ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác;

c) Sự chậm trễ, trở ngại trên công trường do Chủ đầu tư, nhân lực của Chủ đầu tư hay các nhà thầu khác của Chủ đầu tư gây ra như: việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thoả thuận trong Hợp đồng, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra.

7.4. Khắc phục tiến độ chậm trễ

Khi tiến độ đã bị chậm hơn so với tiến độ thi công như các bên đã thoả thuận trong Hợp đồng của công việc đó mà không phải do những nguyên nhân đã nêu trong khoản 7.3 [Gia hạn thời gian hoàn thành], khi đó Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu trình một bản tiến độ thi công được sửa đổi để thực hiện tiến độ hoàn thành trong thời gian yêu cầu.

Điều 8. Giá Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

8.1. Giá Hợp đồng (Có phụ lục chi tiết kèm theo):

Tổng giá trị Hợp đồng làm tròn: **43.798.406.000 đồng** (Đã bao gồm VAT)

(Bằng chữ: Bốn mươi ba tỷ, bảy trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm linh sáu nghìn đồng chẵn).

Hợp đồng này là Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.

Giá Hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo Hợp đồng, lợi nhuận của Nhà thầu và tất cả các loại thuế liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật.

8.2. Tạm ứng:

- Bên A tạm ứng cho B 50% giá trị hợp đồng ngay sau khi hợp đồng được ký kết.

Trong đó: Bên B chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh thực hiện hợp đồng với tổng giá trị bằng 03% giá trị hợp đồng.

8.3. Thanh toán

Thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm, nếu có) được nghiệm thu tương ứng với giai đoạn thanh toán nhân với đơn giá đã Điều chỉnh theo thỏa thuận hợp đồng. Trường hợp trong kỳ thanh toán chưa đủ Điều kiện để Điều chỉnh đơn giá thì sử dụng đơn giá trong hợp đồng hoặc đơn giá đã tạm Điều chỉnh để tạm thanh toán. Khi đã đủ Điều kiện để xác định đơn giá Điều chỉnh thì các bên phải xác định lại giá trị thanh toán cho giai đoạn đó theo đúng đơn giá đã Điều chỉnh và thanh toán cho bên nhận thầu.

8.4. Thời hạn thanh toán.

Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 05-07 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu.

8.5. Thanh toán tiền bị giữ lại.

Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ các khoản tiền bị giữ lại cho Nhà thầu khi các bên đã đủ căn cứ để xác định giá trị của các lần thanh toán và khi Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình theo quy định tại Điều 16 [Bảo hiểm và Bảo hành].

8.6. Đồng tiền và hình thức thanh toán

a) Đồng tiền thanh toán: Giá hợp đồng sẽ được thanh toán bằng đồng tiền Việt Nam (VND).

b) Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản.

8.7. Hồ sơ thanh toán

Nhà thầu sẽ nộp hồ sơ thanh toán 07 bộ lên Chủ đầu tư sau khi đến thời hạn thanh toán nêu trong Hợp đồng bằng biểu mẫu theo qui định của Chủ đầu tư hoặc theo các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ chung của Chủ đầu tư

9.1. Quyền của Chủ đầu tư

a) Tạm ngừng thi công xây dựng công trình và yêu cầu khắc phục hậu quả khi bên nhận thầu vi phạm các quy định về chất lượng công trình, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ;

b) Kiểm tra chất lượng thực hiện công việc, cơ sở gia công chế tạo của bên nhận thầu nhưng không được làm cản trở các hoạt động của bên nhận thầu;

c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

9.2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư

Ngoài các nghĩa vụ khác đã quy định trong Hợp đồng, Chủ đầu tư còn có các nghĩa vụ sau:

a) Phải xin giấy phép xây dựng theo quy định.

b) Bàn giao toàn bộ hoặc từng phần mặt bằng xây dựng, nguồn điện nước thi công cho Nhà thầu quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thoả thuận của Hợp đồng.

c) Cử và thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về nhân lực chính tham gia quản lý và thực hiện Hợp đồng.

d) Bố trí đủ nguồn vốn để thanh toán cho Nhà thầu theo tiến độ thanh toán trong Hợp đồng.

đ) Tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình.

e) Kiểm tra biện pháp bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ của nhà thầu thi công;

f) Nghiệm thu, thanh toán, quyết toán hợp đồng đúng thời hạn theo quy định;

g) Cung cấp kịp thời hồ sơ thiết kế và các tài liệu có liên quan, vật tư (nếu có) theo thoả thuận trong Hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

h) Xem xét và chấp thuận kịp thời bằng văn bản các đề xuất liên quan đến thiết kế, thi công của Nhà thầu trong quá trình thi công xây dựng công trình. Nếu trong khoảng thời gian này mà Chủ đầu tư không trả lời thì coi như Chủ đầu tư đã chấp thuận đề nghị hay yêu cầu của Nhà thầu.

i) Cung cấp cho nhà thầu toàn bộ các số liệu liên quan mà Chủ đầu tư có về điều kiện địa chất, địa chất thủy văn và những nội dung của công tác khảo sát về công trường, bao gồm cả các yếu tố môi trường liên quan đến Hợp đồng.

k) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ chung của Nhà thầu

10.1. Quyền của Nhà thầu

a) Được quyền đề xuất với Chủ đầu tư về khối lượng phát sinh ngoài Hợp đồng; từ chối thực hiện công việc ngoài phạm vi Hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư;

b) Được thay đổi các biện pháp thi công sau khi được Chủ đầu tư chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá Hợp đồng đã ký kết.

c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

10.2. Nghĩa vụ của Nhà thầu

a) Cung cấp nhân lực, vật liệu, máy móc, thiết bị thi công và các điều kiện vật chất liên quan khác đủ số lượng và chủng loại theo (bảng phụ lục khối lượng và thiết kế kèm theo hợp đồng) để thực hiện các công việc theo nội dung hợp đồng đã ký kết;

b) Tiếp nhận và quản lý mặt bằng xây dựng, bảo quản tim, cốt, mốc giới công trình;

c) Thi công xây dựng theo đúng thiết kế, tiêu chuẩn dự án, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ;

d) Ghi nhật ký thi công xây dựng công trình;

đ) Thí nghiệm vật liệu, kiểm định thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng, tiêu chuẩn dự án, quy chuẩn và tiêu chuẩn;

e) Quản lý người lao động trên công trường, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự, không gây ảnh hưởng đến các khu dân cư xung quanh;

g) Lập biện pháp tổ chức thi công, hồ sơ hoàn công, tham gia nghiệm thu công trình;

h) Chịu trách nhiệm về chất lượng thi công xây dựng công trình do mình đảm nhận. Sửa chữa sai sót trong công trình đối với những công việc do mình thi công;

i) Phối hợp với các nhà thầu khác cùng thực hiện trên công trường;

k) Định kỳ báo cáo với bên giao thầu về tiến độ thi công, nhân lực và thiết bị chính để thi công xây dựng công trình;

l) Di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và những tài sản khác của mình ra khỏi công trường sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao, trừ trường hợp trong hợp đồng có thỏa thuận khác;

m) Hoàn trả mặt bằng theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng;

n) Giữ bí mật thông tin liên quan đến hợp đồng hoặc pháp luật có quy định;

o) Chịu sự giám sát của chủ đầu tư, tư vấn quản lý dự án và giám sát cộng đồng;

p) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

10.3. Nhân lực của Nhà thầu

Nhân lực của Nhà thầu phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sa thải (*hay tác động để sa thải*) bất cứ nhân lực nào ở công trường hay công trình, kể cả đại diện của Nhà thầu nếu những người đó: Có thái độ sai trái hoặc thiếu cẩn thận; thiếu năng lực hoặc bất cẩn; không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng; gây phương hại đến an toàn, sức khỏe hoặc bảo vệ môi trường.

10.4. Báo cáo về nhân lực và thiết bị của Nhà thầu.

Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư những chi tiết về số lượng nhân lực tối thiểu, thiết bị chủ yếu của Nhà thầu trên công trường.

10.5. Hợp tác

Nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện việc hợp tác trong công việc đối với: Nhân lực của Chủ đầu tư; các nhà thầu khác do Chủ đầu tư thuê;

10.6. Định vị các mốc

Nhà thầu phải định vị công trình theo các mốc và cao trình tham chiếu được xác định trong Hợp đồng. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các hạng mục của công trình và phải điều chỉnh sai sót về vị trí, cao độ, kích thước hoặc căn tuyến của công trình.

10.7. Điều kiện về công trường

Nhà thầu được coi là đã thẩm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin có sẵn nêu trên, và đã được thỏa mãn trước khi nộp thầu, bao gồm:

- a) Địa hình của công trường, bao gồm cả các điều kiện địa chất công trình;
- b) Điều kiện địa chất thủy văn và khí hậu;
- c) Mức độ và tính chất của công việc và vật liệu cần thiết cho việc thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa sai sót.
- d) Các quy định của pháp luật về lao động;
- e) Các yêu cầu của Nhà thầu về đường vào, ăn, ở, phương tiện, nhân lực, điều kiện giao thông, nước và các dịch vụ khác.

10.8. Đường đi và phương tiện

Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng hoặc tạm thời mà Nhà thầu cần có, bao gồm lối vào công trường. Nhà thầu cũng phải có thêm các phương tiện khác bên ngoài công trường cần cho công việc bằng sự chịu rủi ro và kinh phí của mình.

Nhà thầu phải nỗ lực để tránh làm hư hỏng đường hoặc cầu do việc sử dụng,

đi lại của Nhà thầu hoặc người của Nhà thầu gây ra. Những nỗ lực này phải bao gồm việc sử dụng đúng các phương tiện và tuyến đường thích hợp.

Trừ khi được quy định khác trong các điều kiện và điều khoản này:

a) Nhà thầu không được sử dụng và chiếm lĩnh toàn bộ đường đi, vỉa hè bất kể là công cộng hay thuộc quyền kiểm soát của Chủ đầu tư hoặc người khác.

b) Nhà thầu (*trong quan hệ giữa các bên*) sẽ phải chịu trách nhiệm sửa chữa nếu Nhà thầu làm hỏng khi sử dụng các tuyến đường đó;

c) Nhà thầu phải cung cấp các biển hiệu, biển chỉ dẫn cần thiết dọc tuyến đường và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các tuyến đường, biển hiệu, biển chỉ dẫn;

d) Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào có thể nảy sinh từ việc sử dụng hoặc các việc liên quan khác đối với các tuyến đường đi lại;

đ) Chủ đầu tư không bảo đảm sự thích hợp hoặc sẵn có các tuyến đường riêng biệt nào;

e) Chi phí do sự không thích hợp hoặc không có sẵn các tuyến đường cho yêu cầu sử dụng của Nhà thầu, sẽ do Nhà thầu chịu.

10.9. Vận chuyển vật tư thiết bị

a) Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn 03 ngày, trước ngày mà mọi vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường (bao gồm cả đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ vật tư thiết bị);

b) Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Chủ đầu tư đối với các hư hỏng, mất mát và chi phí (kể cả lệ phí và phí tư pháp) do việc vận chuyển vật tư thiết bị của Nhà thầu.

10.10. Thiết bị Nhà thầu

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị của mình, thiết bị của Nhà thầu phải dùng riêng cho việc thi công công trình. Nhà thầu không được di chuyển ra khỏi công trường bất kỳ một loại thiết bị chủ yếu nào nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư (*trừ các xe cộ vận chuyển vật tư thiết bị hoặc nhân lực của Nhà thầu ra khỏi công trường*).

10.12. Hoạt động của Nhà thầu trên công trường.

Nhà thầu phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường và khu vực bổ sung mà Nhà thầu có và được Chủ đầu tư đồng ý là nơi làm việc. Nhà thầu phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Nhà thầu và nhân lực của Nhà thầu chỉ hoạt động trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận. Trong thời gian thi công công trình, Nhà thầu phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của mình. Nhà thầu phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi không cần nữa.

Sau khi biên bản nghiệm thu công trình đã được cấp, Nhà thầu phải dọn sạch

và đưa đi tất cả thiết bị của Nhà thầu, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác rưởi và công trình tạm. Nhà thầu phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn. Tuy nhiên, Nhà thầu có thể để lại công trường, trong giai đoạn thông báo sai sót, những vật tư thiết bị cần để Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Nếu tất cả những vật tư thiết bị này không được dọn khỏi công trường trong vòng 10 ngày sau khi Chủ đầu tư cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao; Chủ đầu tư có thể bán hoặc thải bỏ vật tư thiết bị, số tiền thu được từ việc bán vật tư thiết bị sẽ trả cho Nhà thầu sau khi đã thanh toán các chi phí phát sinh cho Chủ đầu tư.

10.13. Các vấn đề khác có liên quan

Tất cả các cổ vật, đồng tiền, đồ cổ hoặc các di vật khác hoặc các hạng mục địa chất hoặc khảo cổ được tìm thấy trên công trường sẽ được đặt dưới sự bảo quản và thẩm quyền của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải chú ý không cho người của mình hoặc người khác lấy đi hoặc làm hư hỏng các đồ vật tìm thấy này.

Khi phát hiện ra những đồ vật này, Nhà thầu phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư để hướng dẫn giải quyết. Nếu Nhà thầu gặp phải sự chậm trễ và phải chịu chi phí để thực hiện hướng dẫn thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư và có quyền theo Điều 20 của Hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

Điều 11. Nhà thầu phụ

11.1. Khi ký hợp đồng thầu phụ, Nhà thầu phải thực hiện theo các quy định sau:

a) Đối với các nhà thầu phụ không có trong danh sách thầu phụ kèm theo Hợp đồng thì phải được Chủ đầu tư chấp thuận;

b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và sai sót của mình và các công việc do các Nhà thầu phụ thực hiện;

c) Nhà thầu không được giao lại toàn bộ công việc theo Hợp đồng cho Nhà thầu phụ thực hiện.

11.2. Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định (nếu có)

a) Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định là một nhà thầu được Chủ đầu tư chỉ định cho Nhà thầu thuê làm Nhà thầu phụ để thực hiện một số phần việc chuyên ngành có yêu cầu kỹ thuật cao hoặc khi Nhà thầu không đáp ứng được tiến độ thực hiện hợp đồng sau khi Chủ đầu tư đã yêu cầu.

b) Nhà thầu có quyền từ chối nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định nếu công việc Nhà thầu đang thực hiện vẫn tuân thủ đúng các thỏa thuận trong Hợp đồng hoặc có đầy đủ cơ sở cho rằng nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định không đáp ứng được các yêu cầu theo Hợp đồng.

11.3. Chủ đầu tư có thể thanh toán trực tiếp cho Nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất thanh toán của Nhà thầu.

Điều 12. An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

12.1. An toàn lao động

a) Nhà thầu thi công xây dựng phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng, kể cả các công trình phụ cận.

b) Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo để phòng tai nạn.

c) Các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

d) Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động.

e) Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động.

Khi có sự cố về an toàn lao động, nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do Nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

12.2. Bảo vệ môi trường

a) Nhà thầu thi công xây dựng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.

b) Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

c) Các bên phải có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì Chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm ngừng thi công xây dựng và yêu cầu Nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.

d) Tổ chức, cá nhân để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

12.3. Phòng chống cháy nổ

Các bên tham gia hợp đồng xây dựng phải tuân thủ các quy định của nhà

nước về phòng chống cháy nổ.

Điều 13. Điện, nước và an ninh công trường

13.1. Điện, nước trên công trường

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm quản lý bảo vệ và sử dụng hợp lý nguồn điện nước do Chủ đầu tư cung cấp để phục vụ thi công công trình.

13.2. An ninh công trường

Trừ khi có quy định khác trong những điều kiện riêng:

a) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc cho phép những người không có nhiệm vụ vào công trường;

b) Những người có nhiệm vụ được vào công trường gồm nhân lực của Nhà thầu và của Chủ đầu tư và những người khác do Chủ đầu tư (*hoặc người thay mặt*) thông báo cho Nhà thầu biết.

Điều 14. Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư

14.1. Tạm ngừng thực hiện công việc của Hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Nếu Nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể ra thông báo yêu cầu Nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai hỏng trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể.

Chủ đầu tư quyết định ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng khi Nhà thầu không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn lao động và tiến độ theo Hợp đồng đã ký kết.

Trước khi tạm dừng, Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu không ít hơn 07 ngày và trong thông báo sẽ nêu rõ lý do tạm ngừng.

14.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Nhà thầu:

a) Không thực hiện theo bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc một thông báo theo khoản 14.1 của Hợp đồng này [Tạm ngừng thực hiện công việc của Hợp đồng bởi Chủ đầu tư];

b) Bỏ dở công trình hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;

c) Không có lý do chính đáng mà 07 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng;

d) Giao thầu phụ toàn bộ công trình hoặc chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư;

đ) Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được uỷ quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này;

Nếu có ở một trong những trường hợp này, Chủ đầu tư có thể, bằng cách thông báo cho Nhà thầu trước 07 ngày, chấm dứt Hợp đồng và trục xuất Nhà thầu ra khỏi công trường. Tuy nhiên, trong trường hợp của phần (đ) Chủ đầu tư có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

Sự lựa chọn của Chủ đầu tư trong việc quyết định chấm dứt Hợp đồng sẽ không được làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Chủ đầu tư theo Hợp đồng.

Nhà thầu phải rời công trường và chuyển các vật tư, vật liệu cần thiết, các tài liệu của Nhà thầu và các hồ sơ thiết kế khác của Nhà thầu cho Chủ đầu tư. Tuy nhiên, Nhà thầu sẽ cố gắng hết mức để tuân thủ ngay lập tức các hướng dẫn hợp lý được nêu trong thông báo, bảo vệ tính mạng và tài sản hay cho sự an toàn của công trình.

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể hoàn thành công trình và sắp đặt cho các đơn vị khác thực hiện. Chủ đầu tư và các đơn vị này khi đó có thể sử dụng bất cứ vật tư, vật liệu, tài liệu nào của Nhà thầu và các tài liệu thiết kế khác do Nhà thầu thực hiện hoặc do đại diện Nhà thầu thực hiện.

Chủ đầu tư sẽ thông báo rằng thiết bị của Nhà thầu và các công trình tạm thời sẽ được giải phóng cho Nhà thầu ở tại hoặc gần công trường. Nhà thầu sẽ ngay lập tức sắp xếp để chuyển đi, rời bỏ và chi phí cho việc này sẽ do Nhà thầu chịu. Tuy nhiên, nếu đến lúc này mà Nhà thầu còn nợ Chủ đầu tư một khoản thanh toán nào thì Chủ đầu tư được quyền bán chúng để lấy lại tiền. Số tiền dư ra sẽ được trả cho Nhà thầu.

Trường hợp đặc biệt, Chủ đầu tư có quyền chấm dứt Hợp đồng vào bất cứ lúc nào thuận tiện cho Chủ đầu tư, bằng cách thông báo cho Nhà thầu việc chấm dứt Hợp đồng. Việc chấm dứt này sẽ có hiệu lực sau ... ngày sau khi Nhà thầu nhận được thông báo này của Chủ đầu tư hoặc Chủ đầu tư trả lại bảo lãnh thực hiện. Chủ đầu tư sẽ không được chấm dứt Hợp đồng theo khoản này để tự thi công công trình hoặc sắp xếp để cho nhà thầu khác thi công công trình.

14.3. Xác định giá vào ngày chấm dứt Hợp đồng

Ngay khi thông báo chấm dứt theo khoản 15.2 [Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư] của Hợp đồng có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ xem xét đồng ý hoặc xác định giá trị của công trình, vật tư, vật liệu và tài liệu của Nhà thầu và các khoản tiền phải thanh toán cho Nhà thầu cho các công việc được thực hiện theo đúng Hợp đồng.

14.4. Thanh toán sau khi chấm dứt Hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt Hợp đồng theo khoản 15.2 [Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư] của Hợp đồng này có hiệu lực, Chủ đầu tư có thể:

a) Không thanh toán thêm cho Nhà thầu cho đến khi chi phí thi công, hoàn thành và sửa chữa các sai sót và hư hỏng do chậm trễ trong thời gian hoàn thành (nếu có) và các chi phí khác mà Chủ đầu tư chấp thuận đã được xác định;

b) Thu lại từ Nhà thầu các phí tổn do hư hỏng, mất mát mà Chủ đầu tư phải chịu và các chi phí thêm khác của việc hoàn thành công trình, sau khi tính đến bất kỳ một khoản nợ nào đối với Nhà thầu. Sau khi đã thu hồi lại từ các mất mát, hư hỏng và các chi phí thêm, Chủ đầu tư sẽ thanh toán phần tiền cân đối còn lại cho

Nếu có ở một trong những trường hợp này, Chủ đầu tư có thể, bằng cách thông báo cho Nhà thầu trước 07 ngày, chấm dứt Hợp đồng và trục xuất Nhà thầu ra khỏi công trường. Tuy nhiên, trong trường hợp của phần (đ) Chủ đầu tư có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

Sự lựa chọn của Chủ đầu tư trong việc quyết định chấm dứt Hợp đồng sẽ không được làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Chủ đầu tư theo Hợp đồng.

Nhà thầu phải rời công trường và chuyển các vật tư, vật liệu cần thiết, các tài liệu của Nhà thầu và các hồ sơ thiết kế khác của Nhà thầu cho Chủ đầu tư. Tuy nhiên, Nhà thầu sẽ cố gắng hết mức để tuân thủ ngay lập tức các hướng dẫn hợp lý được nêu trong thông báo, bảo vệ tính mạng và tài sản hay cho sự an toàn của công trình.

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể hoàn thành công trình và sắp đặt cho các đơn vị khác thực hiện. Chủ đầu tư và các đơn vị này khi đó có thể sử dụng bất cứ vật tư, vật liệu, tài liệu nào của Nhà thầu và các tài liệu thiết kế khác do Nhà thầu thực hiện hoặc do đại diện Nhà thầu thực hiện.

Chủ đầu tư sẽ thông báo rằng thiết bị của Nhà thầu và các công trình tạm thời sẽ được giải phóng cho Nhà thầu ở tại hoặc gần công trường. Nhà thầu sẽ ngay lập tức sắp xếp để chuyển đi, rủi ro và chi phí cho việc này sẽ do Nhà thầu chịu. Tuy nhiên, nếu đến lúc này mà Nhà thầu còn nợ Chủ đầu tư một khoản thanh toán nào thì Chủ đầu tư được quyền bán chúng để lấy lại tiền. Số tiền dư ra sẽ được trả cho Nhà thầu.

Trường hợp đặc biệt, Chủ đầu tư có quyền chấm dứt Hợp đồng vào bất cứ lúc nào thuận tiện cho Chủ đầu tư, bằng cách thông báo cho Nhà thầu việc chấm dứt Hợp đồng. Việc chấm dứt này sẽ có hiệu lực sau ... ngày sau khi Nhà thầu nhận được thông báo này của Chủ đầu tư hoặc Chủ đầu tư trả lại bảo lãnh thực hiện. Chủ đầu tư sẽ không được chấm dứt Hợp đồng theo khoản này để tự thi công công trình hoặc sắp xếp để cho nhà thầu khác thi công công trình.

14.3. Xác định giá vào ngày chấm dứt Hợp đồng

Ngay khi thông báo chấm dứt theo khoản 15.2 [Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư] của Hợp đồng có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ xem xét đồng ý hoặc xác định giá trị của công trình, vật tư, vật liệu và tài liệu của Nhà thầu và các khoản tiền phải thanh toán cho Nhà thầu cho các công việc được thực hiện theo đúng Hợp đồng.

14.4. Thanh toán sau khi chấm dứt Hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt Hợp đồng theo khoản 15.2 [Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư] của Hợp đồng này có hiệu lực, Chủ đầu tư có thể:

a) Không thanh toán thêm cho Nhà thầu cho đến khi chi phí thi công, hoàn thành và sửa chữa các sai sót và hư hỏng do chậm trễ trong thời gian hoàn thành (nếu có) và các chi phí khác mà Chủ đầu tư chấp thuận đã được xác định;

b) Thu lại từ Nhà thầu các phí tổn do hư hỏng, mất mát mà Chủ đầu tư phải chịu và các chi phí thêm khác của việc hoàn thành công trình, sau khi tính đến bất kỳ một khoản nợ nào đối với Nhà thầu. Sau khi đã thu hồi lại từ các mất mát, hư hỏng và các chi phí thêm, Chủ đầu tư sẽ thanh toán phần tiền cân đối còn lại cho

Nhà thầu.

Điều 15. Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu

15.1. Quyền tạm ngừng công việc của Nhà thầu

Nếu Chủ đầu tư không tuân thủ khoản 8.4 [Thời hạn thanh toán] của Hợp đồng, vượt quá 30 ngày; Nhà thầu có thể, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn 07 ngày, sẽ tạm ngừng công việc (*hoặc giảm tỷ lệ công việc*) trừ khi và cho đến khi Nhà thầu được thanh toán theo các điều khoản của Hợp đồng, tùy từng trường hợp và như đã mô tả trong thông báo.

Việc tạm ngừng công việc của Nhà thầu theo khoản này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà thầu đối với các chi phí tài chính và để chấm dứt Hợp đồng theo khoản 16.2 [Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu] của Hợp đồng.

Nếu Nhà thầu tiếp đó nhận được thanh toán trước khi thông báo chấm dứt Hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường ngay khi có thể được.

Nếu Nhà thầu phải chịu sự chậm trễ và các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (*hoặc do giảm tỷ lệ công việc*) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư và theo Điều 20 của Hợp đồng.

15.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu

Nhà thầu được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

a) Nhà thầu không nhận được số tiền được thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ;

b) Chủ đầu tư về cơ bản không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;

c) Việc tạm ngừng bị kéo dài quá 45 ngày;

d) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

Trong bất cứ sự kiện hoặc trường hợp nào được nêu trên, Nhà thầu có thể, bằng thông báo trước 07 ngày cho Chủ đầu tư để chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên trong trường hợp của điểm (d) Nhà thầu có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

15.3. Ngừng công việc và di dời thiết bị Nhà thầu

Sau khi nhận được thông báo chấm dứt Hợp đồng, Nhà thầu sẽ ngay lập tức:

a) Ngừng tất cả các công việc thêm, ngoại trừ các công việc đã được Chủ đầu tư hướng dẫn để bảo vệ con người và tài sản hoặc an toàn của công trình;

b) Chuyển giao cho Chủ đầu tư toàn bộ tài liệu của Nhà thầu, thiết bị, các vật liệu và các công việc khác mà Nhà thầu đã được thanh toán;

c) Di dời tất cả vật tư, vật liệu khỏi công trường, ngoại trừ các thứ cần thiết cho việc an toàn và rời khỏi công trường.

15.4. Thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt Hợp đồng theo khoản 16.2 [Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu] của Hợp đồng đã có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ ngay lập tức:

a) Trả lại bảo lãnh thực hiện cho Nhà thầu;

b) Thanh toán cho Nhà thầu.

Điều 16. Bảo hiểm và bảo hành

16.1. Bảo hiểm

a) Chủ đầu tư phải mua bảo hiểm công trình xây dựng theo quy định. Chủ đầu tư đã mua bảo hiểm công trình; khi có tổn thất, thiệt hại xảy ra đối với công trình mà tổn thất, thiệt hại đó thuộc phạm vi công việc của Nhà thầu, Nhà thầu phải thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định để được bồi thường. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm đối với những trường hợp Nhà thầu không thực hiện những thủ tục trên. Trường hợp Nhà thầu được bồi thường thì Nhà thầu phải chịu mức khấu trừ theo quy định của hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo hiểm xây dựng công trình ký giữa Chủ đầu tư và đơn vị cung cấp dịch vụ bảo hiểm.

b) Nhà thầu phải thực hiện mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của Nhà thầu, bảo hiểm đối với bên thứ 3.

16.2. Bảo hành

Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, Nhà thầu phải:

- Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian 12 tháng.

- Trường hợp, Chủ đầu tư trả tiền giữ lại trong các giai đoạn thanh toán cho bảo hành thì Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh để thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình trong vòng 7 ngày trước ngày nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng. Bảo lãnh bảo hành phải có giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng cho đến hết thời gian bảo hành và phải do một thể nhân hoặc pháp nhân cấp và phải theo mẫu quy định của nhà nước và phải được Chủ đầu tư chấp thuận.

- Trong thời gian bảo hành công trình Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 10 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Nhà thầu không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê một nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Nhà thầu chịu và sẽ được khấu trừ vào tiền bảo hành của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên.

Điều 17. Rủi ro và Bất khả kháng

17.1. Rủi ro và bất khả kháng

- a) Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp đồng.
- b) Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro không thể chống đỡ nổi khi nó xảy ra và không thể lường trước khi ký kết Hợp đồng như: Động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất hay hoạt động núi lửa, chiến tranh, dịch bệnh.
- c) Khi một bên bị rơi vào tình trạng bất khả kháng, thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất có thể.

17.2. Hậu quả của các rủi ro

Nếu và trong chừng mực nào đó mọi rủi ro được liệt kê trong khoản 18.1 của Hợp đồng này dẫn đến mất mát hay hư hỏng cho công trình, bất động sản, vật tư thiết bị hay các tài liệu của Nhà thầu, thì Nhà thầu phải ngay lập tức gửi thông báo cho Chủ đầu tư và sửa chữa sự mất mát và hư hỏng trong phạm vi Chủ đầu tư yêu cầu.

17.3. Trách nhiệm của Nhà thầu đối với rủi ro

Nhà thầu sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc bảo đảm công trình và hàng hoá từ ngày khởi công cho đến ngày phát hành biên bản nghiệm thu cho công trình, khi trách nhiệm được chuyển qua Chủ đầu tư. Nếu biên bản nghiệm thu được phát hành (hoặc coi như đã phát hành) cho bất cứ hạng mục hay công trình nào, thì trách nhiệm bảo đảm bất kỳ hạng mục nào của công trình đó được chuyển cho Chủ đầu tư.

Sau khi trách nhiệm được chuyển một cách phù hợp cho Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ nhận trách nhiệm bảo đảm đến bất kỳ công việc nào còn tồn tại chưa giải quyết xong vào ngày được nêu trong biên bản nghiệm thu cho đến khi các công việc này được hoàn thành.

Nếu bất cứ việc mất mát hay hư hỏng nào xảy ra cho công trình, vật tư thiết bị hoặc tài liệu của Nhà thầu nào trong khoảng thời gian Nhà thầu đang chịu trách nhiệm bảo đảm, được liệt kê trong khoản 18.3 [Trách nhiệm của Nhà thầu đối với rủi ro] của Hợp đồng, Nhà thầu sẽ phải sửa những mất mát hay hư hỏng bằng sự rủi ro và chi phí của Nhà thầu, để công trình, vật tư thiết bị và tài liệu của Nhà thầu đúng với Hợp đồng.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ một hỏng hóc hay mất mát xảy ra sau khi biên bản nghiệm thu đã được phát hành và cả những việc xảy ra trước đó thuộc trách nhiệm của Nhà thầu.

17.4. Bồi thường rủi ro

Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư đối với các khiếu nại, hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan đến:

- a) Tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau hay chết, của bất cứ người nào xảy ra

do nguyên nhân thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót, trừ khi có thể quy cho việc cấu thả, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư, hoặc bất kỳ đại diện riêng nào của họ;

b) Hồng hóc hay mất mát của bất cứ tài sản nào, là bất động sản hay của cá nhân (không phải là công trình), ở phạm vi mà những hồng hóc hay mất mát này:

- Phát sinh từ hoặc trong quá trình tiến hành hoặc do nguyên nhân của thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót;

- Được quy cho sự bất cẩn, cố ý làm hoặc vi phạm hợp đồng bởi Nhà thầu, nhân lực của Nhà thầu, hoặc bất cứ người nào trực tiếp hay gián tiếp được họ thuê.

Chủ đầu tư phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Nhà thầu, các nhân viên của Nhà thầu đối với các khiếu nại, thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các phí pháp lý) liên quan đến tổn hại thân thể, ốm đau, bệnh tật hay chết được quy cho sự cấu thả, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư.

17.5. Thông báo về bất khả kháng

Nếu một bên bị cản trở thực hiện bất cứ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng do tình trạng bất khả kháng, bên đó phải gửi thông báo cho bên kia về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng và phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc đã và sẽ bị cản trở. Thông báo phải được gửi sớm nhất sau khi bên đó nhận biết được tình trạng, hoặc lẽ ra đã nhận biết được về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng.

Bên đó, khi đã thông báo, phải được miễn cho việc thực hiện công việc thuộc nghĩa vụ trong thời gian mà tình trạng bất khả kháng cản trở việc thực hiện của họ.

Dẫu cho có các quy định nào khác của khoản này, thì bất khả kháng cũng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo Hợp đồng.

17.6. Các hậu quả của bất khả kháng

Nếu Nhà thầu bị cản trở thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào của mình theo Hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo khoản 17.5 [Thông báo về bất khả kháng] của Hợp đồng và chịu sự chậm trễ và chịu chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu sẽ có quyền theo Điều 20 [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp] của Hợp đồng:

a) Kéo dài thời gian do sự chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị và sẽ bị chậm trễ, theo khoản 7.3 [Giới hạn thời gian hoàn thành] của Hợp đồng;

b) Nếu sự việc hay trường hợp thuộc loại được mô tả trong các điểm (b) khoản 18.1 [Rủi ro và bất khả kháng] của Hợp đồng, được thanh toán các chi phí này.

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư phải xem xét để nhất trí hay quyết định các vấn đề này.

17.7. Chấm dứt Hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm:

Nếu việc thực hiện công trình cơ bản đang được tiến hành bị cản trở liên tục trong thời gian 10 ngày do bất khả kháng đã được thông báo theo khoản 18.5 [Thông báo về bất khả kháng] của Hợp đồng hoặc trong nhiều khoảng thời gian mà tổng số là trên 30 ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có thể gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng cho bên kia. Trong trường hợp này, việc chấm dứt Hợp đồng sẽ có hiệu lực 07 ngày sau khi có thông báo.

Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu:

a) Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong Hợp đồng;

b) Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu, hoặc những thứ Nhà thầu có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán, và Nhà thầu sẽ để cho Chủ đầu tư tùy ý sử dụng;

c) Mọi chi phí hoặc trách nhiệm khác mà trong trường hợp bất khả kháng Nhà thầu phải chịu để hoàn thành công trình;

d) Chi phí di chuyển các công trình tạm và thiết bị của Nhà thầu khỏi công trình và trả lại các hạng mục thiết bị này cho công trình của Nhà thầu;

e) Chi phí bồi thường cho đội ngũ nhân viên và các người lao động được Nhà thầu thuê cho toàn bộ thời gian liên quan đến công trình vào thời điểm chấm dứt Hợp đồng.

Điều 18. Thương hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng.

18.1. Thương hợp đồng: Không.

18.2. Phạt vi phạm hợp đồng

Đối với Nhà thầu: Nếu chậm tiến độ 10 ngày thì phạt 0.1% giá hợp đồng; Trường hợp vi phạm về chất lượng thì phạt tối đa là 1% giá trị hợp đồng bị vi phạm nhưng tổng số tiền phạt không quá 3% giá trị hợp đồng bị vi phạm;

Điều 19. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp.

19.1. Khiếu nại: Thực hiện theo quy định nêu tại Điều 43 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ.

19.2. Xử lý các tranh chấp

Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 07 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Toà án Nhân dân) theo quy định của pháp luật. Quyết định của trọng tài (hoặc Toà án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

19.3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 20. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

20.1. Quyết toán Hợp đồng

Trong vòng 15 ngày sau khi nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của Hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư 07 (Bộ) quyết toán Hợp đồng với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà Chủ đầu tư đã chấp thuận, bao gồm các tài liệu sau:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi Hợp đồng;
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi Hợp đồng;
- Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng (gọi là quyết toán A-B), trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu;

- Hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình;

20.2. Thanh lý Hợp đồng

a) Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:

- Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký;
- Hợp đồng bị chấm dứt (huỷ bỏ) theo quy định của Điều 15 [Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư], Điều 16 [Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu] của Hợp đồng.

b) Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày các bên tham gia Hợp đồng hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc Hợp đồng bị chấm dứt (huỷ bỏ) theo điểm a, Khoản 2 điều này.

20.3. Chấm dứt trách nhiệm của chủ đầu tư.

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm với Nhà thầu về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo Hợp đồng hoặc liên quan đến Hợp đồng sau khi thanh lý Hợp đồng.

Điều 21. Hiệu lực của Hợp đồng

21.1. Thời điểm có hiệu lực của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sau khi Chủ đầu tư đã nhận được bảo đảm thực hiện Hợp đồng của Nhà thầu.

21.2. Tính pháp lý của Hợp đồng xây dựng

a) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở pháp lý mà Chủ đầu tư, Nhà thầu và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện;

b) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các bên. Các tranh chấp phát sinh ngoài Hợp đồng sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 22. Điều khoản chung

22.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong Hợp đồng này;

22.2. Hợp đồng được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt. Chủ đầu tư giữ 06 bản, Nhà thầu sẽ giữ 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đặng Đức Hiệp

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Thành

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 01

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ

(Kèm theo Hợp đồng thi công xây lắp số 68/2017/HĐKT-TP, ngày 10 tháng 11 năm 2017)

Tên Gói thầu: Thi công xây lắp công trình Xây dựng Hệ thống thu gom và Xử lý nước thải
Cụm Công nghiệp Gia Vân

Tiêu dự án Xây dựng Hệ thống thu gom và Xử lý nước thải Cụm Công nghiệp Gia Vân

STT	Hạng mục	Giá chào (VNĐ)
1	PHẦN THIẾT BỊ	13.208.797.000
2	PHẦN XÂY DỰNG	30.589.609.000
	TỔNG CỘNG	43.798.406.000



TỔNG GIÁM ĐỐC

Dặng Đức Hiệp

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thành



PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 02

(Kèm theo Hợp đồng thi công xây lắp số 68/2017/HĐKT-TP, ngày 10 tháng 11 năm 2017

Tên gói thầu: Thi công xây lắp công trình: Xây dựng 14 thùng thu gom và xử lý nước thải Cụm Công nghiệp Gia Văn

Tiêu dự án: Xây dựng 14 thùng thu gom và xử lý nước thải Cụm Công nghiệp Gia Văn

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa	Thời gian bảo hành	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1.	Trạm bơm vận chuyển nước thải								
a	Sông chân các bộ	Vật liệu: SUS304 Kích thước khe lọc: 10mm DN300.		Việt Nam	12 tháng	cái	1	48.330.000	48.330.000
b	Van cửa phai	Chiều sâu công tác H=4,2 m Trục, khung, ống: SS304. Vòng đệm: EPDM.	VCP-08	Việt Nam	12 tháng	bộ	1	115.830.000	115.830.000
c	Thiết bị đo mức liên tục	Kích thước: bình sóng siêu âm (ultrasonics) Nhiệt độ hoạt động: -30° - +20°C Tín hiệu xuất: 0/4-20mA Nguồn: 24Vdc (20-30Vdc) kèm theo 2 relays Cấp độ bảo vệ: IP66	KTUS-3B	SCM LEKTRA-Y	12 tháng	cái	1	66.015.000	66.015.000
d	Máy bơm nước thải	Kích thước bơm Điện áp: 400V/3pha/50Hz, 4 kW, 2800rpm Lưu lượng: 72m ³ /h, 11m Đầu bơm: đường kính DN 65 Chất rắn cho phép: 50mm Cấp bảo vệ motor: IP 68 Chuyển cách điện: lớp II (chịu nhiệt độ đến 1800°C) Vật liệu: Thân bơm: gang, cánh bơm: gang, Trục: inox 431 Khớp nối tự động DN65	DRN 550/265	Zenit - Y	12 tháng	cái	3	47.290.500	141.871.500
e	Hệ thống dẫn đường	Khởi động tự động (sản xuất theo thiết kế của ZENIT) Xuất xứ: Việt Nam (sản xuất dẫn hướng inox (hoặc thép mạ kẽm) Ghi chú: Không bao gồm thành dẫn hướng inox (hoặc thép mạ kẽm) và xích neo bơm.		Việt Nam	12 tháng	cái	3	3.003.750	9.011.250
f	Palang	Thành trọng, xích kéo SUS304 Loại: xích kéo tay Tải trọng nâng: 1 tấn		Việt Nam	12 tháng	Bộ	3	10.800.000	32.400.000
2.	Bể tách dầu, lắng cát T-01								
a	Bơm Cát	Kích thước bể chứa Điện áp: 400V/3pha/50Hz, 0,73kW, 2900rpm Lưu lượng: 6m ³ /h, H=1,3m Đầu bơm: đường kính DN 50 Cấp chuẩn đặc: 10m Cấp bảo vệ motor: IP 68 Chuẩn cách điện: lớp I (chịu nhiệt độ đến 1200°C) Vật liệu: Thân bơm gang, cánh bơm gang, Trục: S45C Khớp nối đồng (Autocoupling), Thành trọng, xích kéo SUS304	VF 51	EDM - Nhật Bản	12 tháng	cái	2	20.641.500	41.283.000
b		Vật liệu: SUS304, song chân rãnh thu công		Việt Nam	12 tháng	cái	1	16.200.000	16.200.000
c				Việt Nam	12 tháng	cái	1	31.310.000	31.310.000

STT	Mô tả chi tiết	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng giá
3	<p>Kích thước khe hở: 10mm</p> <p>Kiểu: Bơm chìm</p> <p>Điện áp: 400V/3pha/50Hz, 2.2kW, 2900rpm</p> <p>Lưu lượng: 55m³/h; H=10.4m</p> <p>Đầu bơm: đường kính DN65</p> <p>Cấp bảo vệ motor: IP68</p> <p>Chuẩn cách điện: lớp H (chịu nhiệt độ đến 180oC)</p> <p>Cấp chuẩn: 10m</p> <p>Thân bơm, cánh bơm bằng gang GJ1-250.</p> <p>Trục: inox, AISI 431</p> <p>Thành trình, xích kéo SUS304.</p>		3	36.254.250	108.762.750
a	<p>Máy bơm chuyển tiếp nước thải</p>	Chi	1	10.800.000	10.800.000
b	<p>Máy bơm chuyển tiếp nước thải</p>	Chi	1	33.824.250	33.824.250
c	<p>Động cơ đo lưu lượng</p>	Chi	1	44.374.500	44.374.500
d	<p>Phân phối nước</p>	Chi	1	10.800.000	10.800.000
e	<p>Phân phối nước</p>	Chi	1	13.250.000	13.250.000
f	<p>Phân phối nước</p>	Chi	4	801.900	3.207.600

		Chứng chỉ tiêu chuẩn: ENEC/CE	EDJ Mỹ	12 tháng	hệ thống	12	405.000	4.860.000
i	Đĩa phân phối khí	Phân phối khí tinh. Đĩa phân phối khí thể D168mm	EDJ Mỹ	12 tháng	hệ thống	12	405.000	4.860.000
k	Đồng hồ áp lực	SP208-V17-D63-SS1/4"NP/TLM Áp lực làm việc: 0-10bar	Fanimelli - Ý	12 tháng	Cái	2	1.085.265	2.170.530
4	Bộ điều hòa T-03	Kiểu: Bơm chìm Điện áp: 400V/3pha/50Hz, 2.2kW; 2900rpm Lưu lượng: 55m ³ /h; H=10.4m Đường kính: đường kính DN65 Cấp bảo vệ motor: IP68 Vật liệu: Thép inox; gang; nhôm sơn tĩnh điện 1550C) Chuẩn cách điện: lớp F (chịu nhiệt độ đến 1550C) Thiết bị: Thép inox; gang; nhôm sơn tĩnh điện; inox Thanh trượt, xích kéo SUS304 Loại: xích kéo tay	Zenit - Ý	12 tháng	Cái	3	36.254.250	108.762.750
a	Máy bơm nước thải	Tải trọng nâng: 0.5 tấn Kiểu: roto Lưu lượng: 19.0 m ³ /phút Cột áp: 50.0 kPa Đường kính đầu thổi: DN 150 Điện năng: motor 4 cực (1450rpm); 30kw Tốc độ máy thổi: loại tốc độ thấp 1420rpm Rotor làm bằng gang dẻo (Ductile cast iron) loại FCD 300 FCD 300 Trục làm bằng thép carbon đặc S48C Thân máy chính, nắp hộp số nước và sau thân máy bằng gang FC 250 01 Máy chính; Giám âm đầu hút; Giám âm đầu thổi sản xuất tại Việt Nam, Van 1 chiều; Van an toàn; Khung đế; Pulley motor; Pulley đầu thổi, dây curot; Belt cover; Khop nối mềm; Đồng hồ áp suất. Động cơ điện 4 cực (1450rpm); 380V/3 pha/50Hz; 30 kW Nhãn hiệu: WEG - Brazil hoặc Enertech - Úc	Việt Nam Việt Nam	12 tháng 12 tháng	Cái Bộ	3 1	10.800.000 13.230.000	32.400.000 13.230.000
c	Pulling							
d	Máy thổi khí	IBS-150R	ITO - Nhật Bản	12 tháng	cái	1	222.750.000	222.750.000
e	Phao mực nước	Kiểu: Phao mực nước dùng cho nước thải Kiểu cup: H07RN-F 3x1 Chiều dài cup: 5 mét Nhiệt độ hoạt động: 0° + 50°C Nhiệt độ môi trường: -10°C + 60°C Cấp độ bảo vệ: IP6 Chứng chỉ tiêu chuẩn: ENEC/CE	MAC3 - Ý	12 tháng	Cái	3	801.900	2.405.700
f	Đồng hồ đo lưu lượng	Đo lưu lượng tức thời và lưu lượng tổng Kiểu: điện tử (magnetic) Phiên bản: Compact Đường kính: DN 150 Đài lưu lượng đo: 6.316-763.4 m ³ /h Áp suất: PN16 Tốc độ dòng đo: 0.1 - 12m/s Độ chính xác: ±0.5% của giá trị đo Cấp độ bảo vệ Sensors: IP67 Nhiệt độ vận hành: <-80oC Tín hiệu xuất: Analog 4-20mA - AI ; Màn hình hiển thị: LCD 2 x 16 ký tự Kiểu nối: mặt bích	FLOMAG - Cộng hòa Czech	12 tháng	Cái	1	55.687.500	55.687.500

6	Bộ thiết bị T-05 A-D	Điện áp: 380V/3pha/50Hz. IP-55	IR50-160NC	SAIER - Ý	12 tháng	cái	3	24.745.500	74.236.500
a	Máy bơm tuần hoàn	Kiểu: Bơm trực ngang Điện áp: 400V/3pha/50Hz, 5.5kW, 2900rpm Lưu lượng: 54m ³ /h, 25m							
b	Vật liệu lọc tiếp xúc sinh vật	Đầu bơm: đường kính DN 65/50 Cấp bảo vệ motor: IP-55 Chuẩn cách điện: lớp F (chịu nhiệt độ đến 155oC) Vật liệu: Thép bơm: gang, cánh bơm: gang Trục: inox Loại: Dạng thùng Đường kính: 50mm Điện tích tiếp xúc: 280m ² /m ³ , dạng sợi Quy cách: 80m ³ /m ²		Đài Loan	12 tháng	M2	36	10.800.000	388.800.000
7	Bộ thiết bị T-06 A-D	Kiểu: root Lưu lượng: 20.0 m ³ /phút Cột áp: 50.0 kPa Đường kính đầu thổi: DN 150 Điện năng: motor 4 cực (1450rpm), 30kW Tốc độ máy thổi: loại tốc độ thấp 1470rpm Rotor làm bằng gang dẻo (Ductile cast iron) loại FCD 300 Trục làm bằng thép carbon đặc S48C Thân máy chính, nắp hộp số trước và sau thân máy bằng gang FC 250 01 Máy thổi: Giám âm dẫn hơi/Giám âm đầu thổi sản xuất tại Việt Nam, Van 1 chiều, Van an toàn, Khung ốc, Pulley motor, Pulley đầu thổi, dây cao su, Belt cover, Khớp nối mềm; Động cơ áp suất Động cơ điện 4 cực (1450rpm), 380V/3 pha/50Hz, 3kW Nhận hiệu: WEG - Brazil hoặc Esensech - Úc	IRS-150R	ITO - Nhật Bản	12 tháng	cái	2	222.750.000	445.500.000
a	Máy thổi khí								
b	Đĩa phân phối khí	Phân phối khí tĩnh. Đĩa phân phối khí đường kính D227mm. Đo lưu lượng tác thời và lưu lượng tổng Kiểu: điện từ (magnetic) Phân bố: Compact Đường kính: DN 150 Đai lưu lượng đo: 6.316-763.4 m ³ /h Áp suất: PN16 Tốc độ dòng đo: 0.1 - 12m/s Độ chính xác: ±0.5% của giá trị đo Cấp độ bảo vệ Sensors: IP67 Nhiệt độ vận hành: -30oC Tín hiệu xuất: Analog 4-20mA - AI - Màn hình hiển thị: LCD 2 x 16 ký tự Kiểu nối: mặt bích Nguồn cấp: 24 V/AC (kèm theo Adaptor chuyển nguồn) Vật liệu: Phần tiếp xúc bên trong cao su chịu nhiệt, mặt bích bằng thép Carbon	FLOMAG-3010	EDI Mỹ		bé thông	264	405.000	106.920.000
d	Đồng hồ đo lưu lượng		FLOMAG-3010	FLOMAG - Công hóa Czech	12 tháng	Cái	1	55.687.500	55.687.500

c	<p>Máy bơm tuần hoàn nước</p>	<p>Ghi chú: - Lưu chất phải được điền đầy ống dẫn, không có sự xâm nhập của không khí. - Tiếp địa phải được đấu nối. - Nguyên nhân: nên chọn đồng bộ có đường kính thấp bơm đường kính ống 1 bậc, để đảm bảo lưu lượng trong ống dẫn và tránh bọt khí. - Đồng hồ chỉ hoạt động và hiển thị chính xác tại đài lưu lượng (*) Kiểu: Bơm trực ngang Điện áp: 400V/3pha/50Hz, 3kW, 2900rpm Lưu lượng: 70m³/h, 10m Đầu bơm: đường kính DN 80/85 Cấp bảo vệ motor: IP 55 Chuẩn cách điện: lớp F (chịu nhiệt độ đến 155oC) Vật liệu: Thân bơm: gang, cánh bơm: gang, trục: inox Dải đo: 0.4 ± 40 mg/l DO: ±0,2% ± 1 LSD DO: ±0,1% ± 1 LSD Nhiệt độ: ± 0,3 oC Hiển thị kết quả LCD có Password Tín hiệu xuất: 0/4-20mA Nhiệt độ hoạt động: 0-60°C Chế độ bảo vệ IP 65, chống nước Sản phẩm chứng nhận CE Điện cực galvanic steel, tự động bù nhiệt</p>	IP65-125D	SAER - Y	12 tháng	cái	3	20.952.000	62.856.000
d	<p>Đầu đo DO online</p>	<p>Dung tích, 50mm Điện tích tiếp xúc: 280m²m³, dạng sợi Quy cách: 80mm²</p>	6309DTP Analyzer	Jenco_Mỹ	12 tháng	cái	2	36.450.000	72.900.000
e	<p>Đèn vi sinh</p>			Việt Nam	12 tháng	M2	140	10.800.000	1.512.000.000
8	<p>Bể cân bằng pH đợt 2 T-07A</p>								
a	<p>Bơm dinh dưỡng hóa chất</p>	<p>Bơm màng, chịu hóa chất Lưu lượng: 0-180 l/h Cột áp: 8bar Công suất động cơ: 0,18 kw Điện áp: 380V/3pha/50Hz IP: 55</p>	D 0180	F.W.T-Y	12 tháng	cái	2	17.113.950	34.227.900
b	<p>Máy khuấy trên nước thải</p>	<p>Dạng nón mặt bích Model: CVT Tốc độ vòng quay 70-90 vòng/phút Điện áp: 1,5 Kw/380V/50Hz</p>		Sumitomo, Nhật Bản	12 tháng	cái	1	28.755.000	28.755.000
c	<p>Trục, cánh khuấy</p>	<p>Khả năng đo: pH: - 2,00 to 16,00 pH - Nhiệt độ: - 10,0 to 120,0 °C Màn hình: LCD Tín hiệu xuất: 0/4 - 20mA Cơ khả năng kết nối bảng RS485 Nguồn cấp: 230 V AC, 50Hz Nhiệt độ làm việc 0 - 50oC Điện cực pH: Dải đo: 0 - 14pH Độ chính xác: ± 0.02 mA Nhiệt độ vận hành: -5 - 45oC Áp suất làm việc max 6 bar</p>		Việt Nam		bộ	1	16.200.000	16.200.000
d	<p>Thiết bị đo pH online</p>		6308PT	Jenco_Mỹ	12 tháng	bộ	1	20.115.000	20.115.000

e	Bồn composite phía hóa chất	Cấp chuẩn dài 5 mét Bồn phía hóa chất: DxDH=1,5x2,1m Kiểu: bồn đứng. Vật liệu: composite.	Việt Nam	12 tháng	cái	1	29.160.000	29.160.000
f	Máy khuấy hóa chất	Dạng nổi mặt bích - Model: CVT - Tốc độ vòng quay 120-150 vòng/phút - Điện áp: 1,5 Kw/380V/50Hz	Sumitomo, Nhật Bản	12 tháng	cái	1	28.755.000	28.755.000
9	Trục, cánh khuấy	Thép, cánh khuấy Inox SUS304, trục 03 tầng, gia công	Việt Nam	12 tháng	Cái	1	16.200.000	16.200.000
	Bể trộn T-07B,C							
a	Máy kéo tu trộn chìm	Dạng nổi mặt bích Model: CVT Tốc độ vòng quay 20-50 vòng/phút Điện áp: 2,2 Kw/380V/50Hz	Sumitomo, Nhật Bản	12 tháng	cái	2	87.075.000	174.150.000
b	Trục, cánh khuấy	Thép, cánh khuấy Inox SUS304, trục 03 tầng, gia công	Việt Nam		cái	2	16.200.000	32.400.000
c	Bơm định lượng hóa chất kéo tu	Bơm màng, chịu hóa chất Lưu lượng: 0-180 l/h Cột áp: 8bar Công suất động cơ: 0,18 kw Điện áp: 380V/3pha/50Hz IP: 55	FWT-Y	12 tháng	cái	8	17.113.950	136.911.600
d	Bồn composite phía hóa chất	Bồn phía hóa chất: DxDH=1,5x2,1m Kiểu: bồn đứng. Vật liệu: composite	Việt Nam	12 tháng	cái	4	29.160.000	116.640.000
e	Máy khuấy hóa chất	Dạng nổi mặt bích Model: CVT Tốc độ vòng quay 120-150 vòng/phút Điện áp: 1,5 Kw/380V/50Hz	Sumitomo, Nhật Bản	12 tháng	cái	4	28.755.000	115.020.000
f	Trục, cánh khuấy	Thép, cánh khuấy: Inox SUS304, trục 01 tầng, Gia Công	Việt Nam	12 tháng	cái	4	16.200.000	64.800.000
10	Bể phân ứng T-08							
a	Máy kéo tu trộn chìm	Dạng nổi mặt bích Model: CVT Tốc độ vòng quay 20-50 vòng/phút Điện áp: 2,2 Kw/380V/50Hz	Sumitomo, Nhật Bản	12 tháng	cái	1	87.075.000	87.075.000
b	Trục, cánh khuấy	Thép, cánh khuấy: Inox SUS304, 03 tầng, Gia công	Việt Nam	12 tháng	cái	1	16.200.000	16.200.000
c	Bơm định lượng hóa chất kéo tu	Bơm màng, chịu hóa chất Lưu lượng: 0-180 l/h Cột áp: 8bar Công suất động cơ: 0,18 kw Điện áp: 380V/3pha/50Hz IP: 55	FWT-Y	12 tháng	cái	2	17.113.950	34.227.900
d	Bồn composite phía hóa chất	Bồn phía hóa chất: DxDH=1,5x2,1m Kiểu: bồn đứng. Vật liệu: composite	Việt Nam	12 tháng	cái	1	29.160.000	29.160.000
e	Máy khuấy hóa chất	Dạng nổi mặt bích Model: CVT Tốc độ vòng quay 120-150 vòng/phút Điện áp: 1,5 Kw/380V/50Hz	Sumitomo, Nhật Bản	12 tháng	cái	1	28.755.000	28.755.000
f	Trục, cánh khuấy	Thép, cánh khuấy: Inox SUS304, 01 tầng, Gia công	Việt Nam	12 tháng	cái	1	16.200.000	16.200.000
11	Bể lắng thứ cấp T-09	Dạng chuyển động theo ray trên bề						

e	Bồn composite pha hóa chất	Cáp chuẩn dài 5 mét Bồn pha hóa chất: DxDH=1,5x2,1m Kiểu: bồn đứng Vật liệu: composite	Việt Nam	12 tháng	cái	1	29.160.000	29.160.000
f	Máy khuấy pha hóa chất	Dạng nổi mặt bích - Model: CVT - Tốc độ vòng quay 120-150 vòng/phút - Điện áp: 1,5 Kw/380V/50Hz Thân, cánh khuấy: Inox SUS304, trục: 03 tầng, gia công.	Sumitomo, Nhật Bản Việt Nam	12 tháng	cái	1	28.755.000	28.755.000
9	Trục, cánh khuấy	Trục, cánh khuấy: Inox SUS304, trục: 03 tầng, gia công.	Việt Nam	12 tháng	Cái	1	16.200.000	16.200.000
a	Máy kéo tu tròn chậm	Dạng nổi mặt bích Model: CVT Tốc độ vòng quay: 20-50 vòng/phút Điện áp: 2,2 Kw/380V/50Hz	Sumitomo, Nhật Bản	12 tháng	cái	2	87.075.000	174.150.000
b	Trục, cánh khuấy	Thân, cánh khuấy: Inox SUS304, trục: 03 tầng, gia công	Việt Nam	12 tháng	cái	2	16.200.000	32.400.000
c	Bơm định lượng hóa chất kéo tu	Bơm màng, chịu hóa chất Lưu lượng: 0- 180 l/h Cột áp: 8bar Công suất động cơ: 0,18 kw Điện áp: 380V/3pha/50Hz IP: 55	FWT-V	12 tháng	cái	8	17.113.950	136.911.600
d	Bồn composite pha hóa chất	Bồn pha hóa chất: DxDH=1,5x2,1m Kiểu: bồn đứng Vật liệu: composite	Việt Nam	12 tháng	cái	4	29.160.000	116.640.000
e	Máy khuấy pha hóa chất	Dạng nổi mặt bích Model: CVT Tốc độ vòng quay 120-150 vòng/phút Điện áp: 1,5 Kw/380V/50Hz	Sumitomo, Nhật Bản	12 tháng	cái	4	28.755.000	115.020.000
f	Trục, cánh khuấy	Thân, cánh khuấy: Inox SUS304, trục: 01 tầng, Gia Công.	Việt Nam	12 tháng	cái	4	16.200.000	64.800.000
10	Bể phân ứng T-08							
a	Máy kéo tu tròn chậm	Dạng nổi mặt bích Model: CVT Tốc độ vòng quay 20-50 vòng/phút Điện áp: 2,2 Kw/380V/50Hz	Sumitomo, Nhật Bản	12 tháng	cái	1	87.075.000	87.075.000
b	Trục, cánh khuấy	Thân, cánh khuấy: Inox SUS304, 03 tầng, Gia công	Việt Nam	12 tháng	cái	1	16.200.000	16.200.000
c	Bơm định lượng hóa chất kéo tu	Bơm màng, chịu hóa chất Lưu lượng: 0- 180 l/h Cột áp: 8bar Công suất động cơ: 0,18 kw Điện áp: 380V/3pha/50Hz IP: 55	FWT-V	12 tháng	cái	2	17.113.950	34.227.900
d	Bồn composite pha hóa chất	Bồn pha hóa chất: DxDH=1,5x2,1m Kiểu: bồn đứng Vật liệu: composite	Việt Nam	12 tháng	cái	1	29.160.000	29.160.000
e	Máy khuấy pha hóa chất	Dạng nổi mặt bích Model: CVT Tốc độ vòng quay 120-150 vòng/phút Điện áp: 1,5 Kw/380V/50Hz	Sumitomo, Nhật Bản	12 tháng	cái	1	28.755.000	28.755.000
f	Trục, cánh khuấy	Thân, cánh khuấy: Inox SUS304, 01 tầng, Gia công	Việt Nam	12 tháng	cái	1	16.200.000	16.200.000
11	Bể lắng thứ cấp T-09	Dạng chuyển động theo ray trên bề						

a	Hệ thống gạt bùn đáy bể	Model: CVV Tốc độ vòng quay 0,074 vòng/phút Điện áp: 0.4 Kw/280V/50Hz Vật liệu trực gạt bùn: Thép, cánh trực gạt bùn: Inox SUS304	Sumitomo, Nhật Bản	12 tháng	cái	1	378.000.000	578.000.000
b	Máy bơm bùn	Kiểu: Bơm chìm Điện áp: 400V/3pha/50Hz, 1.5KW, 2900rpm Lưu lượng: 10m ³ /h, 12m Đầu bơm: đường kính DN 50 Chất rắn cho phép: 50mm Cấp bảo vệ motor: IP 68 Chuẩn cách điện: lớp F (chịu nhiệt độ đến 155oC) Vật liệu: Thân bơm: gang, cánh bơm: gang Trục: inox	Zenit_Y	12 tháng	Cái	2	18.252.000	36.504.000
c	Tấm lắng lamen	Kích thước tấm lắng: 1000x550x450mm Góc nghiêng: 60o Chiều cao: 0.866m Diện tích bề mặt lắng: 180-220m ² /m ³ Vật liệu: PVC Sản phẩm đã được gia công hoàn thiện thành dạng Block, nghiêng góc 60o với mỗi 1 m ³ gồm 4 Block.	Việt Nam	12 tháng	M3	65	10.800.000	702.000.000
12	Bể trung gian T-10							
a	Máy bơm nước rửa lọc	Kiểu: Bơm trực ngang Điện áp: 400V/3pha/50Hz, 5.5KW, 2900rpm Lưu lượng: 54m ³ /h, 2.5m	SAER-Y	12 tháng	Cái	3	24.745.500	74.236.500
b	Phao nước nước	Đầu bơm: đường kính DN 65-50 Cấp bảo vệ motor: IP 55 Chuẩn cách điện: lớp F (chịu nhiệt độ đến 155oC) Vật liệu: Thân bơm: gang, cánh bơm: gang Trục: inox Loại: phao nổi Nhiệt độ hoạt động: 0 - 50oC Điện áp: 10A / 2-50V Vật liệu: PP	MAC3 - Y	12 tháng	Cái	3	3.105.000	9.315.000
13	Bồn lọc cát T-11A,B							
a	Bể lọc cát	Đường kính 2m, H=2.3m. Vật liệu chế tạo inox dày 4mm. Hệ thống vật liệu lọc cát thạch anh. Giá công sản xuất tại Việt Nam Kích thước van: AxBFH-658-695x870 (mmxmmxmm) Van 5 cửa: Đầu vào, đầu ra, đầu rửa ngược, đầu thoát nước, đầu hút bùn chất Áp lực làm việc: 0.2Mpa-0.6Mpa Nhiệt độ là việc: 5°-50°C	Việt Nam	12 tháng	cái	2	267.300.000	534.600.000
b	Bộ Autovan	Điện áp: AC100~240V/50~60Hz Cơ chế độ kết nối PLC với hệ thống tự điều chỉnh tần Vật liệu bằng nhựa, chịu được áp lực lớn và khả năng chống ăn mòn cao Hai chế độ hoạt động: Cầu đứt tự động và cầu đứt cưỡng bức Đầu nước vào: DN80, đầu nước ra: DN80 Đầu nước vào bình: DN100, đầu cấp nước ngược: DN100 Đường ống hóa chất: DN3/4"	Runsin - Đài Loan	12 tháng	Hệ	2	25.000.000	50.000.000
14	Bồn lọc than hoạt tính T12A,B							
a	Bể lọc than	Đường kính 2m, H=2.3m. Vật liệu chế tạo inox dày 4mm. Hệ thống vật liệu lọc cát thạch anh. Giá công sản xuất tại Việt Nam	Việt Nam	12 tháng	cái	2	294.300.000	588.600.000

b	Bộ Autovan	<p>Kích thước van: AX3dH-65X695X870 (mm(mm(xmm)) Van 5 cửa. Đầu vào, đầu ra, đầu rửa ngược, đầu thoát nước, đầu lọc bảo chất Áp lực làm việc: 0.2Mpa-0.6MPa Nhiệt độ làm việc: 5°-50°C Điện áp: AC100~240V/50~60Hz Có chế độ kết nối PLC với hệ thống tự động trung tâm Vật liệu bằng nhựa, chịu được áp lực lớn và khả năng chống ăn mòn cao Bật chế độ hoạt động: Cài đặt tự động và cài đặt cưỡng bức Đầu nước vào: DN80, đầu nước ra: DN80 Đầu nước vào bình: DN100, đầu cấp nước sơ ngược: DN100 Đường kính bảo chất: DN3/4"</p>	63550-P96A1	Ruskin - Đài Loan	12 tháng	Hệ	2	25.000.000	50.000.000
15	Bể chứa nước sau lọc T-13	<p>Kiểu: Bơm trục ngang Điện áp: 400V/3pha/50Hz, 7.5kW, 2900rpm Lưu lượng: 120m³/h, 15m Đầu bơm: đường kính DN 100/80 Cấp bảo vệ motor: IP 55 Chuẩn cách điện: lớp F (chịu nhiệt độ đến 155oC) Vật liệu: Thân bơm : gang, cánh bơm : gang Trục : inox</p>	IR80-160F	SAER-Y	12 tháng	Cái	2	37.071.000	74.142.000
b	Phao mực nước	<p>Loại: phao nổi Nhiệt độ hoạt động: 0 - 50oC Điện áp: 10A / 250V Vật liệu: PP</p>	H078N-F	MAC3 - Y	12 tháng	Cái	2	3.105.000	6.210.000
16	Bể khử trùng T-14	<p>Bơm màng, chịu hóa chất Lưu lượng: 0-180 l/h Cột áp: 8bar Công suất động cơ: 0,18 kw Điện áp: 380V/3pha/50Hz IP: 55</p>	D 0180	FWT-Y	12 tháng	cái	2	17.113.950	34.227.900
b	Bồn composite phủ hóa chất	<p>Bồn phủ hóa chất: DxDH=1,5x2,1m Kiểu: bồn đứng Vật liệu: composite</p>		Việt Nam	12 tháng	cái	1	29.160.000	29.160.000
17	Bể nén bùn T-16	<p>Kiểu: Bơm chìm cánh bọ Điện áp: 400V/3pha/50Hz, 0.88kW, 2700rpm Lưu lượng: 10,8m³/h, 9.3m Đầu bơm: đường kính DN 50 Chân rắn cho phép: 50mm Cấp bảo vệ motor: IP 68 Chuẩn cách điện: lớp F (chịu nhiệt độ đến 155oC) Vật liệu: Thân bơm : gang, cánh bơm : gang Trục : inox Khớp nối tự động (Autocoupling) - Thanh trượt, xích kéo SUS304</p>	DGG 100/2/G50H	Zenit_Y	12 tháng	cái	2	16.733.250	33.466.500
b	Bể ổn định bùn T-17	<p>Kiểu: Bơm bùn trục vít Điện áp: 400V/3pha/50Hz, 2.2kW, 2900rpm Lưu lượng: 4-10m³/h, 20m Đầu bơm: đường kính DN 32</p>	NM 038 BY 01 L 06 B	NETZSCH - ĐỨC	12 tháng	Bộ	2	10.800.000	21.600.000
a	Máy bơm nạp bùn	<p>Máy nén khí O2 cấp</p>						132.300.000	264.600.000

			AW Series	JUCAI - TRUNG QUỐC	12 tháng	Cái	1	37.800.000	37.800.000
b	Máy nén khí	Công suất 4kW Lưu lượng khí: 430l/phút Điện áp: 4 Kw/380V/50Hz Cấp bảo vệ: IP68 Tốc độ quay poly dẫn nên: 1180 vòng/phút Áp lực làm việc: 12 kg/cm2 Dung tích bình chứa: 300l							
c	Phao mực nước	Loại: phao nổi Nhiệt độ hoạt động: 0 - 50oC Điện áp: 10A / 250V Vật liệu: PP	1107RN-F	MAC3 - Ý	12 tháng	Cái	2	3.105.000	3.105.000
d	Bồn chứa C-Polymer	Bồn chứa C-Polymer Kiểu: bồn đứng Vật liệu: composite		Việt Nam	12 tháng	cái	1	34.425.000	34.425.000
e	Motor khuấy C- Polymer	Dạng nổi mặt bích Model: CVT Tốc độ vòng quay 130-150 vòng/phút Điện áp: 1,5 Kw/380V/50Hz		Sumitomo, Nhật Bản	12 tháng	cái	1	28.755.000	28.755.000
f	Trục, cánh khuấy	Thép, cánh khuấy: Inox SUS304, 2 tầng, Gạo cứng		Việt Nam	12 tháng	cái	1	16.200.000	16.200.000
19	Hệ thống ép bùn bằng tải	Lưu lượng bùn: 5 - 9 m3/h Chiều rộng băng tải: 1250mm Lưu lượng nước rửa: 2,2m3/h Điện: 3pha/380v/50Hz Công suất: 1/4 HP Vật liệu chế tạo Toàn bộ sử dụng SUS 304							
a	Máy ép bùn bằng tải	Loại: Ly tâm trục ngang 2 tầng cánh Lưu lượng: 5 m3/giờ Cột áp: 60 m	NBD-125	Chinhuan - Đài Loan	12 tháng	cái	1	670.275.000	670.275.000
b	Bơm màng khí nén	Loại: bơm màng hoạt động bằng khí nén Lưu lượng: 5 m3/giờ Cột áp: 60 m	DH40-FA-BBB	DEPA- Đức	12 tháng	cái	1	47.250.000	47.250.000
c	Bơm rửa bằng tải	Loại: Ly tâm trục ngang 2 tầng cánh Lưu lượng: 5 m3/giờ Cột áp: 40 m	FC-25-2F	SAER - Ý	12 tháng	cái	1	15.106.500	15.106.500
d	Bơm định lượng	Bơm màng, chịu hóa chất Lưu lượng: 0- 700 l/h Cột áp: 4bar Công suất động cơ: 0,37 kw Điện áp: 380V/3pha/50Hz IP: 55	D 0180	FWT-Ý	12 tháng	cái	2	33.007.500	66.015.000
20	Trạm bơm hồ sinh học	Đặc tính kỹ thuật: Kiểu: Bơm chìm Điện áp: 380V/3pha/50Hz, 2,2kW, 2835rpm Lưu lượng: 54m3/h, 10,4m Đầu bơm: đường kính DN 65 Cấp bảo vệ motor: IP 68 Chuẩn cách điện: lớp H (chịu nhiệt độ đến 180oC) Thân bơm, Cánh bơm bằng gang GJL-250. Trục: inox AISI 431 Khớp nối từ động (Autocoupling) - Thanh trượt, xích kéo SUS304							
a	Máy bơm hồ chu thị sinh học		DRN 300/2/65	ZENIT - Ý	12 tháng	Cái	2	36.254.250	72.508.500
b				Việt Nam	12 tháng	Bộ	2	10.800.000	21.600.000

c	Van của phôi	AMBA11-400x400x1500 (mmxmmxmm) Trục: khung, công: SS304, Vòng điện: EPDM, Loại phao nổi Nhiệt độ hoạt động: 0 - 50oC Điện áp: 10A / 250V Vật liệu: PP	VCP 13	Việt Nam	12 tháng	bộ	1	102.330.000	102.330.000
d	Phao mực nước		H07R3V-F	MAC3 - Ý	12 tháng	Cầu	2	3.105.000	6.210.000
21	Hệ thống quan trắc online	Giám sát, quan trắc tự động, liên tục nước thải đầu ra Các thông số quan trắc bao gồm: lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, pH, nhiệt độ, COD, TSS. -Thiết bị thu nhận tín hiệu đã chứng năng thiết kế module báo theo dạng transmitter CM44x, kết nối với các đầu dò kỹ thuật số đo COD, TSS, pH, Nhiệt độ -Nhiên liệu các sensor theo công nghệ Memosens, kết nối dây dẫn với đầu dò bằng cuộn cảm ứng điện từ, có khả năng chống ồn, giúp đầu dò ngâm được trong nước, thuận lợi cho việc vận hành và bảo trì -Có ngõ ra analog 4-20 mA tương ứng với từng chỉ tiêu đo, giao tiếp chuẩn HART -Cấp bảo vệ: IP66 -Nguồn cung cấp: 100-230 VAC (50/60Hz) -Đầu dò loại kỹ thuật số, sử dụng công nghệ Memosens kết nối với thiết bị hiển thị, ghi nhận dữ liệu CM44x (Mục 1) -Phương pháp đo: hấp thụ quang học UV, loại gần trực tiếp xuống nước thải -Dây đo: 0-170 mg/l -Giới hạn phát hiện: 0.3 mg/l COD -Chiều dài cáp: 3 mét -Tích hợp đầu thổi khí nén làm sạch -Vật liệu sensor: thép không gỉ 1.404, cửa sổ quang học: thủy tinh Quartz -Cấp bảo vệ: IP68, ngâm trực tiếp trong nước -Đầu dò loại kỹ thuật số, sử dụng công nghệ Memosens kết nối với thiết bị hiển thị, ghi nhận dữ liệu CM44x (Mục 1) -Phương pháp đo: loại quang học với 2 nguồn phát LED và 4 nguồn thu tín hiệu giúp gia tăng độ chính xác của giá trị đo -Sensor loại digital theo công nghệ Memosens, chức năng kiểm tra sensor tự động (automatic sensorcheck) -Dây đo: 0 - 4000 mg/l -Cấp loại cổ định, chiều dài kết nối từ đầu đo đến bộ hiển thị: 3 mét -Tích hợp đầu thổi khí nén làm sạch, 6 bước 8mm -Vật liệu sensor: thép không gỉ -Cấp bảo vệ: IP68, có thể ngâm trực tiếp trong nước -Đầu dò loại kỹ thuật số, sử dụng công nghệ Memosens kết nối với thiết bị hiển thị, ghi nhận dữ liệu CM44x (Mục 1) Đầu dò có khả năng tháo rời khỏi dây cáp để căn chỉnh trong phòng thí nghiệm, lưu trữ dữ liệu hiệu chỉnh tại đầu đo. -Phương pháp đo: điện cực thủy tinh, tích hợp đầu dò nhiệt độ -Dây đo pH, nhiệt độ: 0-14 pH							
a	Thiết bị hiển thị, ghi nhận dữ liệu và kết nối với các đầu dò kỹ thuật số		L-aquiline CM44x	Endress+Hauser Đức	12 tháng	TB	1		
b	Đầu dò COD chuyên dùng cho nước thải		Viomax CASS1D	Endress+Hauser Đức	12 tháng	Chiếc	1		
c	Đầu dò TSS chuyên dùng cho nước thải		Turbanax CUS51D	Endress+Hauser Đức	12 tháng	Chiếc	1		
d	Đầu dò pH tích hợp đo nhiệt độ		Endress+Hauser Đức	Endress+Hauser Đức	12 tháng	Chiếc	1		

Mã	Mô tả chi tiết yêu cầu	Đơn vị	Số lượng	Đơn vị	Mã hàng	Chi tiết yêu cầu
a	Thiết bị quan trắc lưu lượng kênh hở đầu ra nước thải					<ul style="list-style-type: none"> -Điện cực thủy tinh loại 23mm, điện cực guard -Chất liệu vỏ bảo vệ: PPS, phần điện cực tiếp xúc với nước thải: thủy tinh với lớp màng không chất chì -Cấp bảo vệ: IP68, ngâm trực tiếp trong nước -Tích hợp đầu thiết kế với van làm sạch -Chiều dài cáp: 3 mét -Áp dụng cho các loại màng đo thủy lực: loại dập chân có khe hình chữ V hoặc dập chân chĩa nhất có thu dòng từ tạo hoặc màng đo Parshall hoặc xây màng bằng gạch thô, lót gạch men. -Thiết bị đo lưu lượng tự động cho màng bờ, đo được cho các màng bờ có lưu lượng: 0-20,000 m³/ngày đêm -Phương pháp đo: sử dụng sóng siêu âm, không tiếp xúc trực tiếp với nước -Chiều dài cáp từ sensor đến transmitter: 10m -Tín hiệu đầu ra là dòng điện ra analog (0/4-20mA). -Màn hình LCD, hiển thị lưu lượng tức thời và lưu lượng tổng -Nguồn cấp: 90-253VAC -Có ngõ ra relay để điều khiển
e	Thiết bị quan trắc lưu lượng kênh hở đầu ra	Endress+Hauser Đức	12 tháng	TB	1	<ul style="list-style-type: none"> DN150 6" Liner, Hard rubber Process Connection: PN16, S317-2FE 410W B, flange EN1092-1 (DIN2501) Electrodes: 1.4435/316L, bullet nose Calibration: 0.5% Approval: Non-hazardous area Housing: Compact Abu, IP67 NEMA4X Cable Entry: Gland M20 (IEEx d > thread M20) Power Supply, Display: 85-260VAC, WEA, 2-line + push buttons, WEA = language DE+EN+FR+IT+ES+PT+NL Adjustment, Software Feature: Factory setup, basic version Output, Input: 4-20mA SIL, HART
f	Thiết bị quan trắc lưu lượng đầu vào	Endress+Hauser Đức	12 tháng	TB	1	<ul style="list-style-type: none"> -Dữ liệu được truyền về trung tâm có khoảng thời gian truyền theo yêu cầu của khách hàng (1 phút, 5 phút, 10 phút, 15 phút hoặc 20 phút/lần - hoặc theo sự kiện), lưu trữ trong cơ sở dữ liệu chuẩn phục vụ phân tích, kết nối website, mobile, tích hợp thẻ nhớ SD 32GB. -Khả năng kết nối với 6 ngõ vào analog (4-20mA) của các thiết bị đo. -Có 12 ngõ ra số sử dụng cho mục đích điều khiển. -Có 16 ngõ vào số đa năng (có thể dùng để xung 250 Hz). -Có cổng kết nối Ethernet/ Modbus TCP master/slave -Kết nối RS485/RS232 Modbus RTU master/slave với các thiết bị ngoại vi. -Cho phép mở rộng khả năng kết nối sau này. -Làm việc với các tần số GSM 850/900/1800/1900 MHz. -Có chức năng truyền nhận dữ liệu qua GPRS, 2 SIM -Chức năng gửi dữ liệu qua ftp (file text / csv theo yêu cầu của chính phủ Việt Nam) -Chức năng gửi tin nhắn SMS đến 32 số điện thoại khác nhau theo sự kiến yêu cầu -Giữ đồng thời 2 sim 3G (1 chạy, 1 dự phòng) đảm bảo đường truyền dữ liệu không bị gián đoạn
g	Thiết bị ghi nhận và truyền dữ liệu GPRS về Trạm trung tâm / Sở TN&MT	Inventia - Ba Lan	12 tháng	TB	1	<ul style="list-style-type: none"> VAG-DATALOGGER-VN2

b	Máy lấy mẫu nước thải tự động	<p>-Ứng dụng trong môi trường không nguy hại</p> <p>-Hút mẫu bằng bơm như đồng, chiều cao hút mẫu tối đa 8m</p> <p>-Vật liệu bao bọc bên trong bằng nhựa Plastic PS</p> <p>-Tích hợp hệ thống làm sạch kiểm soát nhiệt độ mẫu</p> <p>-Số lượng chai lấy mẫu: 12 chai x 2 lít</p> <p>-Số liệu theo chuẩn MCERTS</p> <p>-Nguồn cấp: 100...240VAC ±10%, 50/60Hz</p> <p>-Có 02 ngõ ra 0/4-20mA dạng analog, 02 ngõ ra relay điều khiển, 02 ngõ vào ra kỹ thuật số</p> <p>-Tích hợp thẻ nhớ SD-Card, 1GB, chuẩn công nghiệp</p> <p>-Hệ thống 2 cửa, 4 cửa khóa</p> <p>-Tích hợp cảm biến nhiệt độ bên trong</p> <p>Camera mạng, thân cố định Day/Night cố định.</p> <p>Tích hợp đèn hồng ngoại, khoảng cách tối đa 30m.</p> <p>Cảm biến hình công nghệ CMOS 1/2.7 inch, với 2.0 Megapixel.</p> <p>Ông kính Motorized tiêu chỉnh từ xa zoom & focus, tiêu cự 2.7 mm</p> <p>12 mm (góc nhìn H: 93° to 34° V: 50° to 18°)</p> <p>Tốc độ truyền 30Mbps @ 1080P(1920x1080) / 1.3 M (1280 x960) / 720P (1280 x720) D1 (704 x576/ 704x480) / CIF (352 x288/ 352x240).</p> <p>Độ nhạy sáng cực tiểu: 0.1 lx / F1.2 (color), 0 lx / F1.2 (IR on). Khoe lập thể nhớ SDXC/SDHC đến 64GB</p> <p>Tính năng tự động: Auto (ICR)/Color/BW, BLC, WBC, AGC...</p> <p>Cho phép lắp đến 4 khu vực quan sát nhạy cảm (Privacy Zone)</p> <p>Chuẩn nén hình: H.264/H.264H/H.264B/MJPEG. Quan sát từ xa Web viewer, PSS & DMSS.</p> <p>Vỏ bảo vệ đạt tiêu chuẩn kín nước, bụi IP66.</p> <p>Điện thế sử dụng 12 VDC, PoE (IEEE802.3af compliant)</p> <p>Đầu ghi K-NL304KG có tính năng cấp nguồn PoE cho camera</p> <p>ghi hình mạng, 04 kênh chuẩn nén hình H.264/MJPEG. Xem trực tiếp với độ phân giải FullHD 1080P</p> <p>Bảng thông đầu vào tối đa 200Mbps</p> <p>Khả năng tối đa 128 users. Đầu ra video HDMI/VGA. Phát lại 4 kênh đồng thời</p> <p>Hỗ trợ 02 SATA HDDs (lên tới 8TB), 2 USB (1 USB3.0)</p> <p>Hỗ trợ camera IP UPnP. Có sẵn 4 cổng PoE cho camera.</p> <p>Ngõ relay hỗ trợ các chức năng liên quan kết nối thiết bị ngoại vi.</p> <p>Quan sát từ xa: Web viewer, PSS & DMSS, iPhone, iPad, Android™. Tính năng Image: Bàn độ quay ly vị trí camera.</p> <p>Ngõ Alarm input: 04 kênh, Relay output: 02 kênh. Tương thích tiêu chuẩn ONVIF Version 2.3.</p> <p>Đa ngôn ngữ hiển thị: English / Thai / Vietnamese Ở cùng chuyên dùng dành cho camera 4TB</p> <p>(hơn trị tối đa 90 ngày)</p>	LIQUISTATION CSF48	Endress+Hauser Đức	12 tháng	Chiếc	1	
1	Hệ camera giám sát	<p>Đông Nam Á</p>		Đông Nam Á	12 tháng	HT	1	
22	Hệ thống thiết bị thí nghiệm							
a	Cân phân tích			Ohaus-Mỹ	12 tháng	Cái	1	20.250.000
			PA 213					20.250.000

b	<p>Máy đo pH cầm tay</p> <p>Phạm vi đo pH: -2.00 Đến 16.00 pH - Nhiệt độ: -5.0 đến 105.0°C / 23.0-221.0°F - Độ phân giải pH: 0.01 pH - Độ phân giải nhiệt độ: 0.1 °C / 0.1 °F - Chính xác: ± 0.60 °C, pH: ± 0.02 pH, ± 0.5°C</p> <p>Thang đo DO: 0.0 đến 19.9 mg/l(ppm) - Độ phân giải DO: 0.1 mg/l (ppm) - Độ chính xác: ± 1.5% F.S. (ở 25°C/77°F) - Thang đo nhiệt độ: -5.0 to 50.0°C (23.0 to 122.0°F) - Độ phân giải nhiệt độ: 0.1°C (1°F) - Độ chính xác nhiệt độ: ± 0.2°C (± 1°F) - Bù nhiệt độ: Tự động, 0 to 50°C (32 to 122°F) - Hiển thị: đèn LED 3 số, cao 7mm Thang đo: 90, 250, 600, 999 mg/l hoặc cao hơn sau khi phủ lớp đồng dịch</p> <p>Nguồn sử dụng: 2 pin lithium (250mAh) Thiết bị được thiết kế đạt tiêu chuẩn an toàn 3 IEC 1010 và tiêu chuẩn bảo vệ IP 44 IEC 529</p> <p>Nhiệt độ môi trường hoạt động: -25°C + 65°C Khối lượng: 80g Nguồn điện: 230V, 50Hz Tủ âm FOC 120 E với 02 ổ cắm điện bên trong có thể dễ dàng đồng thời 03 bộ BOD sensor system 6 hoặc 02 bộ BOD sensor system 10 của Velp để xác định BOD</p>	H199131	Hanna - Romania	12 tháng	Cài	1	18.225.000	18.225.000
c	<p>Máy đo DO cầm tay</p> <p>Thang đo DO: 0.0 đến 19.9 mg/l(ppm) - Độ phân giải DO: 0.1 mg/l (ppm) - Độ chính xác: ± 1.5% F.S. (ở 25°C/77°F) - Thang đo nhiệt độ: -5.0 to 50.0°C (23.0 to 122.0°F) - Độ phân giải nhiệt độ: 0.1°C (1°F) - Độ chính xác nhiệt độ: ± 0.2°C (± 1°F) - Bù nhiệt độ: Tự động, 0 to 50°C (32 to 122°F) - Hiển thị: đèn LED 3 số, cao 7mm Thang đo: 90, 250, 600, 999 mg/l hoặc cao hơn sau khi phủ lớp đồng dịch</p> <p>Nguồn sử dụng: 2 pin lithium (250mAh) Thiết bị được thiết kế đạt tiêu chuẩn an toàn 3 IEC 1010 và tiêu chuẩn bảo vệ IP 44 IEC 529</p> <p>Nhiệt độ môi trường hoạt động: -25°C + 65°C Khối lượng: 80g Nguồn điện: 230V, 50Hz Tủ âm FOC 120 E với 02 ổ cắm điện bên trong có thể dễ dàng đồng thời 03 bộ BOD sensor system 6 hoặc 02 bộ BOD sensor system 10 của Velp để xác định BOD</p> <p>Không nhiệt độ cài đặt và hoạt động: 3 - 50°C Độ chính xác nhiệt độ: ± 0.5°C Độ đồng đều nhiệt độ trong tủ: ± 0.5°C Nhiệt độ bên trong tủ hiển thị trên màn hình LED Hệ thống điều nhiệt: tự động tắt mở (Auto-turning) Số ga để mẫu: 02 Thể tích tủ: 120 lít Công suất: 120W Nguồn điện sử dụng: 220V/50Hz Khối lượng: 36 kg Kích thước (WxHxD) mm: 540 x 912 x 550</p>	H19142	Hanna - Romania	12 tháng	Cài	1	18.900.000	18.900.000
d	<p>Thiết bị xác định BOD</p> <p>Nhiệt độ môi trường hoạt động: -25°C + 65°C Khối lượng: 80g Nguồn điện: 230V, 50Hz Tủ âm FOC 120 E với 02 ổ cắm điện bên trong có thể dễ dàng đồng thời 03 bộ BOD sensor system 6 hoặc 02 bộ BOD sensor system 10 của Velp để xác định BOD</p> <p>Không nhiệt độ cài đặt và hoạt động: 3 - 50°C Độ chính xác nhiệt độ: ± 0.5°C Độ đồng đều nhiệt độ trong tủ: ± 0.5°C Nhiệt độ bên trong tủ hiển thị trên màn hình LED Hệ thống điều nhiệt: tự động tắt mở (Auto-turning) Số ga để mẫu: 02 Thể tích tủ: 120 lít Công suất: 120W Nguồn điện sử dụng: 220V/50Hz Khối lượng: 36 kg Kích thước (WxHxD) mm: 540 x 912 x 550</p>	BOD system6	Velp - Italy	12 tháng	Cài	1	60.750.000	60.750.000
e	<p>Tủ âm BOD</p> <p>Nhiệt độ môi trường hoạt động: -25°C + 65°C Khối lượng: 80g Nguồn điện: 230V, 50Hz Tủ âm FOC 120 E với 02 ổ cắm điện bên trong có thể dễ dàng đồng thời 03 bộ BOD sensor system 6 hoặc 02 bộ BOD sensor system 10 của Velp để xác định BOD</p> <p>Không nhiệt độ cài đặt và hoạt động: 3 - 50°C Độ chính xác nhiệt độ: ± 0.5°C Độ đồng đều nhiệt độ trong tủ: ± 0.5°C Nhiệt độ bên trong tủ hiển thị trên màn hình LED Hệ thống điều nhiệt: tự động tắt mở (Auto-turning) Số ga để mẫu: 02 Thể tích tủ: 120 lít Công suất: 120W Nguồn điện sử dụng: 220V/50Hz Khối lượng: 36 kg Kích thước (WxHxD) mm: 540 x 912 x 550</p>	FOC 120E	Velp - Italy	12 tháng	Cài	1	72.900.000	72.900.000
f	<p>Bộ phân ứng COD</p> <p>Quạt trình phân ứng COD nhanh chỉ mất 30 phút tại 160°C. Nhiệt độ làm việc: 70, 100, 120, 150 và 160°C. Điều khiển nhiệt độ bằng vi xử lý PID Độ ổn định nhiệt độ: ± 0.3°C Độ đồng đều nhiệt độ: ± 0.3°C Thời gian làm việc: 30, 60 và 120 phút hay hoạt động liên tục. Dung tích: 8 x ống dài Ø16mm và 1 x ống thứ Ø22mm.</p>	ECO8	Velp - Italy	12 tháng	Bộ	1	46.575.000	46.575.000

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

Mẫu: B01 – DN

Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MS	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		339,356,414,132	130,637,578,393
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	2,262,293,444	2,193,668,316
1. Tiền	111		2,262,293,444	2,193,668,316
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02a	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		319,143,095,830	37,224,684,957
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03a	186,010,352,779	37,224,684,957
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13,934,211,996	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	119,198,531,055	-
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	17,251,207,707	91,146,230,254
1. Hàng tồn kho	141		17,251,207,707	91,146,230,254
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		699,817,151	72,994,866
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06a	696,817,151	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	72,994,866
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.09b	3,000,000	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3,600,732,787	18,880,202,757
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	15,000,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03b	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	-	15,000,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3,600,732,787	3,872,432,757
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	3,600,732,787	3,872,432,757
- Nguyên giá	222		4,144,132,727	4,144,132,727
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(543,399,940)	(271,699,970)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-

- Nguyên giá	225	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	-	-
- Nguyên giá	228	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-
- Nguyên giá	231	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.02b	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	-	7,770,000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06b	7,770,000
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	342,957,146,919	149,517,781,150

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020


Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MS	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		209,181,913,128	16,542,792,203
I. Nợ ngắn hạn	310		209,181,913,128	16,542,792,203
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08a	204,475,844,488	3,645,814,924
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3,172,674,101	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09a	200,061,211	21,977,279
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10a	1,333,333,328	12,875,000,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.08b	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-


4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10b	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	133,775,233,791	132,974,988,947
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	133,775,233,791
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	120,000,000,000	120,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	120,000,000,000	120,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	13,775,233,791	12,974,988,947
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	12,974,988,947	11,181,548,864
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	800,244,844	1,793,440,083
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	431	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	342,957,146,919	149,517,781,150

Lập ngày 20 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu


Nguyễn Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng


Trần Thị Hương

Tổng Giám đốc


NGUYỄN VĂN THÀNH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MS	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		832,188,654,305	339,356,414,132
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	2,528,161,262	2,262,293,444
1. Tiền	111		2,528,161,262	2,262,293,444
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02a	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		816,054,068,622	319,143,095,830
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03a	120,250,327,568	186,010,352,779
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2,255,209,999	13,934,211,996
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		2,350,000,000	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	691,198,531,055	119,198,531,055
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	12,124,707,707	17,251,207,707
1. Hàng tồn kho	141		12,124,707,707	17,251,207,707
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,481,716,714	699,817,151
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06a	680,783,764	696,817,151
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		800,932,950	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.09b	-	3,000,000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2,450,450,372	3,600,732,787
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03b	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2,450,450,372	3,600,732,787
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	2,450,450,372	3,600,732,787
- Nguyên giá	222		4,144,132,727	4,144,132,727
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1,693,682,355)	(543,399,940)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06b	-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		834,639,104,677	342,957,146,919

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MS	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		231,932,731,633	209,181,913,128
I. Nợ ngắn hạn	310		231,932,731,633	209,181,913,128
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08a	203,402,770,158	204,475,844,488
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		27,220,096,101	3,172,674,101
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09a	476,532,050	200,061,211
4. Phải trả người lao động	314			-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319			-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10a	833,333,324	1,333,333,328
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		602,706,373,044	133,775,233,791
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	602,706,373,044	133,775,233,791
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		600,000,000,000	120,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		600,000,000,000	120,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2,706,373,044	13,775,233,791
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		800,244,844	12,974,988,947
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1,906,128,200	800,244,844
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		834,639,104,677	342,957,146,919

Lập ngày 01 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu


Nguyễn Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng


Trần Thị Trang

Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DCM
NGUYỄN VĂN THÀNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Đơn vị tính: VND


Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.01	40,792,958,560	248,790,082,714
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		40,792,958,560	248,790,082,714
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.02	36,008,577,210	233,707,854,190
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		4,784,381,350	15,082,228,524
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.03	2,122,300	3,372,518
7. Chi phí tài chính	22	VII.04	73,263,288	557,822,693
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		73,263,288	557,822,693
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.05	2,330,580,112	13,295,680,500
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21-22)-(24+25)]	30		2,382,660,250	1,232,097,849
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32	VII.06		231,791,794
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		-	(231,791,794)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		2,382,660,250	1,000,306,055
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.07	476,532,050	200,061,211
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50-51-52)	60		1,906,128,200	800,244,844

Lập ngày 01 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu


Nguyễn Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng


Trần Thị Trang

Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	8,160,119,619	78,160,119,619
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(6,457,925,369)	(44,457,925,369)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(480,120,256)	(599,120,256)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(73,263,288)	(557,822,693)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(200,061,211)	(358,688,017)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1,213,489,834	2,613,489,834
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(1,896,371,511)	(34,731,427,990)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	265,867,818	68,625,128
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-	-
III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		
3. Tiền thu từ đi vay	33		
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	265,867,818	68,625,128
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2,262,293,444	2,193,668,316
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	2,528,161,262	2,262,293,444

Lập ngày 01 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu


Nguyễn Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng


Trần Thị Trang

Tổng Giám đốc



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MS	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		770,079,541,297	832,188,654,305
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1,592,442,990	2,528,161,262
1. Tiền	111		1,592,442,990	2,528,161,262
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02a	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		757,222,917,685	816,054,068,622
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03a	51,142,743,708	120,250,327,568
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2,178,965,920	2,255,209,999
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		2,350,000,000	2,350,000,000
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	701,551,208,057	691,198,531,055
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	10,556,396,858	12,124,707,707
1. Hàng tồn kho	141		10,556,396,858	12,124,707,707
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		707,783,764	1,481,716,714
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06a	707,783,764	680,783,764
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	800,932,950
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.09b	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2,222,735,424	2,450,450,372
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03b	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2,222,735,424	2,450,450,372
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	2,222,735,424	2,450,450,372
- Nguyên giá	222		4,144,132,727	4,144,132,727
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1,921,397,303)	(1,693,682,355)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		772,302,276,721	834,639,104,677

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MS	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		167,705,659,595	231,932,731,633
I. Nợ ngắn hạn	310		167,705,659,595	231,932,731,633
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08a	148,449,004,844	203,402,770,158
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		18,250,699,200	27,220,096,101
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09a	672,622,231	476,532,050
4. Phải trả người lao động	314			
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319			
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10a	333,333,320	833,333,324
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		604,596,617,126	602,706,373,044
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	604,596,617,126	602,706,373,044
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		600,000,000,000	600,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		600,000,000,000	600,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4,596,617,126	2,706,373,044
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1,906,128,200	800,244,844
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2,690,488,926	1,906,128,200
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		772,302,276,721	834,639,104,677

Lập ngày 28 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu


Nguyễn Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng


Trần Thị Trang

Tổng Giám đốc


NGUYỄN VĂN THÀNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND


Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.01	60,782,951,449	40,792,958,560
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		60,782,951,449	40,792,958,560
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.02	54,829,402,709	36,008,577,210
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		5,953,548,740	4,784,381,350
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.03	3,186,205	2,122,300
7. Chi phí tài chính	22	VII.04	73,263,288	73,263,288
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		73,263,288	73,263,288
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.05	2,520,360,500	2,330,580,112
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21-22)-(24+25)]	30		3,363,111,157	2,382,660,250
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		3,363,111,157	2,382,660,250
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.06	672,622,231	476,532,050
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50-51-52)	60		2,690,488,926	1,906,128,200

Lập ngày 28 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu


Nguyễn Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng


Trần Thị Trang

Tổng Giám đốc


NGUYỄN VĂN THÀNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	13,400,119,619	8,160,119,619
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(11,457,925,369)	(6,457,925,369)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(495,120,256)	(480,120,256)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(73,263,288)	(73,263,288)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(476,532,050)	(200,061,211)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1,213,489,834	1,213,489,834
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(3,046,486,762)	(1,896,371,511)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(935,718,272)	265,867,818
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-	-
III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		
3. Tiền thu từ đi vay	33		
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(935,718,272)	265,867,818
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2,528,161,262	2,262,293,444
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	1,592,442,990	2,528,161,262

Lập ngày 28 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu


Nguyễn Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng


Trần Thị Hương

Tổng Giám đốc

